



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phát hành vào mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh kiêm Trị sự
Đại đức Thích Thiện Minh kiêm Thư ký Tòa soạn

PHÓ THƯ KÝ

Cư sĩ Nguyễn Văn Bính

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Tòa soạn
ĐT: (08) 37290248

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,
Q. Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

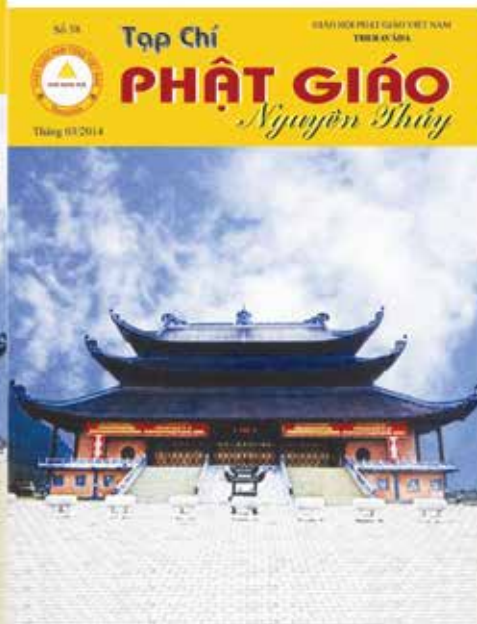
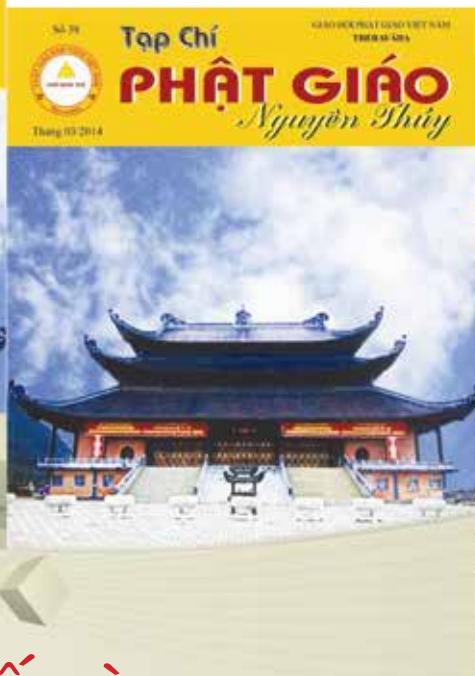
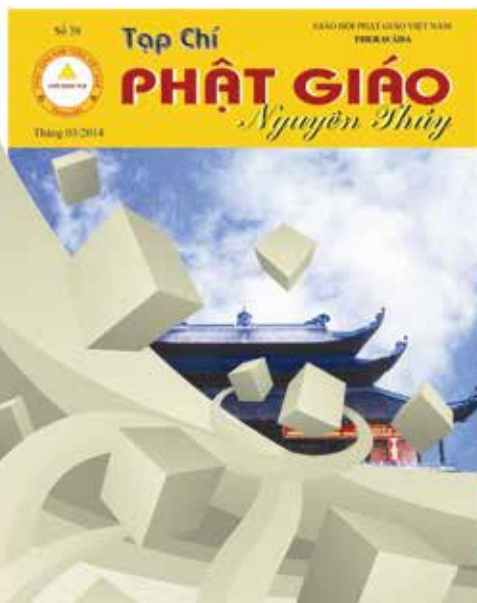
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Chùa Bái Đính - Ninh Bình



Trong số này

1. TIÊU ĐIỂM

- Phật giáo Nam tông trong đời sống chính trị xã hội ở các nước Đông Nam Á TK XI - XVI - Dương Thanh Mừng **03**
- Giá trị đạo đức Phật giáo Nam tông trong văn hóa Việt Nam - Lê Thị Ngọc Diệp **07**
- Nên dùng từ Vesak thay Phật đản - Minh Thạnh **12**
- Những loài Ngựa trong kinh Phật - TK. Định Phúc **13**

2. KINH TẠNG

- Tiểu kinh Saccaka - HT. Thích Minh Châu **15**

3. LUẬT TẠNG

- Bát khất thực và các vật dụng khác - TK. Siêu Minh **16**

4. THIỀN HỌC

- Thiền PG Nguyên thủy và Phát triển - HT. Viên minh **19**

5. LUẬN TẠNG

- Đại cương Vi Diệu Pháp - Thích Tâm Quang **22**

6. VĂN HÓA

- Bài kinh Phật nói về cái chết đã được nghiệp xác định Minh Thạnh **24**

7. ĐỐI THOẠI

- Phỏng vấn HT Thích Giác Toàn - Lưu Đình Long **27**

8. SUY NGÃM

- Quá - Vạn Hạnh **29**

9. VĂN THƠ

- Nghiệm lại chữ Tâm - Khắc Chiếu **30**
- Chùm thơ Hai lúa Nguyễn Công Lý **31**
- Xuân Hạ Thu Đông - Út Hà **32**

10. PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI THƯỜNG

- Phong cách đạo đức trong kinh doanh của cận sự nữ Thùy Hương - Chơn Minh **33**
- Khí phách đẹp xuất gia gieo duyên - Diệu Hòa **36**
- Tu tập pháp Nhẫn nại - ĐĐ. Thiện Minh **39**

11. VĂN HỌC PĀLI

- Kệ ngôn của Trưởng lão Parapariya - TT. Thiện Phúc **42**

12. CHÙA THÁP

- Nghệ thuật kiến trúc thời Asoka - Ngô Bửu Đạt **44**

13. ÂM THỰC DƯỢC THẢO

- Các vị thuốc tốt cho tiêu hóa - BS Thu Vân **47**

14. THEO DÒNG

48

Phật giáo Nguyên Thủy trong đời sống Chính trị - Xã hội ở các nước Đông Nam Á Thế kỷ XI - XVI

Dương Thanh Mừng (*)

“Trong thế giới đông tố và xung đột, hận thù và bạo lực, Thông điệp hòa bình của đức Phật sáng chói như vầng thái dương rực rỡ. Có lẽ không bao giờ Thông điệp của Ngài lại thiết yếu hơn như trong thời đại của thế giới bom nguyên tử, khinh khí ngày nay⁽¹⁾”. Do vậy, việc nghiên cứu về Phật giáo Nguyên thủy ở khu vực Đông Nam Á có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm góp phần xây dựng một khu vực Đông Nam Á hòa bình, an lạc, giàu mạnh và ổn định. Mặt khác, việc nghiên cứu vai trò, vị trí của Phật giáo Nguyên thủy đối với đời sống Chính trị - Xã hội ở các nước trong khu vực Đông Nam Á còn cung cấp cho chúng ta một bức tranh toàn cảnh về những diễn tiến của tôn giáo này trong suốt chiều dài lịch sử.

Trong khuôn khổ của Hội thảo “Phật giáo Nguyên thủy trong kỷ nguyên toàn cầu hóa”, bài viết xin được trình bày và phân tích một số nét khái quát về tình hình Phật giáo Nguyên thủy ở các nước Đông Nam Á từ thế kỷ XI đến thế kỷ XVI cũng như vai trò và vị trí của nó đối với đời sống Chính trị - Xã hội của các nước trong khu vực này.

1. Thích Tâm Quang (dịch), “Phật giáo dưới mắt nhà tri thức”
Nguồn: <http://www.budsas.org/uni/u-pg-trithuc/pgtrithuc01.htm>.



I. PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY Ở CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á THẾ KỶ XI - XVI

1. Ở Miến Điện

Ngay từ những thế kỷ đầu công nguyên, Phật giáo Nguyên thủy đã được du nhập vào Miến Điện. Đầu tiên, Phật giáo Nguyên thủy thâm nhập vào cộng đồng người Môn ở Hạ Miến sau đó lan sang vùng Thượng Miến. Nguyên nhân là do vùng Hạ Miến vốn là một trung tâm thương mại quan trọng, do đó nơi đây sớm có điều kiện để tiếp thu những ảnh hưởng từ văn hoá bên ngoài, đặc biệt là Phật giáo Nguyên thủy từ Nam Ấn Độ. Từ thế kỷ XI - XVI, Miến Điện đã thiết lập và duy trì mối liên hệ chính trị, tôn giáo mật thiết với Tích Lan (Sri Lanka) - trung tâm của Phật giáo Nguyên thủy lúc bấy giờ. Mặc dù trong khoảng thời gian này, tình hình chính trị ở hai nước có nhiều biến động nhưng mối liên hệ giữa Phật giáo Tích Lan và Phật giáo Miến Điện vẫn diễn ra hết sức khăng khít và bền chặt. Chính từ mối quan hệ này không những đã tạo ra những điều kiện cần thiết cho sự phát triển sâu rộng của Phật giáo Nguyên thủy trên chính hai đất nước này mà nó còn lan toả ra nhiều nước trong khu vực Đông Nam Á.



Quần thể tháp Pagan có niên đại từ thế kỷ XI với hơn 2000 ngôi tháp.

Năm 1044, vương triều Pagan do vua Anuruddha xây dựng đã xác lập vai trò thống trị tại Miến Điện. Ngay từ nhỏ, Anuruddha đã sống ẩn cư trong chùa, lại rất ghét thể lực phi pháp của tầng phái Aris, nên sau khi thống nhất vương quốc, ngoài công việc chính sự, ông còn rất chú ý tới việc cải cách Phật giáo. Giữa thế kỷ XI, theo lời khuyên của Shin Arahana⁽¹⁾, vua gửi tặng phẩm cho Manuha,

1. Thượng tọa Shin Arahana là người Môn thuộc xứ Thaton đã



Tượng vua Anuruddha ở phía trước của Bảo tàng Quốc gia

quốc vương Thaton, xin thỉnh kinh sách và Xá lợi Phật, nhưng Manuha từ chối, khiến Anuruddha nổi giận đem quân tiến chiếm Thaton (1057), mang Xá lợi, Tam Tạng kinh điển và chư tăng Phật giáo Thượng tọa bộ về Pagan⁽²⁾. Việc tiến chiếm vùng đất Thaton thuộc xứ Rāmanna (Hạ Miến) đã tạo ra biến cố quan trọng không những đối với tiến trình phát triển của Phật giáo Miến Điện mà còn có những tác động không nhỏ đối với lịch sử chính trị - xã hội của đất nước này. Với sự giúp đỡ của Shin Arahana, Anuruddha đã đem Phật giáo Nam Tông và chữ Pāli từ Thaton về Pagan (Thượng Miến). Điều này đã tạo cho Pagan có thêm điều kiện tiếp xúc với Phật giáo Nguyên thủy và cũng sớm hình thành một trung tâm Phật giáo lúc bấy giờ. Đánh giá về công lao của Anuruddha, một sử gia đã ca ngợi: "Anuruddha là một nhân vật vĩ đại đã để lại một dấu son chói lọi trong lịch sử Miến Điện. Ông đã thiết lập chính giáo khắp nơi trong nước, đã loại bỏ các tà phái, đã biến một tiểu quốc thành một nước lớn, đã đem văn hóa Môn ở Hạ Miến giới thiệu đến Thượng Miến, đã làm cho những trang sử của Pagan trở thành những biến cố quan trọng trong lịch sử thế giới⁽³⁾". Riêng việc hộ trì Phật pháp, Anuruddha được xem là "Vua A Dục của Miến Điện".

đến Pagan để hoằng dương Phật pháp.

2. Trần Quang Thuận (2008), *Phật giáo Nam Tông tại Đông Nam Á*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr.149.

3. Trần Quang Thuận (2008), *Phật giáo Nam Tông tại Đông Nam Á*, Sđd, tr.182.

Dưới thời vua Binnaya U (1353 - 1385) thuộc xứ Peru (Hạ Miến), vấn đề Phật giáo rất được quan tâm. Nhà vua đã cử một phái đoàn đến Tích Lan để chiêm ngưỡng thánh tích Phật giáo và thỉnh Xá lợi Phật về cất giữ trong một bảo tháp. Ngoài ra, nhà vua còn cho xây cất và sửa sang nhiều chùa tháp khác. "Năm 1362, vua Binnaya U sửa chữa lại chùa Shwe Dagon và nâng chiều cao của chùa này lên 66 bộ. Đó là một địa danh nổi tiếng của người hành hương, nằm ở ngay bên ngoài làng chài nhỏ Dagon, tên làng phỏng theo tên của ngôi chùa, và nhiều thế kỷ sau đó làng này đã được Alangpaya đổi tên là Rangoon⁽⁴⁾".

Năm 1429, hai Đại sư người Tích Lan là Siri Dhammalankara và Sihala Mahasami tới Kusima (Nam Miến) để hoằng dương Phật pháp nhưng vua của Peru lúc bấy giờ là Binnya Ram đã không chấp thuận và yêu cầu họ chuyển đến Sirikhetta (Prome). Tại đây, họ đã được vua của xứ Ava là Mengnansi (1427 - 1440) tiếp đón nồng hậu. Do vậy, Hai Đại sư người Tích Lan này đã quyết định chọn Mramma là nơi định cư và bắt đầu thực hiện sứ mệnh hoằng dương Phật pháp của mình. Những đóng góp của hai Đại sư Tích Lan đã góp phần làm cho Phật giáo Nguyên thủy ngày càng thâm nhập sâu vào vùng đất Ava của Miến Điện lúc này.

Một trong những vị vua kế nghiệp của Mengnansi là Narapati (1443 - 1469) cũng với lòng nhiệt thành hâm mộ đạo Phật, ông đã tạo mọi điều kiện cho sự phát triển của Phật giáo nơi đây. Theo nhà nghiên cứu D.G.E. Hall: "Dưới thời Narapati, một số lượng lớn các nhà sư Miến Điện đã đến Tích Lan sinh sống và nghiên cứu Tam Tạng kinh điển. Nhà vua đã mua một vùng đất ở Kotte (Tích Lan) với mục đích xây dựng lên một tự viện cho các tăng nhân người Miến cư trú để nghiên cứu kinh điển hoặc là chỗ trú chân cho các tăng nhân Miến khi đến thăm viếng hòn đảo này⁽⁵⁾".

Thế kỷ XV, đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của Phật giáo Nguyên thủy ở Hạ Miến. Các ghi chép của giai đoạn này cho thấy những vị vua cai trị vương quốc Môn đã bảo trợ rất lớn cho Phật giáo và duy trì mối liên hệ mật thiết với Tích Lan. Trong nửa đầu thế kỷ XV, có 6 nhà sư từ Ramanna đã đến Tích Lan để nghiên cứu kinh điển và học tập nghi lễ theo truyền thống Mahavihara của Tích Lan. Sau đó họ trở về nước để hoằng dương Phật pháp. Bia ký Kalyani đã đề cập đến đại sư Suvannasobhana như sau: "Người xứ Martaban đến Tích Lan nghiên cứu

Phật lý, học hỏi nghi thức Bồ Tát và nhận được sự thọ giới từ các nhà sư ở chùa Mahavihara. Sau khi trở về nước Ngài là một nhân vật quan trọng trong Giáo hội Tăng già Miến Điện vào cuối thế kỷ XV, là vị Giáo Thọ trong lễ đại giới đàn ở Kalyanisima và cũng là người thành lập giáo phái Sihala Sangha ở Hạ Miến⁽⁶⁾".



Tượng vua Bayinnaung ở phía trước của Bảo tàng Quốc gia

Năm 1555, Bayinnaung, vua của triều đại Toungoo đã tấn công và thôn tính triều đại Ava, thống nhất đất nước Miến Điện. Chiến công đó đã đưa ông trở thành "Vị anh hùng dân tộc thứ hai" trong lịch sử Miến Điện. Bayinnaung là người hâm mộ và luôn đề cao Phật giáo. Trong 30 năm ở ngôi (1551 - 1581), ông đều hộ trì Phật pháp, ông cho in nhiều Kinh Phật, xây dựng hàng loạt chùa tháp... Đặc biệt, ông còn đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá Phật giáo ở Xiêm (xây dựng chùa chiền, gửi các nhà sư có học thức uyên bác cũng như bản sao Tam Tạng đến một số vùng của Xiêm để hoằng hóa). Sau khi Bayinnaung mất, Hạ Miến

4. D.G.E. Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 264.

5. D.G.E. Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Sđd, tr.192.

6. Vũ Quang Thiện (1998), *Đạo Phật ở Miến Điện*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, tr. 126.

rơi vào thời kỳ khủng hoảng còn Thượng Miến cũng bị chia cắt. Dân số trong nước giảm mạnh do nạn đói, hậu quả của chiến tranh với nước ngoài hoặc xung đột nội bộ Peru, nơi đóng vai trò là trung tâm của Phật giáo Nguyên thủy đã mất đi vị thế và Phật giáo Miến Điện bước vào giai đoạn suy thoái.

2. Ở Thái Lan

Người Thái chính thức dựng nước vào thế kỷ XIII, với sự thành lập nhà nước Sukhothay (1257). Đây là một sự kiện quan trọng không chỉ đối với lịch sử chính trị mà còn đối với cả lịch sử Phật giáo Thái Lan. Kể từ đây, Phật giáo đã chính thức được thừa nhận là quốc giáo. Từ nửa sau thế kỷ XIII, vị vua đầu tiên của Thái Lan là Rocaraja đã thiết lập mối quan hệ với Tích Lan. Rocaraja đã gửi sứ giả đến vua Tích Lan là Parakramabahu (1236 - 1271) thỉnh cầu cho phép mang tượng Phật và các Đại sư từ Tích Lan đến Sukhothay để hoằng pháp. Nhờ sự nhiệt thành bảo trợ Phật giáo của các vị vua Thái mà Phật giáo Nguyên thủy và ngôn ngữ Pāli đã trở nên phổ biến ở Thái Lan và Lào.

Dưới triều đại của vua Lothai (1317-1347), giáo phái Sihala Sangha (Tăng già) đã được thành lập tại Sukhothay. Cũng trong thời gian này, một vị Đại sư người Thái với pháp hiệu là Sumana đã từ Sukhothay đến Ramanna (Hạ Miến) thọ đại giới và nghiên tâm kinh điển do chư tăng Tích Lan truyền dạy. Sau khi về nước, Đại sư đã dành nhiều thời gian và tâm huyết để hoằng dương chánh pháp tại Sukhothay. Có thể nói rằng, Đại sư Sumana là một nhân vật lỗi lạc trong lịch sử Phật giáo Thái Lan.

Là một Phật tử hộ đạo nhiệt thành, năm 1347, Vua Luthai (con vua Lothai) cho xây dựng nhiều tự viện, thành lập nhiều trung tâm Phật giáo. Vua nghiên cứu Tam Tạng kinh điển và sáng tác bộ Traibhumikatha bản về vũ trụ quan Phật giáo. Không những thế, vua Luthai còn sinh hoạt như một tăng nhân "Vị này giữ gìn mười giới, thương dân, thấy gạo của dân không ham, thấy tài sản của dân không chiếm. Nếu có người lường gạt, bắt kính hay bỏ thuốc độc làm hại, vua cũng rộng lòng tha thứ. Vua không bao giờ giết hại hay đánh đập dân, luôn luôn kiềm chế sự nóng giận, luôn luôn hướng về Phật đạo, muốn cứu chúng sinh ra khỏi cảnh trầm luân⁽⁷⁾".

Sự thành lập của vương quốc Ayuthaya giữa thế kỷ XIV và sự dời đô từ Sukhothay đến Ayuthaya đã mở ra một trang sử mới của lịch sử và hoạt động văn hóa ở Thái Lan. Được sự bảo trợ và cho

7. Trần Quang Thuận (2008), *Phật giáo Nam Tông tại Đông Nam Á*, Sđd, tr. 193.



Tượng Phật nằm dài 37 m cao 8 m tại Ayuthaya.

phép của vương triều, Phật giáo Nguyên thủy ngày càng thịnh hành và Ayuthaya đã trở thành trung tâm Phật giáo Nguyên thủy quan trọng lúc bấy giờ. Quốc vương Ayuthaya cũng như quốc vương Sukhothay đều duy trì và phát triển mối liên hệ tôn giáo, văn hóa với Tích Lan, đồng thời khuyến khích sự phát triển của giáo phái Sihala Sangha tại Thái Lan.

Vua Tilokaraja sau khi lên nắm vương quyền (1442 - 1487), đã phát triển giáo phái Sihala Sangha ở Bắc Xiêm. "Vua là bậc anh dũng, can trường, hùng lực vĩ đại, biết phân biệt điều gì lợi mình, lợi người, cẩn trọng, thành tín, thuần hậu, thông thái. Từ khi lên ngôi tiếng thơm bay tỏa bốn phương⁽⁸⁾". Nhà vua đã cho xây dựng chùa Virisarvajna, đó là ngôi chùa quan trọng nhất, đẹp nhất Ayuthaya lúc bấy giờ. Bên cạnh đó, Tilokaraja còn cử sứ thần tới Tích Lan thỉnh Tỳ kheo Tích Lan về Ayuthaya giúp công việc phát triển Phật giáo. Có thể nói triều đại Tilokaraja là thời đại hoàng kim về nghệ thuật, văn học, tôn giáo tại Nabbisipura.

Như vậy, trước thế kỷ XI, Phật giáo Bắc Tông giữ vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của cộng đồng người Thái. Tuy nhiên, từ sau thế kỷ XI, được sự bảo trợ của các vị vua đứng đầu triều đại, Phật giáo Nguyên thủy đã nhanh chóng ăn sâu bám rễ và khẳng định vai trò, vị trí của mình. Đây cũng chính là cơ duyên để Phật giáo Nguyên thủy trở thành tôn giáo độc tôn trong suốt chiều dài lịch sử Thái Lan (còn tiếp). ●

8. K.L.Hazra (1982), *History of Theravāda Buddhism in South - east Asia, Lecturer in Pali, Calcutta University, New Delhi*, p.160.

GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY trong Văn hóa Việt Nam

Lê Thị Ngọc Diệp
Khoa Văn hoá học

PHẬT GIÁO KHI DU NHẬP VÀO VIỆT NAM ĐÃ CÓ ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC TRÊN MỌI LĨNH VỰC TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ XÃ HỘI, NHẤT LÀ LĨNH VỰC HỆ THỐNG TƯ TƯỞNG. ĐẠO PHẬT ĐÃ TRỰC TIẾP HOẶC GIÁN TIẾP GÓP PHẦN HÌNH THÀNH MỘT NỀN TẢNG ĐẠO ĐỨC, QUAN NIỆM SỐNG VÀ SINH HOẠT CỦA NGƯỜI VIỆT NAM. TRONG VĂN HOÁ VIỆT NAM, TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY ĐÃ CÓ VỊ TRÍ VÀ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐỊNH. ĐẶC BIỆT LÀ TẦM ẢNH HƯỞNG TRONG VĂN HOÁ ĐẠO ĐỨC CỦA NGƯỜI VIỆT – MỘT TRONG NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HOÁ BIỂU HIỆN RÕ NÉT CỦA NỀN VĂN HOÁ GỐC NÔNG NGHIỆP, LUÔN ĐẶT GIÁ TRỊ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LÊN HÀNG ĐẦU.

Phật giáo nguyên thủy là những lời giáo huấn do chính Đức Phật phát biểu. Sau khi đức Phật diệt bần, tư tưởng triết lý của đức Phật được tập hợp lại trong một khối lượng kinh điển rất lớn. Hai văn tự căn bản ghi lại kinh sách của Phật giáo là Bắc phạn (Sanskrit) và Nam phạn (Pāli), được tổ chức thành Tam tạng (Tạng kinh, Tạng luật, Tạng luận). “Tạng Bắc Phạn truyền vào Tây Tạng, rồi truyền bá sang Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, v.v...; Tạng Nam Phạn truyền bá sang các nước vùng Đông Nam Á. Kinh điển Nam tông là một hệ thống thống nhất, giữ nguyên tính truyền thống lời Phật dạy. Kinh điển Bắc tông phong phú, pha trộn, tùy theo sự tiến triển mà các luận điểm, giới luật được bổ sung⁽¹⁾”.

Nhiều quan điểm cho rằng Phật giáo Nguyên thủy chính là Phật giáo Nam tông. Về quan điểm Phật giáo Nguyên thủy thuộc tông phái Nam tông, Nam truyền. Trong nội dung bài viết này, chúng tôi không

1. Trịnh Doãn Chính (2012): Lịch sử triết học phương Đông.

phân biệt tư tưởng của hai tông phái lớn là Nam tông, Bắc tông mà dựa trên những tư tưởng cốt lõi của triết lý Phật giáo. Nam tông và Bắc tông tuy có điểm khác biệt nhưng những khác biệt ấy không cơ bản, vẫn tuân theo những nền tảng cốt lõi trong triết lý Phật giáo Nguyên thủy như: “Thập nhị nhân duyên, Tứ diệu đế, Bát chánh đạo” là những triết lý tối cao, là tư tưởng của triết lý đạo đức nhân sinh căn bản nhất của Phật giáo Nguyên thủy mang một tinh thần nhân văn sâu sắc.

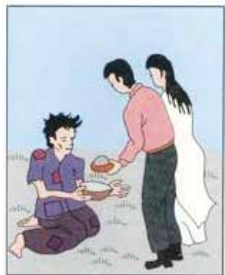
Phật giáo khi du nhập vào Việt Nam đã có ảnh hưởng sâu sắc trên mọi lĩnh vực trong đời sống văn hoá xã hội, nhất là lĩnh vực hệ thống tư tưởng. Đạo Phật đã trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần hình thành một nền tảng đạo đức, quan niệm sống và sinh hoạt của người Việt Nam. Trong văn hoá Việt Nam, tư tưởng Phật giáo đã có vị trí và ảnh hưởng nhất định. Đặc biệt là tầm ảnh hưởng trong văn hoá đạo đức của người Việt – một trong những giá trị văn hoá biểu hiện rõ nét của nền văn hoá gốc nông nghiệp, luôn đặt giá trị giáo dục đạo đức lên hàng đầu.

1. ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

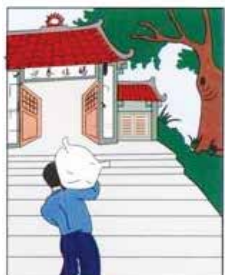
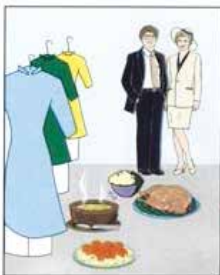
Văn hóa Việt Nam là một nền văn hoá gốc nông nghiệp, do đặc điểm môi trường sống với khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều và địa hình sông nước, nên kinh tế chủ yếu là nghề nông nghiệp lúa nước. Từ loại hình văn hoá gốc nông nghiệp, hình thành tính cách con người Việt Nam cần cù chịu khó, trọng tình cảm, rộng lượng – khoan dung, trọng đạo đức⁽²⁾, trọng quan niệm nghiệp báo luân hồi, triết lý nhân – quả của Phật giáo.

Quan niệm nghiệp báo luân hồi, triết lý nhân – quả của đạo Phật đã trở thành nếp sống, tín ngưỡng của người Việt: Ở hiền gặp lành, làm phúc để tích đức, để mong có tương lai tốt đẹp cho bản thân và cho con cháu các đời sau: *Đời cha ăn mặn, đời con khát nước; cây xanh thì lá cũng xanh, cha mẹ hiền lành để đức cho con.*

Theo luật nhân quả, nghiệp báo và tái sinh là hai phạm trù căn bản có liên quan mật thiết với nhau. Tái sinh là hệ luận tự nhiên của nghiệp. Nghiệp báo (Kamma) chính là mối quan hệ tương ứng giữa những hành vi, ứng xử do con người chúng ta tạo ra gắn với số phận của chúng ta. Nghiệp báo trong cuộc đời con người là sự tổng hợp kết quả của các nghiệp gây ra trong hiện tại cùng với các nghiệp gây ra trong quá khứ. Số phận được tạo ra do chính hành động của con người chúng ta chứ không phải do thể lực nào sắp đặt. Cốt lõi của phạm trù Kamma chính là tư tưởng nhân



Kiếp trước : Cơm gạo bố thí người nghèo.
Đời này : Có ăn có mặc.



Kiếp trước : Dâng gạo cúng chùa.
Đời này : Nhà cao lầu gác.



quả: Làm điều tốt, điều thiện thì có nghiệp tốt ứng báo điều tốt, điều thiện; Gây ra điều xấu, điều ác thì có nghiệp xấu ứng báo điều xấu, điều ác. Gieo gì gặt nấy, nhân nào quả ấy, vì vậy con người phải nỗ lực làm điều tốt, điều thiện, tránh điều xấu, điều ác thì mới có số phận tốt đẹp.

Nghiệp báo luân hồi từ xưa cho đến nay đã dẫn dắt từng thế hệ con người biết soi sáng tâm trí mình vào triết lý nhân quả nghiệp báo mà có hành động, cư xử đúng mực. Người dân Việt hiểu rằng nghiệp nhân không phải là định nghiệp mà có thể thay

đổi: đức năng thắng số, do đó, họ tự nhận thức sửa chữa hành động, ứng xử của bản thân, tu tập, cải ác tùng thiện. Trong cuộc sống, nếu có những tai họa, biến cố đột nhiên xảy ra, thì họ nghĩ rằng kiếp trước đã làm điều xấu, nên gặp khổ nạn ở kiếp này, kiếp này phải trả: Bởi chưng kiếp trước vụng tu, kiếp này tu để đền bù kiếp sau; Làm ác kiếp sau chịu tội. Không than trời trách đất, cam chịu và tự cố gắng phấn đấu hướng thiện, tích đức tu nhân, để chuyển hóa dần ác nghiệp kia.

Nghiệp báo còn được thể hiện rất rõ trong ngôn ngữ thường ngày. Khi gặp những hoàn cảnh thương tâm, những tai nạn rủi ro trong cuộc sống, chúng ta thường chia sẻ bằng từ “tội nghiệp”. Tội đây là tội



Kiếp trước : Đánh cha đập mẹ.
Đời này : Tay chân bị tật nguyên



Kiếp trước : Chê cười người lay Phật.
Đời này : Gù lưng.



gãy đũa, xia răng gãy chày.

Phật giáo có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành nhân cách cá nhân cũng như quan niệm đạo đức sống của cộng đồng. Hàng ngày, câu nói cửa miệng của người Việt luôn là: Cầu trời khấn Phật phù hộ độ trì, v.v... Quan điểm Phật giáo Nguyên thủy lấy nội tâm làm chủ, Phật tử tự giác ngộ cho bản thân mình, tu theo Phật cốt ở tu tâm: Phật tại tâm; Phật tức tâm, tâm tức Phật. Tâm trở thành tiêu chí quan trọng để đánh giá con người, phân biệt người tốt, người xấu: *Ở lâu mới biết lòng người có tâm.* Theo lời Phật dạy, muốn suy nghĩ, hành động khách quan thì tâm phải tĩnh, tâm bị thiêu đốt bởi tham lam, hận thù, si mê thì nhận thức không thể khách quan được. Muốn cho tâm được yên tĩnh, tỉnh táo thì nên nghỉ và làm những điều thiện: Làm lành tránh dữ.

Đạo Phật nhằm giải thoát con người khỏi vòng

2. Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc Văn hóa Việt Nam: Cái nhìn hệ thống - loại hình*

vô thường mà trở về với thường trụ bất sinh - bất diệt. Đạo Phật cũng quan niệm cuộc đời là bể khổ, con người trầm luân trong bể khổ, dứt được cái khổ, tức là giải thoát. Đạo Phật đã tìm ra nguyên nhân cái khổ ở bản thân con người, chính là do nhân duyên (duyên nghiệp) luân hồi. Ai cũng khổ, nhưng ai cũng có thể giải thoát được bằng cách tu tâm.

Đạo Phật chủ trương bình đẳng và tự giác, đồng thời chủ trương khuyên con người ta sống tử, bi, hỷ, xả, bác ái... có lòng thương người, thương đồng loại: Xả kỷ vị tha. Trong cuộc sống, người Việt luôn coi trọng chữ nhẫn, có thể nói chữ nhẫn dẫn đến sự thành công: *Chữ nhẫn là chữ tượng vàng, ai mà nhẫn được thì càng sống lâu*; Lấy nhịn làm đầu: *Một sự nhịn, chín sự lành*; Lấy tình yêu thương, tử bi bác ái mà hoá giải oán thù: *Dĩ đức báo oán*; Sống vì mọi người: *Xả thân*



cứu thế, Làm việc thiện, cứu giúp những con người đau khổ, gặp hoạn nạn: *Cứu một người phúc bằng hà sa*; *Dù xây chín cửa phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người*; Sẵn sàng chia sẻ, đùm bọc lẫn nhau trong cơn hoạn nạn: *Lá lành đùm lá rách v.v...*

Từ thế giới quan nhân sinh duyên, triết lý Phật giáo đã vạch ra nguồn gốc nỗi khổ của con người và chỉ ra con đường giải thoát sự diệt khổ. Trong Tứ diệu đế, Đạo đế là con đường đưa đến đạo quả, giải thoát khỏi đau khổ, không phải bằng cách tu luyện ép xác, mà chính là theo Bát chánh đạo, tu luyện đạo đức theo giới luật (sila), tu luyện tri thức (Jana); không vi phạm ngũ giới: không sát sinh, không trộm cắp, không gian dâm, không nói dối, không uống rượu.

Quan điểm Tử bi của Phật giáo thể hiện tình yêu thương vị tha không chỉ giữa người và người với nhau mà đối với tất cả chúng sinh. Tình yêu thương này được thể hiện qua đạo lý Tứ ân gồm: Ân cha mẹ, ân sư trưởng, ân quốc gia và ân chúng sinh. Đạo lý này được xây dựng theo một trình tự phù hợp với bước phát triển của tâm lý về tình cảm của dân tộc Việt. Tình yêu thương này bắt đầu từ thân đến xa, từ trong gia đình, đến họ hàng, bạn bè thân hữu, rồi đến

các mối quan hệ xã hội. Trong đạo lý Tứ ân, ân cha mẹ có tầm ảnh hưởng rất sâu đậm trong tình cảm và đạo lý của người Việt. Đạo Phật rất chú ý đến hiếu hạnh: Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật. Hiếu hạnh xuất phát bởi lòng tử bi, là Bồ tát hạnh vậy. Trên cơ sở đó, lòng hiếu thảo trở thành một nền luân lý đạo đức thiết yếu mà bốn phận làm con phải chu toàn: Làm trai hết đủ trăm đường, Trước tiên đều hiếu, đạo thường xưa nay. Hiếu hạnh được đức Phật thuyết giảng nhiều trong các kinh. Phật giáo đặc biệt chú trọng chữ hiếu, nên thích hợp với nếp sống đạo lý truyền thống của dân tộc Việt. Hiếu với cha mẹ được đề cao như con đường tu tập chân chính: Tu đầu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ bằng ba tu chùa.

Giáo lý Phật giáo đã có tầm ảnh hưởng quan trọng với sự hình thành giá trị văn hoá đạo đức trong đời sống của người Việt. Đạo lý Tứ ân là động cơ thúc đẩy Tử, Bi, Hỷ, Xả làm cho con người sống hoà hợp với xã hội, với thiên nhiên hướng đến cuộc sống bình an, hạnh phúc.

Ngoài những ảnh hưởng trong cuộc sống, giá trị đạo đức Phật giáo còn được thể hiện trong nghệ thuật biểu diễn sân khấu như hát bội, chèo, cải lương. Thuyết "nhân quả báo ứng" là chủ đề nền tảng trong việc xây dựng kịch bản các vở chèo như: Quan Âm Thị Kính, Trương Viên, Lưu Bình Dương Lễ, Kim Nhan, Chu Mãi Thần ... ai làm điều thiện được thưởng, làm điều ác bị phạt; Các vở hát bội: San Hậu, Tam nữ đồ vương, Diên võ đình ... là những kịch bản mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc và chứa đựng toàn vẹn triết lý "nhân quả báo ứng", hướng thiện một cách cao đẹp; Các vở cải lương thấm đậm màu sắc Phật giáo như: Thích Ca đắc đạo, Quan Âm Diệu Thiện, Mục Liên Thanh Đề, Thoát vòng tục lụy ... Ngoài ra, còn có các vở chịu ảnh hưởng ít nhiều tư tưởng Phật giáo như: Phạm Công Cúc Hoa, Tấm Cám, Kim Vân Kiều v.v... chuyên chở các bài học đạo đức của triết lý nhân quả - nghiệp báo, khuyên con người ăn hiền ở lành.

Trong văn hoá truyền thống, những tư tưởng, giá trị đạo đức của Phật giáo đã được ông cha ta chọn lọc tiếp nhận, phù hợp với nhân sinh quan của người Việt. Tư tưởng Phật giáo được cha ông ta tiếp nhận vừa làm kim chỉ nam vừa tạo nền tảng luân lý nhân bản. Giá trị đạo đức Phật giáo đã ảnh hưởng và chi phối trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội của người Việt, gần bó mật thiết với tâm hồn con người Việt Nam.

2. ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI HIỆN NAY

Trong xã hội Việt Nam ngày nay, trước sự phát triển của toàn cầu hoá và kinh tế thị trường đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến những giá trị văn hoá, nhất là những giá trị văn hoá đạo đức Phật giáo đã được xây dựng trong giai đoạn văn hoá truyền thống. Đạo đức xã hội ngày càng xuống cấp ở mọi lĩnh vực, kể cả

y đức và giáo dục là hai nghề cao quý cũng ngày càng xuống cấp trầm trọng.

Trong xã hội, xuất hiện nhiều hiện tượng, nhiều lối sống trái với các chuẩn mực xã hội, trái với những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Tình hình tội phạm, an ninh quốc gia, tội phạm ma túy, tội phạm có tổ chức ngày càng nhiều và diễn biến phức tạp. Nạn tham nhũng, buôn lậu, bạo hành, tệ nạn xã hội ngày càng phổ biến và phát triển. Một bộ phận trong lớp trẻ hiện nay có tâm lý sống thực dụng, thờ ơ, buông thả, sùng bái đồng tiền, quay lưng lại với những giá trị văn hoá đạo đức truyền thống.

Dường như một bộ phận con người trong xã hội cũng đã quên đi những quan điểm đạo đức Phật giáo Từ Bi Hỷ Xả, đã trở thành tính cách văn hoá truyền thống của dân tộc. Những người nông dân vốn dĩ hiền lành, chất phác, trước tài sản bị mất đã bất chấp quy định pháp luật, đánh đến chết tội phạm bắt trộm chó, mặc dù người nhà đã ra sức van xin. Nhiều vụ cướp tảo bạo xảy ra ngay trung tâm thành phố, các tổ chức bảo kê ở Hưng Yên, Bắc Ninh, Hoà Bình lộng hành như những con người máu lạnh, không tôn trọng pháp luật. Hiện tượng hôi của cũng đang trở thành "văn nạn", lợi dụng các tai nạn giao thông, cháy nhà, thậm chí những vụ giết người để hôi của, mặc dù người bị nạn đã cầu khẩn, van xin. Những hành vi này cho thấy lòng tham và sự vô cảm của con người đang ngày càng phát triển, lấn át những giá trị đạo đức tốt đẹp.

Bạo lực đường phố ngày càng nhiều. Trên đường phố, tình trạng phóng nhanh, giành đường, vượt ẩu ngày càng gia tăng. Cái văn hoá đã ăn sâu vào tiềm thức người Việt một sự nhịn, chín sự lạnh không ai nhớ nữa, chỉ cần va chạm nhẹ cũng dẫn đến cãi vã, xô xát, không ai nhường nhịn ai. Vì lợi ích, quyền lợi cá nhân của mình, con người chỉ nghĩ đến những vấn đề trước mắt, không nghĩ xa, nghĩ đến tương lai lâu dài, đã vi phạm, xâm phạm đến nguồn tài nguyên môi trường quốc gia, bất chấp sự ngăn cản của những người có trách nhiệm, bất chấp những hậu quả xấu để lại không chỉ cho thế hệ con cháu mình sau này mà ngay thế hệ của chúng ta đã gánh chịu.

Trong lĩnh vực giáo dục, nhất là giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông vẫn còn nhiều bất cập. Bạo lực học đường cũng xuất hiện và phát triển: Thầy đánh trò, trò đánh Thầy, học trò đánh nhau... những chuyện rất bình thường cũng giải quyết bằng bạo lực như: vụ việc nam sinh bị đâm chết vì đẹp trai, nữ sinh đánh nhau vì giành bồ, trò đâm thầy vì thầy cho điểm không cao ...

Trong lĩnh vực y tế, một nghề cao quý, tích thiện, cứu giúp con người khỏi bệnh tật, khỏi bàn tay tử thần, làm phúc làm đức như nghề y. Vậy mà giá trị y đức cũng suy giảm, xuống cấp trầm trọng, nổi bật là

vụ tiêm nhầm thuốc cho trẻ sơ sinh ở Quảng Trị gây tử vong, vụ nhân bản kết quả xét nghiệm ở bệnh viện Hoài Đức, vụ bác sĩ phi tang xác bệnh nhân ở thăm mỹ Cát Tường...

Phân tích nguyên nhân dẫn đến việc suy giảm những giá trị văn hoá đạo đức trong xã hội có thể thấy, trong một thời gian dài chúng ta chỉ chú ý xây dựng đất nước hiện đại, chú ý tăng trưởng kinh tế, không chú trọng nhiều đến việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức. Chính sự khiếm khuyết trong giáo dục đạo đức, đặc biệt, là giáo dục đạo đức truyền thống trong nhà trường cho học sinh, sinh viên vẫn theo kiểu giáo dục từ chương, nhồi nhét trong nhà trường đã tạo nên sự mất cân bằng về tư tưởng ngay trong tâm hồn thế hệ trẻ.

Xu hướng toàn cầu hoá kinh tế đã tác động mạnh mẽ đến mỗi quốc gia, dẫn đến một số tổ chức, cá nhân đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu, làm giàu bất chính bằng mọi giá. Chính điều đó cũng góp phần làm băng hoại đạo đức xã hội, làm mối quan hệ giữa người và người ngày càng xa lạ, vô cảm, thờ ơ.

Sự phát triển của công nghệ thông tin hiện đại, đã hình thành trong một bộ phận người dân, đặc biệt là tầng lớp thanh thiếu niên sống tại các khu đô thị lớn lối sống sùng bái vật chất, vị kỷ, thực dụng, thác loạn, thích dùng bạo lực... Tâm lý sùng ngoại, lối sống tự do kiểu phương Tây cũng đang xâm nhập vào một bộ phận tầng lớp trí thức trẻ và thanh niên đã tạo nên những quan niệm "lệch chuẩn", không phù hợp với những giá trị đạo đức truyền thống của người Việt.

Trong lĩnh vực giáo dục, do thu nhập thấp của giáo viên thấp, đời sống kinh tế khó khăn đã có những vấn đề tiêu cực xuất hiện như: mua bằng, bán điểm, đổi tình lấy điểm... chính những biểu hiện này đã góp phần làm môi trường sư phạm xuống cấp, đạo lý thầy trò suy thoái.

Trước tình hình những giá trị đạo đức đã được



Bệnh viện Đa khoa Hoài Đức nơi nhân bản kết quả xét nghiệm.



Các em được dạy tụng kinh quán tưởng trước khi ăn trong khóa tu mùa hè lần thứ 4 tại chùa Huyền Không - Huế.

xây dựng trong giai đoạn văn hoá truyền thống ngày càng suy giảm, chúng ta cần có sự quan tâm đặc biệt, sự nhìn nhận nghiêm túc trong việc duy trì, giữ gìn, bảo vệ các giá trị đạo đức truyền thống, chứ không chỉ chú ý đến việc xây dựng và phát triển kinh tế.

Đạo đức Phật giáo đã góp phần vào sự phát triển ổn định của xã hội Việt Nam truyền thống, nhưng trong xã hội hiện đại một bộ phận không nhỏ con người trong xã hội đã xa rời những giá trị đạo đức Phật giáo, quên dần định luật nhân quả: Làm nhân tốt thì được quả tốt, tạo nhân xấu thì lãnh quả xấu. Đạo đức Phật giáo đưa con người trở thành toàn thiện và toàn diện, để đạt được điều đó, bản thân chúng ta phải tự nhận thức, tự khai phá chính nhân tâm của chúng ta. Nhưng theo tư tưởng Phật giáo, tu dưỡng đạo đức Phật giáo không phải chỉ bản thân cá nhân tự hoàn thiện mình, mà "sự tự hoàn thiện được thực hiện trong, bằng và qua xã hội. Xã hội vừa là môi trường, vừa là nơi thể nghiệm thử thách và là thước đo của sự tiến bộ. Thế nên, trong khi tự hoàn thiện, cá nhân làm cho xã hội cũng cùng tự hoàn thiện, tự chuyển hóa. Đạo đức Phật giáo là sống trực tiếp một đời sống tự do, hoan hỷ và an vui, không chỉ cho cá nhân mà cả xã hội⁽³⁾".

Như vậy, chính sự xa rời những chuẩn mực, những giá trị đạo đức Phật giáo trong xã hội truyền thống phần nào đã dẫn đến những biểu hiện tiêu cực trong xã hội hiện nay. Khi những chuẩn mực, những giá trị không còn chỗ đứng như là định hướng hoạt động của con người thì sự suy thoái là điều không tránh khỏi.

Phật giáo từ lâu đã thâm nhập vào tâm hồn, nếp nghĩ, lối sống của dân tộc Việt Nam. Đạo Phật đã ảnh hưởng đến mọi sinh hoạt của người Việt từ triết lý, tư tưởng, đạo đức, văn học, nghệ thuật cho đến phong tục tập quán, nếp sống nếp nghĩ... Qua quá trình lịch sử, trải qua bao cuộc biến đổi thăng trầm của đất nước, Phật giáo đã khẳng định mình và có một

chỗ đứng vững chắc trong lòng của dân tộc, tồn tại và phát triển cùng với dân tộc.

Tư tưởng đạo đức Phật giáo đã góp phần tạo nên sự ổn định và phát triển của đất nước. Ngày nay, trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, nhiều quốc gia trên thế giới không chỉ chú trọng đến phát



triển kinh tế, khoa học kỹ thuật mà còn định hướng duy trì ổn định các giá trị đạo đức và giá trị tinh thần. Các giá trị này đóng vai trò quan trọng đối với sự tiến bộ của xã hội. Việc giữ vững định hướng giá trị đạo đức Phật giáo trong văn hoá Việt Nam là yêu cầu cấp thiết, góp phần ngăn chặn nguy cơ suy thoái đạo đức, lối sống lệch chuẩn, góp phần quan trọng trong việc xây dựng đất nước, giữ gìn bản sắc dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. ●

Tài liệu tham khảo

1. Trịnh Doãn Chính (CB) (2012), *Lịch sử triết học phương Đông*, NXB CTQG Hà Nội
2. Nguyễn Thế Đăng, *Đạo đức trong thế giới ngày nay*, <http://www.sangdaotrongdoi.vn/story/dao-duc-trong-gioi-ngay-nay-nguyen-dang>
3. Đỗ Minh Hợp (CB) (2006), *Tôn giáo phương Đông: Quá khứ và hiện tại*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
4. Trương Sỹ Hùng (2010), *Tôn giáo trong đời sống Đông Nam Á*, NXB Văn hoá Thông tin và Viện Văn hoá, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2007), "Toàn cầu hóa và nguy cơ suy thoái đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Triết học*, Số tháng 5/2007
6. Diệu Linh, PCT nước Nguyễn Thị Doan: "Đạo đức xã hội xuống cấp đáng báo động", <http://giaoduc.net.vn/>
7. Đinh Kiều Nga, *Những ảnh hưởng của Phật giáo với văn hoá dân tộc*, http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/2342/Nhung_anh_huong_cua_Phat_giao_voi_Van_hoa_dan_toc
8. Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc Văn hóa Việt Nam: Cái nhìn hệ thống - loại hình*, NXB TP. Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Thế Đăng (2013), *Đạo đức trong thế giới ngày nay*.



Nên dùng từ
thay

VESAK ? PHẬT ĐẢN

Minh Thạnh

Từ Vesak đã được giới Phật tử Việt Nam biết đến từ rất lâu, có lẽ từ những năm 1950, với sự hình thành Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam. Từ Vesak đã được dùng để chỉ ngày Bồ tát đản sinh, ngày trăng tròn tháng năm dương lịch, theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy thế giới.

Toàn Phật giáo Việt Nam chỉ sử dụng đến từ Vesak từ năm 2008, năm tổ chức Đại lễ Vesak Liên hiệp quốc. Sau năm 2008, từ Phật đản được sử dụng lại. Đến năm nay, 2014, với việc tổ chức Đại lễ Vesak Liên hiệp quốc, từ Vesak được sử dụng trở lại một lần nữa.

Nhân việc tổ chức Đại lễ Vesak 2014, từ Vesak được dùng trở lại, thì đây là cơ hội sử dụng thống nhất từ Vesak thay cho từ Phật đản.

Tại sao lại đặt vấn đề sử dụng từ Vesak thay thế từ Phật đản?

Vesak đã là một từ có tính chất quốc tế. Ngày nay, ở các nước Phật giáo Nguyên thủy và nhiều nước khác trên thế giới, nói từ Vesak là mọi người hiểu ngay, thay cho cụm từ Phật đản, ngày sinh của Đức Phật.

Nhưng vấn đề không phải chỉ là việc thông dụng hay phổ biến. Từ Vesak có nội hàm được sự chấp nhận cao trong giới Phật giáo thế giới và Việt Nam, đều không có ở từ Phật đản. Chính vì lý do này khi dự các hội nghị Phật giáo thế giới, chúng ta cũng thấy đoàn Việt Nam cũng dùng từ Vesak, và khi Việt Nam tổ chức lễ mà như Phật giáo Việt Nam vẫn quan niệm, lễ Phật đản Liên hiệp quốc, thì từ Vesak cũng được sử dụng. Đại lễ Vesak, theo Phật giáo Nguyên thủy, là đại lễ tam hợp (tập hợp 3 ngày lễ lớn: Đản sinh, Thành đạo và Niết bàn của Đức Phật).

Trong khi đó, Phật đản lại là một khái niệm không có trong Phật giáo Nguyên thủy, gồm cả khối các nước Phật giáo Nguyên thủy thế giới. Bởi lẽ, theo quan niệm của Phật giáo Nguyên thủy, không có Đức Phật đản sinh mà chỉ có Bồ tát đản sinh.

Nói các nước Phật giáo Nguyên thủy (Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan...) không có quan niệm về ngày Phật đản, thoát nghe có vẻ buồn cười, nhưng đúng thực như thế.

Đó là vì các nước Phật giáo Nguyên thủy không có quan niệm về sự thị hiện của Đức Phật như Phật giáo Bắc tông. Trong đó, Phật đản là một sự kiện biểu trưng cho thị hiện.

Các nước Phật giáo Nam tông quan niệm Đức Phật lịch sử là kiếp sau (xem tiếp trang 46)

NHỮNG LOÀI NGỰA TRONG KINH PHẬT



(tiếp theo) Một con ngựa muốn được vua trọng dụng, cưỡi dùng thì phải được huấn luyện và trở nên kỷ xảo, chọn lọc kỹ càng. Và để trở thành một con ngựa thuần thực, hiền thiện của vua, xứng đáng cho nhà vua, là vật sở hữu của vua, được xem là biểu tượng của vua.

Với một vị Tỳ-khưu cũng như thế, nếu thành tựu với bốn pháp: trực tánh, tốc độ, kham nhẫn và thiện ngôn, vị ấy sẽ trở thành bậc xứng đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được chấp tay, xứng đáng được cúng dường, là ruộng phước vô thượng ở đời⁽¹⁾.

Trong quá trình huấn luyện ngựa, mỗi con ngựa sẽ có quá trình huấn luyện khác nhau tùy theo tính tình khó dạy hay dễ dạy của con ngựa ấy. Căn cứ vào bốn cách dạy ngựa, đức thế tôn đã

1. A.ii.113 (Tăng Chi Bộ Kinh, Chương Bốn Pháp, Phẩm Kesī, Kinh Tốc Độ).

thuyết về bốn hạng người cũng tương tự như thế ở trên thế gian này.

1. Hạng ngựa vừa thấy bóng cây gây thúc ngựa đã chạy, như người vừa nghe nhắc rằng có ai đó mệnh chung liền tỉnh ngộ tu tập và đạt kết quả tốt.

2. Hạng ngựa không sợ bóng cây gây thúc ngựa, chỉ sợ gây thúc vào lông, giống như người vừa thấy ai đó mệnh chung, liền tỉnh ngộ, tinh cần tu tập và đạt kết quả tốt.

3. Hạng ngựa không sợ bóng cây gây thúc ngựa, không sợ bị gây đâm vào lông mà phải đợi gây đâm vào thịt mới sợ, như hạng người khi tận mắt thấy thân nhân mình mệnh chung, liền tỉnh ngộ, tinh cần tu tập và đạt kết quả tốt.

4. Hạng ngựa đợi đến lúc gây thúc thấu xương mới sợ, như hạng người khi tự thân bị bệnh khổ mới tỉnh ngộ, tinh cần tu tập và đạt kết quả tốt⁽²⁾.

Ngựa được điều phục sẽ trở thành ngựa có giá trị, xứng đáng để đem đi chiến đấu hoặc bán với giá cao. Đối với bậc đã điều phục được bản thân mình, các vị ấy sống không phóng dật, sống tinh thức với nội tâm thanh tịnh, nếu so với những phạm phu tục tử, vô công rồi nghề thì các ngài được ví như đang ngồi trên một con tuần mã phi nước đại bỏ lại sau lưng những con ngựa què.

*Tinh cần giữa phóng dật
Tinh thức giữa quần mê
Bậc trí như tuần mã*

2. A.ii.114 (Tăng Chi Bộ Kinh, Chương Bốn Pháp, Phẩm Kesī, Kinh Gây Thúc Ngựa).

Bỏ xa con ngựa què⁽³⁾.

Hay là:

*Ai chận được phần nô,
Như dùng xe đang lắn,
Ta gọi người đánh xe,
Kẻ khác, cầm cương hờ⁽⁴⁾.*

Chúng ta thường hay nghe mọi người nói là ngu như bò hay là lỳ như trâu, còn với loài ngựa thì chỉ biết là nhanh như ngựa chằng hạn thì đó không có gì là có ý chê bai hay mỉa mai. Tuy nhiên, nếu bị ví như là một con ngựa thì hẳn nhiên thật là đau khổ, bởi vì đó là những loài ngựa bất trị, khó dạy. Đức Phật còn chia ngựa thành tám loại, tương ứng với tám hạng người hung dữ, bất trị. Đó là những vị nào, khi được thầy tổ, huynh đệ, bạn đồng phạm hạnh nhắc nhở và phê bình, hay chỉ cho khuyết điểm trong các cuộc họp mặt thì lại tỏ thái độ bất mãn chống đối... thay vì tri ân người chỉ dạy và cố gắng sửa đổi.

1. Hạng người ưa chối cãi, khi bị các vị khác buộc tội thì tránh né vấn đề như là không nhớ. Ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gây thúc, hay bị người đánh xe la, nó đi lùi với cái lưng làm cho cái xe chạy vòng lại.

2. Hạng người chê bai cử tội mình, cho là ngu dốt, không xứng đáng để mắt tới, khi bị các vị khác buộc tội thì chất vấn lại những người buộc tội mình: "thầy lấy quyền gì mà nói, này kẻ ngu, không thông minh? Tại sao thầy nghĩ rằng thầy phải nói?" ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gây thúc, hay bị người đánh xe la, nó nhay lùi lại, đập vào thành xe, làm gãy gọng xe.

3. Hạng người thích trả đũa, bới móc trở lại lỗi lầm của người cử tội mình, khi bị các vị khác buộc tội thì nói rằng "thầy cũng phạm tội tên là như vậy. Vậy thầy hãy phát lộ trước". Ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gây thúc, hay bị người đánh xe la, nó rút chân ra khỏi xe và giẫm nát gọng xe.

4. Hạng người đem lòng oán hận, thù vặt người chỉ lỗi mình, khi bị các vị khác buộc tội thì liền tránh né vấn đề với một vấn đề khác, hướng dẫn câu chuyện ra ngoài và biểu lộ phần nô, sân hận, bất mãn. Ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gây thúc, hay bị người đánh xe la, nó liền đi vào con đường xấu và làm cho xe bị lạc hướng.

5. Hạng người tỏ thái độ giận dữ, khoa tay

3. Dhp.29.

4. Dhp.222.

múa chân, la hét và thốt ra lời thô ác giữa hội chúng khi bị các vị khác buộc tội. Ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gây thúc, hay bị người đánh xe la, nó liền trườn đứng phía thân trước và đập lên không với chân trước.

6. Hạng người không sợ lầm lỗi, chẳng biết kiêng nể ai, bỏ ngang cuộc họp mà đi ra ngoài, khi bị các vị khác buộc tội thì không để ý đến chúng tăng, không để ý đến các tỷ-kheo buộc tội, với tội phạm và như một người bị xúc phạm, vị ấy đi chỗ nào vị ấy muốn. Ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gây thúc, hay bị người đánh xe la, nó không để ý đến người đánh xe, không để ý đến cây roi, lẩy rẩy nghiêng hàm thiết ngựa, và đi chỗ nào nó muốn.

7. Hạng người cứ đứng lỳ lì, không thềm ừ hử, xác định xem khuyết điểm vừa nêu là đúng hay sai. Ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gây thúc, hay bị người đánh xe la, nó không đi tới, không đi lui, đứng lại tại chỗ như một cột trụ.

8. Hạng người bướng bỉnh không muốn ai đụng chạm đến mình, nên khi bị phê bình liền cõng áo vút ra trước cuộc họp, lớn tiếng dọa từ bỏ đoàn thể để... để đổ vạ cho người xây dựng mình. Ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gây thúc, hay bị người đánh xe la, nó liền tréo lại hai chân trước, tréo lại hai chân sau và quỵ xuống bốn chân tại đấy⁽⁵⁾.

Qua những gì đã được trình bày và dẫn chứng từ trong kinh điển, chúng ta thấy rằng ngựa là loài động vật hoang dã nhưng được khéo huấn luyện, khéo điều phục thì cũng sẽ trở thành một con tuấn mã khỏe mạnh, hữu ích và đem đến giá trị cho người sử dụng. Bằng nhiều phương pháp, bằng nhiều phương tiện ngôn ngữ, Đức Thế Tôn đã sử dụng hình ảnh loài ngựa để khuyên dạy các hàng đệ tử từ việc tự điều phục mình cho đến cách đối nhân xử thế như thế nào cho phải lẽ để không bị mang tiếng là người khó dạy, kẻ bất trị hoặc thậm chí bị đem giết bỏ.

Với những gì đã tìm tòi được xin chia sẻ đến toàn thể quý vị như là một món quà xuân chào mừng năm mới, Xuân Giáp Ngọ 2014. Hy vọng rằng món quà Pháp này sẽ giúp ích cho tất cả mọi người trên bước đường tu tập và để tự nhận ra bản thân mình đang là một trong những loại ngựa nào trong kinh điển của Đức Thế Tôn. ●

5. A.iv.14 (Tăng Chi Bộ Kinh, Chương Tám Pháp, Phẩm Lớn, Kinh Ngựa Chưa Điều Phục).

Tiểu Kinh Saccaka

HT. Thích Minh Châu

Bảo tháp nơi tro cốt của vua A Xà Thế được chôn cất trong thành Vương Xá.

Nigantha Saccaka tánh ưa luận chiến đến thách thức Sa-môn Gotama, hỏi về các pháp môn Sa-môn Gotama dạy cho các đệ tử. Sa-môn Gotama trả lời là Ngài dạy năm uẩn vô ngã, các hành là vô thường, tất cả các pháp là vô ngã.

Saccaka liền cất vấn: Như các cây, các hạt giống đều y cứ nơi đất, cũng vậy như người lấy năm uẩn làm tự ngã để làm các thiện sự, ác sự, như vậy các sắc, thọ, tưởng, hành, thức là tự ngã của ta? Đức Phật liền hỏi: Như Vua Pasanadi nước Kosala, Vua Ajātasattu nước Magadha có quyền hành trong quốc gia của mình, có thể giết hay tấn xuất những ai họ muốn, thời nếu năm uẩn là "tự ngã của ta", thời Saccaka có quyền hành gì đối với năm uẩn hay không, có quyền bảo năm uẩn phải như thế này, không phải như thế này không? Saccaka phải xác nhận là "Không!".

Đức Phật lại hỏi năm uẩn là vô thường, khổ,

biến hoại thời có hợp lý chăng, nếu xem năm uẩn là của ta, là ta, là tự ngã của ta. Đức Phật lại hỏi thêm: Ai ái luyến khổ, chấp trước khổ có thể quán khổ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi" không? Có thể hiểu các khổ của mình và sống trừ diệt khổ được không? Saccaka đều phải trả lời là không. Đức Phật kết luận Saccaka đã trả lời phản lại lời tuyên bố của mình và tỏ ra là trống không, trống rỗng, lại dám tuyên bố thách thức luận chiến.

Cuối cùng đức Phật xác nhận các đệ tử của Ngài trở thành tuân phục giáo điển, chấp nhận giảng huấn, nghi ngờ được đoạn trừ, thành tựu vô úy, phải quán tất cả năm uẩn với trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, Cái này không phải là tôi, Cái này không phải tự ngã của tôi". Đối với các vị đã chứng quả A-la-hán, cũng vậy, nhờ quán như vậy mới chứng được vô chấp thủ giải thoát. Với tâm giải thoát như vậy, vị Tỷ-kheo chứng được ba pháp vô thượng: Kiến vô thượng, Đạo vô thượng, Giải thoát vô thượng.

Được giải thoát như vậy, vị đệ tử chỉ cung kính tôn trọng dành lễ Như Lai: "Thế Tôn đã giác ngộ, Ngài thuyết pháp để giác ngộ. Thế Tôn đã điều phục, Ngài thuyết pháp để điều phục. Thế Tôn đã tịch tĩnh, Ngài thuyết pháp để tịch tĩnh. Thế Tôn đã vượt qua, Ngài thuyết pháp để vượt qua. Thế Tôn đã chứng Niết bàn, Ngài thuyết pháp để chứng Niết-bàn.●

Tìm hiểu về Luật tạng Nguyên thủy

BÌNH BÁT VÀ CÁC VẬT DỤNG KHÁC

Tk. Siêu Minh (dịch)



(Tiếp theo) **GIÀY DÉP**. Luật tạng đề cập đến hai loại giày dép, giày da (upahana) và giày dép không làm bằng da (paduka). Nói chung, giày da thuộc loại rất đặc biệt được cho phép sử dụng trong khi đó giày dép không làm bằng da lại không.

Giày da. Vị tỳ khưu sống ở vùng thung lũng sông Hằng có thể mang dép da chỉ khi nào dép da có đế một lớp. Ngài có thể mang dép da nhiều lớp nếu những đôi dép da này đã bị loại bỏ, mà theo tập Chú giải có nghĩa là những đôi dép da này đã bị sờn cũ (hình như đã có người sử dụng ít nhất là một lần). Nằm bên ngoài vùng thung lũng sông Hằng, ta có thể sử dụng dép da nhiều lớp ngay cả dép da mới nữa.

Không được dùng dép nếu như để hay móc hoàn toàn có màu xanh lá (hay xanh dương), hoàn

toàn có màu vàng, hoàn toàn có màu đỏ, hoàn toàn có màu đỏ nhạt, hoàn toàn có màu đen, hoàn toàn có màu cam, hay hoàn toàn có màu hồng tía. Theo tập Chú giải nếu ta lấy miếng vải và lau đôi dép và quai dép có thuốc nhuộm ta sẽ làm hư hỏng màu dép, ngay cả chỉ có một chút xíu, những đôi dép được chấp nhận cho sử dụng. Hiện nay ta có thể sử dụng một cây bút lông để đánh dấu đôi dép nhằm cùng một mục đích trên.

Ngay cả khi được làm bằng da, những loại giày dép sau đây không được phép mang: loại dép gót có lớp phủ ngoài (như loại dép có quai gót), giày ống (hay dép có quai cao lên đến tận bắp chân) giày dép nhồi bông (hay còn gọi là bông gạo), được trang trí với cánh chim trích (hay cánh chim cú) giày dép có đầu nhọn giống như sừng cừu, có đầu nhọn giống như sừng dê, có đầu nhọn giống như đuôi bộ cạp, giày dép được may kèm với lông chim công. Và được trang điểm với da sư tử, da cọp, da báo, da linh dương đen (hay da cây hương), da rái cá, da mèo, da sóc, hay da khỉ châu Á (langur), hay da con cáo bay hay da (chim cú). Tập Chú giải có khẳng định rằng nếu ta loại bỏ những phần phạm giới nơi giày dép, thời ta có thể mang những loại giày dép còn lại. Tập Chú giải cũng khẳng định rằng việc cho phép sử dụng những loại giày dép da nhiều lớp trong những vùng xa xôi hẻo lánh ám chỉ đến toàn bộ những loại da (ngoại trừ da người) được phép sử dụng để may giày dép, nhưng thật khó có thể hiểu được lý do tại sao điều này phải như vậy cả.

Khi chư vị tỳ khưu sang châu Âu, câu hỏi rõ ràng khởi lên là không hiểu những thứ giày ống và giày thường có được phép sử dụng ở nơi có khí

hậu lạnh hơn hay không. Đặc biệt, vào lúc có tuyết rơi. Mặc dù không được phép sử dụng đặc biệt nào dành cho bất kỳ những loại giày dép này khi bị đau ốm hay khi bị bệnh hoạn đe dọa) lại có sự ưu tiên của Đức Phật cho phép sử dụng giày dép làm bằng da nhiều lớp nằm bên ngoài vùng thung lũng sông Hằng là bởi vì mặt đất nơi những vùng xa xôi hẻo lánh thường có đầy đá sỏi và gỗ ghề. Coi đây như là một ưu tiên, hình như cũng có lý để thừa nhận rằng cũng phải có những cho phép tương tự như vậy để sử dụng giày dép thích hợp trong các vùng có tuyết và đá.

Ý định nguyên thủy của sự cho phép sử dụng giày da hình như được sử dụng cho những vị tỳ khưu sống theo khổ hạnh lâm, vì cũng có những khoản luật cho phép sử dụng giày dép nơi những vùng có đông dân cư sinh sống chỉ khi nào đau ốm, và trong các thiền viện chỉ khi nào chư vị tỳ khưu đó bị mắc chứng nề chân, khi họ mắc chứng chai chân hay khi nào vị đó định thức dậy khỏi giường hay chống. Điều gì việc cho phép sử dụng giày dép cuối cùng này chỉ là trước khi thức dậy khỏi giường và chống nấp, vị tỳ khưu bước đi trên sàn nhà có thể mang dép da để chân khỏi bị dơ, nhưng khi nào thực sự đã trở dậy và ra khỏi giường vị đó phải bỏ không được sử dụng loại dép này nữa. Tuy nhiên, cuối cùng dép da thường được cho phép sử dụng trong thiền viện chứ không được phép sử dụng trong các tòa nhà khác ngay cả khi không rơi vào những tình huống đặc biệt này. Tuy nhiên, tập Chú giải cũng làm rõ rằng giày dép nên được gỡ bỏ ra khi đến gần những bảo tháp và những nơi cần phải được kính trọng.

Giày dép không làm bằng da. Chỉ có những loại giày dép không làm bằng da được cho phép sử dụng là những đôi giày – thực tế là những chỗ gác chân được làm bằng gỗ hay bằng đá, v.v... được gắn chết vào những chỗ đi tiểu, những nhà xí và các phòng lau chùi (là những phòng ta lau mình cho sạch sau khi đi tiểu tiện) giày dép không làm bằng da có nghĩa là dùng để đi, không được cho phép sử dụng trong bất kỳ tình huống nào khác. Thuộc phạm vi những phạm trù này Luật tạng liệt kê những loại sau đây: giày dép làm bằng gỗ, giày dép đan bằng lá dừa, giày dép đan bằng tre, giày dép đan bằng cỏ, giày dép đan cỏ muñja, đan bằng lau sậy, đan bằng cây chà là đầm lầy, đan bằng cỏ kamala, đan từ len, giày dép được trang trí với vàng, bạc, đá quý, đá lazuli, pha lê đồng thau, thủy tinh (gương) thiếc, kẽm (chì) hay đồng thau. Việc cấm tuyệt không được sử dụng giày dép đan bằng len khởi lên câu hỏi sử dụng vớ. Theo tiêu chuẩn chung, việc cho phép sử dụng giày dép thích hợp

nơi những địa hạt xa xôi hẻo lánh, được đề cập đến ở trên cũng được áp dụng trong trường hợp này.

Những thứ lọc nước. Chiếc lọc nước là một vật dụng thiết yếu cơ bản dùng để cung cấp nước sạch và ngăn cản các vi sinh vật trong nước gây hại cho con người (xin đọc Pc 20 & 62) Có ba loại lọc nước được cho phép sử dụng, mặc dù loại thứ nhất không được định nghĩa trong bất kỳ bản văn nào: một dụng cụ lọc nước, một cái môi lọc nước (theo tập Chú giải, dụng cụ này bao gồm ba chiếc que cột vào nhau giống như một khung để căng miếng vải lọc nước) một bình lọc nước hình trụ (giống như một chiếc bình có miệng rộng, được phủ bằng những tấm vải lọc, và một lỗ nhỏ ở phần dưới. Tập Chú giải Pr 2 nhấn mạnh là bình lọc nước không được sơn phết hay khắc chạm trang hoàng.

Cv. V. 13.3 đã kể lại câu chuyện cảnh báo sau đây:

Bấy giờ vào thời đó có hai vị tỳ khưu đang cùng nhau du hành theo con đường chính dẫn đến thành Kosala. Một trong hai vị có một tật xấu. Vị kia nói, "Xin đừng có làm điều ngu xuẩn đó nữa, chư hiền. Thật không thích hợp chút nào." Vị tỳ khưu thứ nhất mang theo với mình một mối hận. Thế rồi vị tỳ khưu thứ hai, thẳng vượt được cơn khát, nói với vị tỳ khưu mang trong mình mối hận, "Xin cho tôi mượn chiếc lọc nước của chư huynh đi, tôi muốn uống chút nước cho đỡ khát", vị tỳ khưu mang theo mối hận không đưa cho vị đó. Thế rồi vị tỳ khưu bị khát nước không chế nấp lăn ra chết.

Kết quả biến cố tình cờ xảy ra này, Đức Phật đã đưa vào công thức hai khoản luật sau đây: "Khi chư tỳ khưu thực hiện du hành được yêu cầu cho mượn chiếc lọc nước, vị đó tức khắc phải cho mượn... Và vị tỳ khưu không được lên đường du hành mà không mang theo chiếc lọc nước... nếu không có lọc nước cũng không có bình lọc nước, ngay cả góc thượng bảo có thể được quyết định dùng vào việc này (ngài nói như sau): "Sau khi lọc nước theo kiểu này, ta sẽ uống nước (iminā parissavetvā pivissāmīti)."

Để lọc những khối lượng nước lớn, có hai phương pháp được cho phép sử dụng: phương pháp đầu tiên sử dụng một lọc nước căng lên những chiếc cọc. Theo tập Chú giải cách này giống như chiếc lọc của người thợ nhuộm để lọc thuốc giặt quần áo: một chiếc thang có bốn bậc được đặt lên một chiếc chậu, có vải treo trên những bậc thang đó. Đổ nước vào bộ phận giữa, giữa bậc thang thứ hai và thứ ba, và rồi nước chảy qua vải để làm đầy bộ phận của chiếc chậu đặt ở mỗi phía chiếc thang.

Cách lọc thứ hai là dùng vải lọc trải trong



nước (hồ, sông hay một lượng nước lớn nào đó) hướng dẫn của tập Chú giải như sau: cột miếng vải lược vào bốn chiếc cọc, để cho vải lược võng xuống ở giữa tới phần dưới mặt nước và mức nước đã được lọc nằm giữa miếng vải lọc.

Những trang thiết bị linh tinh khác. Vị tỳ khuừ được phép sở hữu một chiếc dù hay đồ che nắng và sử dụng trong phần lãnh địa thuộc thiền viện – lại nữa mặc dầu giống như với giầy dép, ngài phải hạ dù xuống như là dấu hiệu kính cẩn khi đến gần bảo tháp. Ngài cũng được phép sử dụng dù bên ngoài thiền viện khi bị ốm. Theo tập Chú giải, “ốm đau” ở đây bao gồm cả khi ngài có triệu chứng bị sốt hay trong tình trạng cấu kính, khi ngài có mắt kém hay bất kỳ điều kiện có thể làm trầm trọng khi không che ô dù. Tập Chú giải tiếp tục cho biết thêm khi trời đổ mưa, ta có thể che dù để giữ cho áo cà sa khỏi ướt; và khi trên đường du hành, ta có thể sử dụng dù như là một cách bảo vệ chống lại thú dữ và kẻ trộm (!). Có thắc mắc trong việc sử dụng dù là không có lý do cần thiết hình như là thời xa xưa dù được coi như là một dấu hiệu có địa vị cao và phô trương. Như vậy, tập Chú giải nói tiếp rằng một chiếc dù làm bằng một chiếc lá duy nhất – là điều thường thấy ở đảo quốc Sri Lanka – được phép sử dụng trong mọi tình huống, rất có thể là vì mang dù không có nghĩa là có địa vị cao. Tập Chú giải Pr 2 có ghi thêm rằng ô dù với những trang trí lòe loẹt không bao giờ được sử dụng. Nếu những trang trí đó được làm trên cán dù ta có thể sử dụng ô dù đó sau khi đã cạo bỏ đi hay bọc toàn bộ cán dù đó với sợi chỉ để không thể nhìn thấy những thứ trang hoàng đó.

Những trang thiết bị cá nhân cần thiết sau đây cũng được cho phép sử dụng: một màn muỗi, một bình nước nhỏ (như thường thấy tại Ấn Độ),

một cây chổi, một chiếc quạt tay, một chiếc quạt làm bằng lá dừa (một chiếc quạt có cán) một ngọn đuốc, một chiếc đèn (đèn pin) được nằm dưới tiết mục ở đây: (1) một cái đập muỗi không được làm bằng lông đuôi bò tây tạng (một chiếc đuôi muỗi kiểu này được coi như là món đồ xa xỉ) và thay vào đó phải được làm bằng sợi vỏ cây, làm bằng cỏ khukhus, hay bằng lông chim công (tại sao loại vừa kể lại không được coi như là một món đồ xa xỉ thật khó nói). (2) xung khắc với việc cho phép sử dụng cây trượng trong Mv.V. 6.2, có một cấm ngặt trong Cv. V. 24.1-3 chống lại việc sử dụng cây trượng và đồ đựng đan bằng sợi liễu gai trừ phi vị này được phép chính thức do Tăng chúng đồng ý cho làm như vậy. Cách giải quyết của tập Chú giải về xung khắc này chính là việc ngăn cấm này chỉ áp dụng đối với cây trượng dài hai mét. Bất kỳ cây trượng nào ngắn hơn hay dài hơn hai mét không cần cho phép.

Khi mang một vật nặng, ta không được phép sử dụng cây đòn gánh trên vai có vật nặng ở hai đầu (như những nông dân và những người buôn bán nhỏ vẫn thường dùng tại Thái Lan). Ta chỉ được phép dùng cây đòn gánh với vật nặng ở một đầu hay một cây đòn gánh dùng cho hai người khiêng treo vật nặng ở giữa) ta cũng được phép đội vật nặng trên đầu, trên vai, ở cạnh sườn hay quàng dây vào một móc (trên vai). Ta cũng được phép mang toàn bộ những vật nặng kim loại ngoài trừ vũ khí, cũng như toàn bộ những vật nặng làm bằng gỗ chỉ trừ gỗ cây asandis, pallankas (xin đọc Pc 88) Bát khất thực làm bằng gỗ, và giầy làm bằng gỗ; tất cả đồ dùng làm bằng đất nung ngoại trừ dép với trái sen chia ra (xin đọc chương 6) và một chiếc chậu làm bằng đất quá khổ. Theo tập Chú giải tiết mục vừa kể, ám chỉ đến một chiếc chổi làm bằng đất nung đề cập đến trong Pr 2. Mặc dù được phép mang những vật dụng kim loại ta không được phép tích trữ những thứ đó. Một sưu tập thích hợp chính là ta phải giới hạn những món đồ thực sự ta đang sử dụng. Cv. V. 28.2 đề cập đến một sưu tập “tới một mức độ một hộp dầu xức, một cây gậy xức dầu và một dụng cụ lấy ráy tai.” Tập Chú giải Pr 2 nhấn mạnh rằng dao, kéo và những dụng cụ tương tự không được có những hoa văn trang trí lòe loẹt.

Cuối cùng, mặc dầu Đức Phật khen ngợi hạnh tiết kiệm và việc thực hiện tìm kiếm những vật dụng đã qua sử dụng, loại bỏ, biến cố có vị tỳ khuừ dùng chiếc sọ làm Bát khất thực được nói đến ở trên, đã gây cảm hứng khiến ngài đưa ra hai lệnh cấm không được sử dụng những vật dụng được bỏ đi rõ ràng (còn tiếp).●

THIỀN PHẬT GIÁO NGUYÊN T HỦY VÀ PHÁT TRIỂN

HT. Viên Minh

(tiếp theo) II. 2) NHẬN THỨC:

Thiền tuệ sử dụng một cách nhận thức riêng, vượt ngoài những cách nhận thức thông thường trong thế giới ý niệm hay khái niệm chế định. Nói chung, tâm nhận biết đối tượng theo năm cách:

1) Tưởng tri (sañjānāti): Biết bằng tưởng (saññā), ngoại trừ hiện tưởng trong năm thức giác quan và tưởng đi chung với trí tuệ (ñāṇa saṃyuttam) có đối tượng thực tánh pháp (paramattha dhamma) hiện tiền (trong một số trường hợp là thực tánh quá khứ), phần lớn tưởng còn lại có đối tượng là pháp khái niệm chế định (paññatti dhamma).

Hai trường hợp đối tượng của tưởng tri là thực tánh pháp và những khái niệm chế định có thực (vjjamāna paññatti) thì rất hữu ích cho cả hai lãnh vực nhận thức thế gian và xuất thế. Ngay cả tưởng tri trên đối tượng khái niệm chế định không có thực (avjjamāna paññatti) nhưng thiện thì vẫn tốt, như khái niệm hiếu thảo chẳng hạn.

Tuy nhiên, khi khái niệm không thực là bất thiện hay chỉ là hoang tưởng, ảo tưởng (vipallāsa saññā) thì hậu quả thật khó lường. Ảo tưởng về ra

một thế giới vô cùng phong phú đầy màu sắc, âm thanh, ý nghĩa của riêng nó, có thể đem đến hạnh phúc và đau khổ... nhưng hoàn toàn không thực, lắm khi là điên đảo, thủ chấp như nhận lầm các tướng vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh là thường, lạc, ngã, tịnh. Vì vậy, tuy tưởng có mặt trong tất cả tâm nhưng tưởng tri chỉ có thể cung cấp dữ liệu hoặc làm đối tượng để soi chiếu chứ không phải là nhận thức trực tiếp trong thiền tuệ vipassanā.

2) Thức tri (vijānāti): Biết bằng kiến thức (viññāṇa), hầu như tất cả kiến thức đều nằm trong phạm trù khái niệm chế định mà phần lớn là thủ đắc bằng cách vay mượn từ bên ngoài, thuộc khái niệm chế định (paññatti) trong lãnh vực tục đế (sammuti sacca) nên có thể đúng, có thể sai, có thể thiện, có thể bất thiện, nhưng độ xác thực bất định, khi độ sai lệch cao có thể dễ dàng trở thành vọng thức (vipallāsa viññāṇa). Vọng thức đưa đến ảo kiến (māyā ditṭhi) hay tà kiến (micchā ditṭhi). Thức tri chính xác, trung thực trong trường hợp chánh tư duy (sammā saṅkappa) có thể hỗ trợ hữu hiệu cho thiền tuệ, nhưng thức tri cũng không phải là nhận thức trực tiếp trong thiền tuệ.

Cái biết qua kiến thức đóng một vai trò quan trọng trong nhận thức của loài người. Không có kiến thức có thể đồng nghĩa với ngu dốt. Nếu tưởng tri có tính máy móc mà phần lớn là vô nhân, thậm chí là vô thức thì thức tri, trong trường hợp ý thức là hữu thức, hữu nhân nghĩa là có chủ định, có suy tính ở một chừng mực nhất định nào đó tùy trình độ của mỗi người. Có thể nói tiến bộ của loài người tất yếu phải trải qua thức tri, hầu hết nhận thức trong những lĩnh vực khoa học, triết học... đều thuộc thức tri.

Và tuy thức tri không phải là nhận thức trực tiếp trong thiền tuệ, thậm chí còn trở ngại cho thiền tuệ rất nhiều nữa là khác, nhưng thực tế không thể loại hẳn thức tri ra khỏi thiền tuệ, như một số người chủ trương phải bật dứt tư duy nghĩ tưởng mới là trí tuệ thấy tánh. Đúng là thấy thực tánh phải bằng chánh kiến (trí tuệ trực giác) nhưng ngay sau đó chánh tư duy phải khởi lên để xác định lại mới biết được thực tánh ấy là gì.

3) Thăng tri (abhiñāṇa): Biết qua một khả năng đặc biệt của thiền định gọi là thăng trí (abhiñāṇa). Khi một người đắc định sắc giới (rūpajjhāna) hoặc vô sắc giới (arūpajjhāna) có khả năng nhận thức giác quan cũng như ý thức vi tế hơn nhận thức của tâm dục giới, ví dụ như khả năng thấy xuyên qua tường, nghe rõ những âm thanh tai thường không nghe được hoặc hiểu được tiếng nói lạ theo ngôn ngữ của những loài khác v.v... Những khả năng đó có thể hỗ trợ cho thiền tuệ, nhất là khi vị ấy thấy rõ diễn biến của sự thay đổi cực kỳ vi tế trong hiện tượng vật lý hoặc tâm lý mà "mắt" thường không thể nào thấy được.

Tuy nhiên, những vị này dù đã đắc định, có thăng trí, vẫn còn phiền não nhất là tham ái, tà kiến và ngã mạn nên cái thấy này không những không bổ ích cho thiền tuệ mà còn phát sinh thêm ngã mạn, tà kiến và tham vọng quyền lực siêu nhiên, vì vậy, lắm khi thăng tri trở thành chướng ngại, nên cũng không phải là nhận thức trong thiền tuệ. (Đôi lúc thăng tri được dùng với nghĩa liễu tri, tức là cái biết với định tuệ viên mãn của bậc Thánh nên cũng không phải là nhận thức trong thiền tuệ).

4) Tuệ tri (paññā): Biết bằng trí tuệ (paññā hay ñāṇa) mà khởi đầu là trí tuệ chánh niệm tỉnh giác (sati sampajaññā ñāṇa), cái biết trong sáng, không chủ quan, không tham ưu, thù xả, vượt ngoài ngôn ngữ, ý niệm nên có khả năng nhận thức thực tánh pháp, đối tượng của thiền tuệ, vì vậy, tuệ tri mới chính là nhận thức trong thiền tuệ vipassanā.

Thực ra, tuệ tri được thể hiện qua hai chức năng hỗ trợ vô cùng mật thiết, đó là chánh kiến và chánh tư duy. Chánh kiến có nhiệm vụ tuệ tri phương diện thực tánh của pháp, chánh tư duy có nhiệm vụ tuệ tri phương diện tướng dụng của pháp. Chánh tư duy xác định lại thực tánh mà chánh kiến chỉ trải nghiệm hay chứng kiến mà thôi chứ không xác định được. Có thể nói chánh tư duy vừa mở đầu vừa hoàn tất cho chánh kiến, ngược lại chánh kiến cung cấp nội dung trung thực cho chánh tư duy. Hai yếu tố này không thể thiếu một trong đạo lộ của bậc Thánh.

5) Liễu tri (ājānāti): Biết bằng tuệ giác (bodhiñāṇa hay sambodhi) của bậc đã giác ngộ, như vậy liễu tri là thành tựu của tuệ tri nên cũng không phải là nhận thức trong khi đang tiến hành thiền tuệ.

Vậy trong 5 cách nhận thức trên chỉ có tuệ tri với 3 yếu tố: tinh tấn, chánh niệm, tỉnh giác mới có thể nhận thức đối tượng thực tánh pháp (paramattha dhamma) trong pháp hành thiền tuệ.

II. 3) ĐỐI TƯỢNG:

Đối tượng của tâm nhận thức có hai loại:

1. Pháp khái niệm (paññatti dhamma):

Là pháp do con người chế định, hoặc dựa trên thực tánh, hoặc dựa trên ngoại tướng và tên gọi của hiện tượng, mặt khác, trong nhiều lãnh vực nó cũng dựa trên ý niệm chủ quan đơn thuần. Có 2 loại khái niệm:

1a) Vật (ngĩa) khái niệm (attha paññatti): Khái niệm được chế định dựa trên ngoại tướng (vật) hoặc ý nghĩa (ngĩa) của hiện tượng, có 8 loại:

1a. 1) Khái niệm hình tướng (santāna): dựa trên hình dáng, khối lượng, màu sắc mà chế định, ví dụ như ý niệm cao thấp, vuông tròn, to nhỏ, trắng đen v.v...

1a. 2) Khái niệm tổng hợp (samūha): dựa trên những sự vật gồm nhiều điều kiện hoặc thành tố tạo nên mà chế định, ví dụ như nhà cửa, núi sông, xe cộ, cơ thể v.v...

1a. 3) Khái niệm chúng sinh (satta): dựa trên sự kết hợp của ngũ uẩn mà chế định, ví dụ như chư thiên, người, đàn ông, đàn bà, súc sanh, cầm thú v.v...

1a. 4) Khái niệm phương hướng (disā): dựa trên vị trí tương đối với mặt trăng, mặt trời, tinh tú mà chế định, ví dụ như bốn phương, tám hướng v.v...



1a. 5) Khái niệm thời gian (kāla): dựa trên vị trí của mặt trăng, mặt trời mà chế định, ví dụ như mặt trời đứng bóng là giờ Ngọ, mặt trăng tròn là đêm rằm mà định giờ giặc, ngày đêm, năm tháng v.v...

1a. 6) Khái niệm hư không (ākāśa): dựa trên khoảng trống giữa bốn đại hay những vật thể mà chế định, ví dụ như căn phòng, cái hang, lỗ mũi v.v...

1a. 7) Khái niệm đề mục thiền định (kasiṇa): dựa trên những đối tượng của thiền định mà chế định, ví dụ như loại đề mục đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng v.v...

1a. 8) Khái niệm thiền tướng (nimitta): dựa trên tướng đề mục thiền định do tướng sinh mà chế định, ví dụ như sơ tướng, thô tướng, quang tướng v.v...

1b) Danh khái niệm (nāma paññatti):

Tên gọi được chế định để chỉ một vật, một sự việc hay một ý niệm. Có hai loại danh khái niệm chính:

1b. 1) Danh khái niệm có thực (vijjamāna paññatti): tên gọi đặt cho những pháp có thực tánh (sabhāva hay paramattha dhamma), ví dụ như uẩn, xứ, giới, tâm, tâm sở, sắc, Niết-bàn...

1b. 2) Danh khái niệm không thực (avijjamāna paññatti): tên gọi những vật có hình tướng nhưng không có thực tánh, ví dụ như cái nhà, con đường, ngọn núi, rừng cây..., hoặc chỉ là tên gọi một ý niệm trừu tượng không có thực, như bản ngã, trường

tồn, vạn thọ vô cương ...

1b. 3) Danh khái niệm có thực kết hợp với danh khái niệm có thực: ví dụ như nói danh sắc, nhãn thức...

1b. 4) Danh khái niệm có thực kết hợp với danh khái niệm không thực: ví dụ như nói tâm tôi, sắc đẹp...

1b. 5) Danh khái niệm không thực kết hợp với danh khái niệm có thực: như nói tôi thấy, anh tham...

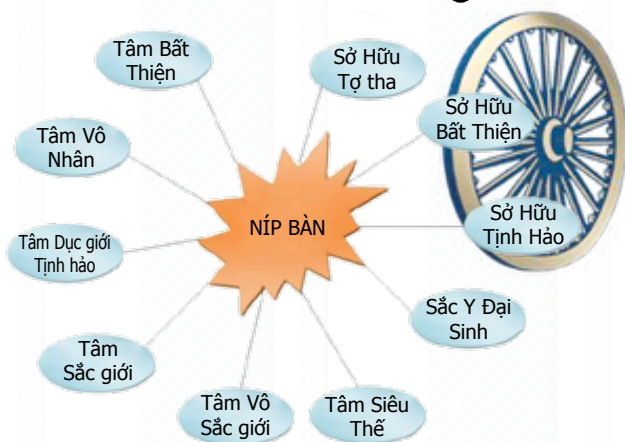
1b. 6) Danh khái niệm không thực kết hợp với danh khái niệm không thực: như nói vợ ông bác sĩ, con cô giáo...

2. Pháp thực tánh (sabhāva dhamma) hay pháp chân nghĩa (paramattha dhamma):

Là những pháp tự có tánh, tướng, thể, dụng riêng không do ai qui định, độc lập với khái niệm của con người, ví dụ như tánh trạng của uẩn, xứ, giới, tâm, tâm sở, sắc, Niết-bàn...

Đối tượng của thiền tuệ không phải vật (nghĩa) khái niệm, hay danh khái niệm dù có thực hay không có thực, mà là pháp thực tánh hay pháp chân nghĩa, bao gồm cả hai lãnh vực tánh đế (sabhāva sacca) ví dụ như danh sắc... là đối tượng của thế trí, tức trí tuệ thế gian (lokiya ñāṇa) và Thánh đế (Ariya sacca) ví dụ như Niết-bàn là đối tượng của Thánh trí, tức trí tuệ siêu xuất thế gian (lokuttara ñāṇa) (còn tiếp).●

ĐẠI CƯƠNG VỀ VI DIỆU PHÁP



(Tiếp theo). Nhất điểm tâm là sự tập hợp, tâm không bị xao lãng, tập trung tâm, không lay chuyển về đối tượng thiền. Nó giống như ngọn lửa của cây đèn không chao đảo trong căn phòng không gió.

Khi tất cả năm yếu tố của nhập định hiện diện, chúng ta có đệ nhất thức cõi sắc hay nhập định. Khi những nhân tố nhập định bị loại bỏ từng cái một, chúng ta từng bước tiến tới đệ ngũ thức cõi sắc. Nói một cách khác, khi chúng ta loại bỏ sơ thiền, chúng ta có đệ nhị nhập định cõi sắc; khi trợ thiền bị loại bỏ, chúng ta có đệ tam nhập định cõi sắc; khi chú tâm được loại bỏ, chúng ta có đệ tứ nhập định cõi sắc; và khi hạnh phúc được loại bỏ, chúng ta có đệ ngũ nhập định cõi sắc.

Năm loại thức này do nghiệp tác động, là những loại thức thiện. Thêm vào, có năm loại thức phản ứng, năm loại kết quả và năm loại thức không hoạt động hay có chức năng. Năm loại đầu do nghiệp tác động và hiện diện trong đời này. Năm loại sau (kết quả) là kết quả của năm loại đầu; nói một cách khác trau dồi nhập định về cõi sắc mang lại tái sinh trong cõi sắc. Năm loại thứ ba (không hoạt động hay có chức năng) là loại nhập định cõi sắc được hành trì bởi các bậc đã giải thoát (A La



Thích Tâm Quang (dịch)

Hán), những vị này đã phá vỡ những ràng buộc của hành động và tác động; bởi vậy năm nhập định cõi sắc được coi như không hoạt động khi thực hành bởi họ. Như vậy có mười lăm loại thức cõi sắc: năm thức tác động thiện, năm thức kết quả, và năm thức không hoạt động.

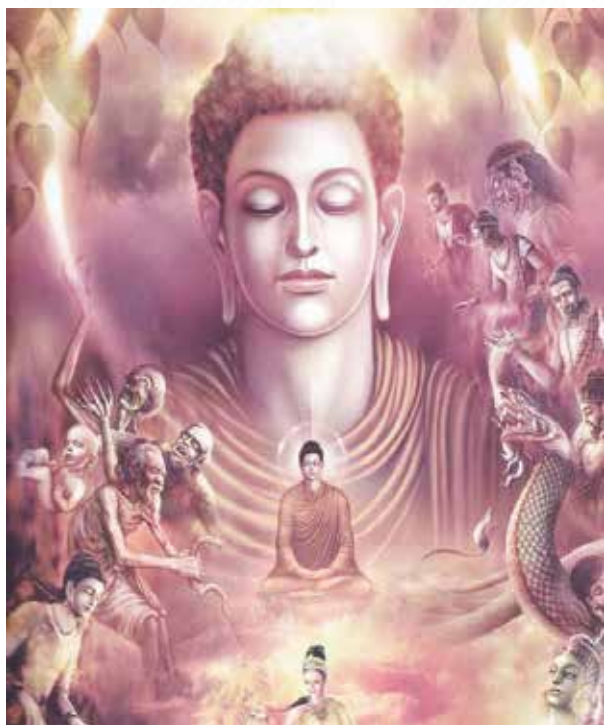
Khi ta đạt được đệ ngũ thức cõi sắc, ta chứng nghiệm sự không hài lòng đối với bản chất giới hạn của nhập định cõi sắc. Rồi ta sẽ tiến hành tới thiền cõi vô sắc, một lần nữa bằng đối tượng thiền, thường là một trong mười đối tượng hỗ trợ. Ta hoàn tất giai đoạn quá độ bằng cách mở rộng sự hỗ trợ cho tới khi nó bao trùm cái vô tận của không gian, rồi thì bỏ sự hỗ trợ và thiền về cái vô tận của không gian, bằng cách ấy đạt đệ nhất nhập định cõi vô sắc (Không Vô Biên Xứ).

Khi việc này đạt được, ta tiến hành tới đệ nhị nhập định cõi vô sắc (Thức Vô Biên Xứ), ngụ trên cái vô tận của thức. Ở giai đoạn này thay vì nhắm vào đối tượng của thức thiền định (tức là cái vô tận của không gian) ta nhắm vào cái chủ thể của thức thiền định (tức là nó tràn ngập vô tận không gian vô tận hay thức vô tận).

Đệ tam nhập định cõi vô sắc (Vô Sở Hữu Xứ) ngụ tại sự không tồn tại hiện thời của thức vô tận trước đây đã tràn ngập vô tận. Nói một cách khác đệ tam nhập định cõi vô sắc không ngụ tại cái gì cả, hư không, hay trống rỗng.

Cuối cùng đệ tứ nhập định cõi vô sắc (Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ) ngụ trên cảnh giới chẳng phải nhận thức mà cũng chẳng phải không nhận thức, một hoàn cảnh mà thức quá ư huyền ảo không có thể miêu tả là hiện hữu hay không hiện hữu.

Với những nhập định của cõi sắc có ba cách



sắp xếp thức cõi vô sắc (nhưng có bốn thay vì năm loại cho mỗi thức). Bốn loại thức cõi vô sắc thuộc phạm trù tác động thiện; bốn loại thuộc hạng kết quả do phản ứng, đó là, tái sinh trong cõi vô sắc, và bốn thuộc phạm trù không hoạt động hay có chức năng, những nhập định cõi vô sắc được hành trì bởi các Bậc A La Hán. Nói tóm lại, có mười hai loại thức cõi vô sắc: bốn loại tác động thiện, bốn kết quả, và bốn không hoạt động.

Nếu ta nhìn vào tiến triển của những nhập định cõi vô sắc, chúng ta thấy một sự thống nhất từ từ và trạng thái riêng biệt của thức - nhập định trong cái vô tận của khách thể (không gian), rồi đến nhập định trong cái vô tận của chủ thể (thức) theo sau là nhập định trong hư không, và cuối cùng nhập định chẳng phải nhận thức và cũng chẳng phải không nhận thức. Quý vị nên nhớ rằng khi chúng ta nói về thức và khách thể của nó như là cấu trúc căn bản, mầm mống của kinh nghiệm, trong thức cõi dục chúng ta có kiểu kinh nghiệm chấp vả nhất, nơi mà thức và khách thể của nó bị mờ xé thành nhiều yếu tố. Khi chúng ta tiến hành qua cõi sắc và vô sắc, dần dà chúng ta có sự thống nhất về chủ thể và sự thống nhất về khách thể, cho nên chúng ta tiến tới đệ tứ nhập định cõi vô sắc, chúng ta tiến tới đỉnh cao của kinh nghiệm trần thế.

Điều đáng lưu ý là nhập định cõi sắc và cõi vô sắc đã được những người theo phái Du già biết đến trước thời Đức Phật, và được hành trì bởi những người đương thời Đức Phật. Chúng ta có lý do để tin rằng hai vị đạo sư mà Đức Phật Cồ Đàm học trước khi giác ngộ là những người hành trì các pháp thiền này. Nhập định cõi vô sắc là mức độ cao nhất trong sự phát triển tinh thần mà con người mong

ước trước Đức Phật, vào đêm giác ngộ của Ngài, cho thấy nhập định phải phối hợp với trí tuệ để trở nên thực sự vượt phàm trần. Đây là lý do tại sao người ta nói dù ta đạt được sự phát triển cao nhất có thể có về thiền và tái sinh ở đỉnh cao của cõi vô sắc, khi thân thông của nhập định thiền - rút cục vẫn là vô thường - tàn tạ, ta sẽ phải tái sinh vào cõi thấp hơn. Vì lý do này, ta phải vượt qua cả những mức độ phát triển rất hiếm hoi và cao về thức thiền định. Ta phải kết hợp thức tập trung và thống nhất của nhập định với trí tuệ; chỉ như vậy ta mới có thể tiến hành vượt qua những loại thức trần tục để tiến tới những loại thức siêu trần.

6. THỨC SIÊU TRẦN

Trong phần này chúng ta kết thúc việc điểm lại sự phân tích thức đưa chúng ta tới phần cuối của cuốn sách đầu tiên về Tạng Vi Diệu Pháp, Dhammasangani (Phân Loại Các Yếu Tố). Ở đây tôi sẽ nói về phân loại cuối cùng trong bốn phân loại khách quan về thức được đề cập đại cương trong phần trước, gọi là thức siêu trần (thức siêu thế).

Có hai cách phân biệt loại thức siêu trần với loại thức trần tục (thức của cõi dục, cõi sắc, và cõi vô sắc). Sự khác biệt thứ nhất là ở phương diện quyết định và phương hướng. Thức trần tục bị định đoạt không có phương hướng, và lệ thuộc vào nghiệp và điều kiện, trong khi thức siêu trần thì quyết định, hướng đến một mục tiêu, và không còn bị lệ thuộc vào những thế lực vượt qua sự kiểm soát của nó. Thức siêu trần quyết định do ưu thế không phải của nghiệp mà là của trí tuệ.

Sự phân biệt thứ hai là những loại thức trần tục có khi khách thể của chúng là có hiện tượng điều kiện, trong khi những loại thức siêu trần có khi khách thể của chúng là hiện tượng vô điều kiện - gọi là niết bàn. Đức Phật nói về niết bàn là một trạng thái bất sinh và bất tạo. Một trạng thái như thế là cần thiết cốt để có cách ra khỏi thế giới khổ đau được tạo nên bởi các điều kiện. Trong ý nghĩa này, khách thể của loại thức siêu trần không được tạo ra và cũng không hình thành bởi các điều kiện.

Chúng ta thường có thể chia những loại thức siêu trần thành bốn loại tích cực và bốn loại tiêu cực. Thông thường, các loại thức có thể tích cực hay tiêu cực, và những loại tiêu cực có thể phản ứng (kết quả) hay không hoạt động (chức năng). Tuy nhiên, không có loại thức có chức năng hay không hoạt động trong phạm trù này vì nơi đây các loại thức là quyết định và không phải bị quyết định. (còn tiếp) ●

Bài kinh Phật nói về cái chết đã được nghiệp xác định

Minh Thạnh

KINH PHẬT NÓI VỀ VIỆC NGHIỆP BÁO QUYẾT ĐỊNH THỜI ĐIỂM ĐI ĐẾN CÁI CHẾT CÓ NHIỀU, TUY NHIÊN, BÀI KINH TRÍCH TỪ KINH TIỂU BỘ DƯỚI ĐÂY DƯỜNG NHƯ ÍT ĐƯỢC CHÚ Ý.

VÌ VẬY, XIN GIỚI THIỆU TOÀN VĂN BÀI KINH CÓ NHAN ĐỀ "CHUYỆN ĐỒ ĂN CÚNG NGƯỜI CHẾT" (TIỀN THÂN MATAKBHATTA), TRÍCH TỪ KINH TIỂU BỘ, TẬP IV, TRONG ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM, HT. THÍCH MINH CHÂU DỊCH, TỪ TRANG 139. SAU PHẦN KINH VĂN SẼ LÀ PHẦN PHÂN TÍCH.

CHUYỆN ĐỒ ĂN CÚNG NGƯỜI CHẾT

(Tiền thân Matakabhatta)

Nếu chúng sanh biết được...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo Sư đã kể về đồ ăn cúng người chết. Trong thời ấy, nhiều người giết hại nhiều dê cừu... để cúng đồ ăn cho người thân đã mệnh chung. Các Tỷ-kheo thấy họ làm như vậy, hỏi bậc Đạo Sư:

- Bạch Thế Tôn, nay nhiều người giết hại sinh mạng nhiều loài hữu tình để cúng đồ ăn cho người chết, Bạch Thế Tôn, ở đây có hạnh phúc, lợi ích nào không?

Thế Tôn nói:

- Cúng đồ ăn như vậy cho người chết không có lợi ích gì. Khi đã sát sanh, làm sao có lợi ích được? Thuở xưa, các bậc Hiền trí ngồi giữa hư không thuyết pháp, nói rõ nguy hại của tập tục này, khiến toàn thể dân chúng ở cõi Diêm-phù-đề bỏ

hành động ấy. Nhưng nay, bị sanh hữu tích lũy, nên hành động ấy lại khởi lên.

Nói vậy xong, Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi vua Brahmadatta đang trị vì ở Ba-la-nại, một Bà-la-môn thông hiểu ba tập Vệ-đà, một danh sư nổi tiếng bốn phương, muốn cúng dường đồ ăn cho người chết, cho bắt một con dê và bảo các đệ tử.

- Nay các con thân, hãy dẫn con dê này đến sông, tắm cho nó, đeo vòng hoa ở cổ nó, cho nó ăn lúa độ nửa đấu, chải chuốt cho nó rồi đem nó lại đây.

Các đệ tử vâng lời, dắt dê đến sông, tắm cho nó, chải chuốt cho nó, rồi để nó đứng trên bờ sông. Con dê ấy thấy được việc của mình đã làm từ đời trước, suy nghĩ:

"Hôm nay, ta sẽ được thoát đau khổ", vì vậy nó cảm thấy sung sướng, cười lớn tiếng như đập bể cái ghè, lại nghĩ: "Bà-la-môn này, khi giết ta, sẽ chịu nỗi đau khổ của ta thuở trước", nó khởi lòng

thương hại người Ba-la-môn và khóc lớn tiếng. Các thanh niên ấy hỏi nó:

- Nay bạn, bạn cười lớn tiếng rồi khóc lớn tiếng. Vì nhân gì bạn cười, vì nhân gì bạn khóc?

- Hãy hỏi câu hỏi này trước mặt thầy các ông!

Họ đem con dê ấy đi, và báo cáo cho thầy biết. Vị thầy nghe câu chuyện, hỏi con dê:

- Nay dê, sao người lại cười và sao người lại khóc?

Con dê nhờ trí biết được đời trước, nhớ đến việc đã làm của mình, và nói với Bà-la-môn:

- Nay Bà-la-môn, thuở trước, giống như ông, ta là một Bà-la-môn học giỏi các chú thuật, muốn cúng dường đồ ăn cho người chết, đã giết một con dê để cúng dường.

Vì giết chỉ một con dê, ta bị chém đầu trong bốn trăm chín mươi chín lần sống chết. Nay là lần thứ năm trăm sống chết cuối cùng của ta. Hôm nay, ta sẽ thoát khỏi sự đau khổ ấy. Nghĩ vậy, ta cảm thấy sung sướng, do nhân duyên này ta cười. Còn ta khóc, vì ta nghĩ rằng chỉ vì giết một con dê, ta phải chịu khổ hình chặt đầu đến năm trăm lần. Hôm nay ta sẽ thoát cái khổ ấy. Nhưng Bà-la-môn này, vì giết ta, sẽ như ta chịu khổ hình chặt đầu trái năm trăm đời sống. Vì thương xót ông, nên ta khóc.

- Nay dê, chớ sợ, ta sẽ không giết người!

- Nay Bà-la-môn, ông nói gì thế? Dầu ông có giết ta hay không, hôm nay ta cũng không thể thoát chết!

- Nay dê, chớ sợ, ta sẽ bảo vệ người, sẽ cùng đi với người!

- Nay Bà-la-môn, nhờ nhoi thay là sự bảo vệ của ông và mạnh bạo thay là nghiệp ác ta làm!

Vị Bà-la-môn thả con dê ra, nói với các đệ tử:

Và cùng với các đệ tử, vị Bà-la-môn đi theo con vật. Con dê vừa được thả, vươn cổ lên, đến bụi cỏ mọc sau lưng tảng đá ấy, và bắt đầu ăn lá cỏ. Liền khi ấy, sét đánh trên lưng tảng đá ấy, một mảng đá bị đánh vỡ, rơi trên cổ con dê đang vươn ra và chặt đứt đầu. Nhiều người qui tụ lại xem.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh làm vị thần cây tại chỗ ấy. Với uy lực của vị thần, Bồ-tát ngồi kiết-già trên hư không, trên đại chúng đang đứng nhìn, và suy nghĩ: "Những chúng sanh này, nếu biết được kết quả của việc ác như vậy, sẽ không làm ác nữa!"



Trong kinh Phật không khuyến khích việc giết các loài động vật hay đốt đồ vàng mã để cúng tế.



Mà chúng ta phải bố thí cúng dường để hồi hướng đến người thân đã quá vãng.

Rồi với âm thanh dịu ngọt, Ngài thuyết pháp qua bài kệ:

Nếu chúng sanh biết được
Sự này sanh đau khổ,
Hữu tình sẽ không còn
Giết hại hữu tình nữa,
Vì ai giết hữu tình,
Sẽ phải sâu, phải khổ.

Như vậy, bậc Đại Sĩ thuyết pháp khiến cho mọi người sợ hãi địa ngục. Và nhiều người nghe bài thuyết pháp ấy, biết sợ hãi địa ngục, nên từ bỏ sát sanh. Bồ-tát thuyết pháp xong, an trú quần chúng vào Ngũ giới, rồi về sau đi theo nghiệp của mình. Còn quần chúng, an trú trong lời khuyên của Bồ-tát, sau khi làm các phước đức như bố thí... được sanh lên thiên giới, làm tràn đầy thành phố chư Thiên.

Bậc Đạo Sư thuyết pháp thoại này xong, kết hợp hai câu chuyện với nhau, và nhận diện Tiền thân như sau:

- Thời ấy, Ta là vị thần cây".

Tìm hiểu nội dung bài kinh chúng ta sẽ thấy nổi bật chủ đề khuyên không nên giết hại sinh vật để cúng tế người chết. Khía cạnh nội dung này của bài kinh rất rõ. Lời khuyên không chỉ nằm trong câu chuyện kể, mà ở cả lời kệ của Bồ tát tiền thân Đức Phật, khi đó, sanh làm thần cây tại nơi diễn ra câu chuyện.

Sau đó, lời khuyên được lặp lại ở người kể chuyện. Nội dung này được thể hiện rất rõ, vì vậy, chỉ điểm lại, không đi sâu phân tích.

Phần phân tích sẽ đi sâu vào một vấn đề lớn của tâm linh. Đó là thời điểm của cái chết.

Dân gian thường coi sống chết có số mệnh. Đạo Phật không tin vào sự ràng buộc của một số mệnh nào đó, mà tin vào nghiệp báo. Tuy nhiên, có một điểm giống nhau ở đây. Cho dù không tin vào số mệnh, chỉ tin vào nghiệp báo, nhưng người theo đạo Phật vẫn có thể tin rằng ngày giờ diễn ra cái chết cho từng cá thể đã được xác định trước và nếu không có tác động gì có thể thay đổi nghiệp báo, thì cái chết theo thời điểm đã xác định trước đó không thay đổi được.

Con dê trong chuyện tiền thân là một trường hợp đặc biệt. Dê biết được tiền kiếp của mình, sự đau khổ phải chịu trong kiếp thú và thời điểm kết thúc được sự đau khổ đó. Do cái chết ở đây là thời điểm kết thúc sự đau khổ, con dê "cảm thấy sung sướng, cười lớn như đập bể cái ghè". Như thế, tất nhiên chúng sinh ở đây là con dê không có tác động gì vào nghiệp báo.

Khi vị Bà La môn phụ trách cúng tế khẳng định không giết dê, dê vẫn cho rằng mình sẽ chết:

"Dầu ông có giết ta hay không, hôm nay ta cũng không thể thoát chết".

Dê không bị Bà la môn giết, được thả ra, nhưng rồi cũng chết do đá vỡ do sét đánh chặt đứt đầu, một việc tưởng chừng như ngẫu nhiên.

Chúng ta tìm hiểu kỹ ở điểm này. Một việc tưởng chừng hoàn toàn ngẫu nhiên như thế lại là việc tất yếu, liên quan đến cái chết của một chúng sinh. Chúng ta có thể tưởng nó ngẫu nhiên, nhưng bài kinh xác định đó là tất nhiên. Và cái chết là như vậy, tất nhiên trong thời điểm xảy đến. Trong bài kinh con dê đã đặt vấn đề một cách triết học.

"Này Bà la môn, nhờ nhoi thay là sự bảo vệ của ông và mạnh bạo thay là nghiệp ác ta làm".

Nghiệp báo quyết định ngày giờ chết. Thời điểm đó, chỉ trừ những trường hợp đặc biệt như



Chúng ta làm những việc thiện lành trong cuộc sống hàng ngày ngay khi còn bé, thì khi chết, ta sẽ được tái sanh cảnh giới an lành.

con dê trong bài kinh, còn lại người bình thường không thể biết được. Chỉ biết một điều là nghiệp báo quyết định. Trong bài kinh, chính thần cây là một kiếp của bậc Đại sĩ vẫn "rời về sau đi theo nghiệp của mình", tức là vẫn chết. Vì vậy, điều quan tâm chỉ là làm sao cho có thật nhiều thiện nghiệp để mang theo.

Bài kinh xác định quan niệm của đạo Phật về cái chết và thời điểm sẽ xảy ra cái chết, một vấn đề tâm linh quan trọng. Vì vậy, cho nên đây là một bài kinh hay, đáng kể cho bạn đọc Phật tử chú ý, suy tư, chiêm niệm. Làm những việc lành, chắc chắn chúng ta an vui với cái ngày mà nghiệp báo đã định cho mọi người. Làm việc lành việc thiện, thấm nhuần tư tưởng trong bài kinh, mọi người trong chúng ta sẽ không còn gì ưu tư, lo lắng, mà ngược lại khỏe, nhẹ trước sinh tử đại sự. Chúng tôi chọn giới thiệu bài kinh này là vì muốn ghi nhớ nó để tìm lấy sự bình an.

Từ bài kinh cũng không nên quan niệm sống thọ mới là có phước đối với mọi chúng sinh. Trong bài kinh, ngày chết đối với con dê lại là "hôm nay ta sẽ được thoát đau khổ".

Do vậy, câu chuyện tuy kết thúc là một cái chết, nhưng vô cùng có hậu. Một số đông "an trú trong lời khuyên của Bồ tát, sau khi làm các phước đức như bố thí v.v... được sanh lên thiên giới làm trần đầy thành phố chư thiên". Một nhân vật trong câu chuyện cũng thoát được nghiệp ác, đó là ông Bà La Môn nhờ phóng sinh con dê mà không gánh lấy nghiệp sát.●

Phỏng vấn HT. Thích Giác Toàn về Đại lễ tưởng niệm Tổ sư

Lưu Đình Long (thực hiện)



đón tiếp quý cơ quan chức năng, các tôn giáo bạn



"Tri ân Tổ sư sáng lập Hệ phái, tri ân GHPGVN và các cấp lãnh đạo...". HT. Thích Giác Toàn, Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Trưởng BTC đã nói với Giác Ngộ về ý nghĩa của Đại lễ tưởng niệm 60 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng (1954-2014) như vậy. Hòa thượng cho biết thêm:

Từ ngày 25-2-2014 (nhằm ngày 26-1-Giáp Ngọ) tới ngày 2-3-2014 (nhằm ngày 2-2-Giáp Ngọ), xuyên suốt 6 ngày tại Pháp viện Minh Đăng Quang (505 Xa Lộ Hà Nội, P. An Phú, Q. 2, TP. HCM) sẽ có nhiều chương trình như Hội thảo khoa học với chủ đề "Hệ phái Khất sĩ: Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập", khai mạc Triển lãm "Ánh Minh Quang" và thư viện Phật giáo; cung thỉnh chư tôn thiền đức Phật giáo Nam tông, Phật giáo người Hoa cử hành lễ cầu nguyện, tưởng niệm, chứng minh trai lễ; cung thỉnh chư tôn đức giáo phẩm HĐCM, HĐTS, các ban, ngành, viện T.Ư, BTS GHPGVN TP. HCM và các tỉnh thành, quận, huyện cử hành lễ cầu nguyện, tưởng niệm, chứng minh trai lễ cũng như

cử hành lễ tưởng niệm, dự tiệc chay thanh đạm.

Ngoài ra, sẽ có ngày dành riêng cho Tăng Ni hệ phái, Phật tử cử hành tưởng niệm Tổ sư, cầu an, cầu siêu, bên cạnh hoạt động đi khất thực truyền thống, tọa đàm Chơn lý; tặng quà từ thiện dành riêng cho 1.500 các cháu mồ côi khuyết tật, bệnh nhân nghèo bất hạnh... sau khi đón các cháu về Pháp viện dùng bữa cơm chay thanh đạm.

PV: Từ khi Tổ sư vắng bóng, đến nay tròn 60 năm, Hệ phái từng tổ chức lễ tưởng niệm lớn như lần này chưa, bạch Hòa thượng?

HT. Thích Giác Toàn: Tổ xuất gia, khai đạo từ năm 1944 và trong suốt 10 năm (đến 1954),

đánh dấu cột mốc lịch sử vãng bóng của Tổ thì Hệ phái phát triển trong tư cách độc lập, với số lượng tịnh xá khoảng 20 ngôi, 100-120 Tăng Ni. Từ năm 1954 tới 1975 Hệ phái cũng phát triển trong lòng dân tộc, và tới năm 1975 đánh dấu con số 250 ngôi tịnh xá với khoảng hơn 1.500 Tăng Ni.

Sau ngày thống nhất đất nước, trong niềm vui chung của dân tộc, Phật giáo cũng được phát triển, Hệ phái Khất sĩ Việt Nam so với các Giáo hội, Hệ phái khác trong ngôi nhà Phật giáo thì được xem như là người em út, nhưng lại được hòa nhập trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam (thành lập năm 1981) để hoạt động theo tinh thần lời Phật dạy, gần với dân tộc, đất nước để phụng đạo giúp đời. Đến nay, theo thống kê sơ bộ thì có khoảng 500 ngôi tịnh xá với khoảng hơn 3.000 Tăng Ni (chư Tăng khoảng 1.000 - chư Ni hơn 2.000 vị), và trong đó có khoảng 50 ngôi tịnh xá ở nước ngoài rải rác trên các châu lục.

Mỗi năm, đến dịp tưởng niệm Tổ sư vãng bóng, Tăng Ni Hệ phái Khất sĩ lại vân tập về một trú xứ để ghi nhớ, hoài niệm Đức Tổ với những chương trình phù hợp. Tuy nhiên, mọi năm trước, do điều kiện khách quan, mà cụ thể là không có không gian rộng rãi nên việc tưởng niệm cũng bó hẹp trong phạm vi Hệ phái là chính, với số lượng Tăng Ni tham dự không nhiều. Như lần tổ chức cách đây 15 năm (nhân 45 năm vãng bóng Tổ sư) ở tịnh xá Trung Tâm hay 50 năm ở tịnh xá Ngọc Viên (Vinh Long), 55 năm ở tịnh xá Ngọc Uyển (Biên Hòa, Đồng Nai) quy mô nhỏ hơn, với chừng 300-500 vị Tăng Ni Khất sĩ trên tổng các Giáo đoàn thuộc Hệ phái về dự.

Lần này, tròn 60 năm, chúng tôi tổ chức lớn hơn, không chỉ cung thỉnh Tăng Ni trong Hệ phái với số lượng 1.250 vị từ khắp nơi, đại diện các tịnh xá, Giáo đoàn về dự mà còn cung thỉnh chư Tăng Ni thuộc các tông phái khác tham gia lễ tưởng niệm chứng minh trai lễ. Tổng cộng khoảng hơn 3.000 Tăng Ni về dự.

PV: Với quy mô tổ chức lễ như vậy, trong khi công trình Pháp viện Minh Đăng Quang chưa hoàn thành, liệu có ảnh hưởng gì không, thưa Hòa thượng?

HT. Thích Giác Toàn: Không ảnh hưởng gì cả. Bởi vì, hiện tại các hạng mục chính của công trình như chánh điện, thiền đường và giảng đường phục vụ cho việc thắp hương, lễ Phật, lễ Tổ, tu tập, tụng kinh, hội thảo, trai tăng... đã hoàn thành từ 85 đến 90%.

Bên cạnh đó, phía trước chánh điện có Bảo

tháp Ca Diếp (thờ bảy Đức Phật quá khứ, thờ Tổ, triển lãm quá trình phát triển của Hệ phái, hoạt động của Tổ...) và Bảo tháp Xá Lợi Phất (nơi đặt thư viện, với Tam tạng Thánh điển bằng chữ Pali, chữ Hán, chữ Anh, kinh sách Phật giáo, cũng như các loại sách lịch sử, văn học, triết học Phật giáo...) cơ bản đã hoàn thành. Tổng thể công trình Pháp viện đã xong 80%, hiện chư Tăng Ni đã dọn dẹp, sắp xếp, trang trí... mọi thứ, chuẩn bị sẵn sàng cho Đại lễ diễn ra một cách tốt đẹp.

PV: Như vậy, đây là Đại lễ lớn nhất, có nhiều ý nghĩa mà Hệ phái Khất sĩ Việt Nam tổ chức từ trước đến nay?

HT. Thích Giác Toàn: Như tôi đã nói ở trên, lần tưởng niệm này là nhân dịp tròn 60 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vãng bóng, đánh dấu 70 năm đạo Phật Khất sĩ Việt Nam, đồng thời cũng là thời điểm 32 năm Hệ phái Khất sĩ Việt Nam sinh hoạt trong lòng GHPGVN.

Trong suốt quá trình phát triển đó, Hệ phái Khất sĩ Việt Nam với 2 tổ chức: Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam và Giáo hội Ni giới Khất sĩ Việt Nam sinh hoạt độc lập từ trước năm 1975 cho đến sau ngày thống nhất đất nước; tới năm 1981, khi GHPGVN được thành lập trên cơ sở thống nhất của 9 tổ chức Phật giáo lúc bấy giờ. Bản thân tôi, khi ấy có duyên được tham gia Ban Vận động Thống nhất thành lập GHPGVN (gồm 24 vị) mà đến nay chỉ còn 3 người (Hòa thượng Chủ tịch HĐTS, bác Tổng Hồ Cẩm và tôi). Do vậy, việc Hệ phái Khất sĩ chính thức sinh hoạt trong lòng Giáo hội, được sự cứu mang của tổ chức cùng sự hỗ trợ, giúp đỡ của các cấp chính quyền, lãnh đạo đất nước,... suốt 39 năm đất nước hòa bình và 32 năm thành lập Giáo hội quả là quãng thời gian thật sự vô cùng ý nghĩa với Hệ phái cũng như cá nhân tôi.

Nhân dịp tưởng niệm 60 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vãng bóng và 70 năm Tổ sư lập đạo có ý nghĩa không chỉ là nhớ ơn Tổ Thầy mà còn để tri ân chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội các nhiệm kỳ và lãnh đạo các cấp chính quyền... đã tạo thuận duyên để Hệ phái được hội nhập song hành trong sự phát triển của Phật giáo Việt Nam, đất nước, góp phần vào việc hoằng dương đạo pháp cũng như phụng sự xã hội và nhân sinh.

PV: Thưa Hòa thượng, vậy trong những ngày diễn ra Đại lễ, Phật tử tự do có thể đến tham dự?

HT. Thích Giác Toàn: Ban Tổ chức rất hoan hỷ đón tiếp tất cả quý Phật tử về tham dự Đại lễ.

PV: Xin cảm ơn Hòa thượng. ●

Quá



Vạn Hạnh (sưu tầm)

Quá thân thuộc sẽ thành nhàm chán
Quá quan tâm sẽ thành bó buộc
Quá thương yêu có lúc đau lòng
Quá sâu đậm có lúc nhạt nhòa
Tất cả chỉ là một nửa thôi.

Nghiệm lại chữ



Khắc Chiếu

Thông thường mọi người thường tìm một chữ “Tâm” về treo tường như một vật dùng để trang trí. Chữ “Tâm” đó như một điều nhắc nhở, một sự soi rọi và tỏa sáng. Nó có ý nghĩa như một sự đối lập với mọi giá trị vật chất, mọi danh vọng phù hoa, mọi nổi triển phược của cuộc thế, mọi tâm niệm vọng động khổ đau hay một nỗi trăn trở của doanh nhân khi tung hoành trên thương trường.

Nhà thơ Nguyễn Du đã khéo léo khẳng định:

*“Thiên căn ở tại lòng ta,
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.”*

Đời người thì ngắn ngủi, cuộc sống thì vô thường. Mọi người chúng ta chỉ có một chữ “Tâm” để an nhiên tự tại giữa đời. Phải chăng giá trị nhân đạo của các tác phẩm văn học, nghệ thuật, của các công trình khoa học và của mọi hoạt động trong đời thường cũng đều xuất phát từ chữ “Tâm”.

Tâm từ và lòng bi mẫn đối với đồng loại là căn bản trong đạo lý sống của người Việt Nam.

Tư tưởng của các Bậc minh triết đều gặp nhau ở chỗ “Giải thoát con người khỏi khổ đau bằng sự đốn ngộ của tâm thức”.

Từ Phật Thích Ca đến Krishnamurti và các nhà tư tưởng khác cũng đều khơi gợi sự thức tỉnh của tâm thức để dứt bỏ mê lầm trong cái vô minh của tư tưởng.

Phật chỉ cho con người: Nguồn gốc của khổ đau là Tham dục và mê chấp. Con người đau khổ vì sợ mất cái đang có và muốn điều chưa có, rốt cuộc

là thân và tâm luôn vọng động trong một chuỗi liên tục của nắm giữ, tìm kiếm danh vọng, của cải, tiền bạc và sắc dục. Danh, Lợi, Tình, Tiền siết chặt tâm thức chúng ta làm tâm đắm chìm trong vô minh.

Henry Miller cho rằng: “Con người nghĩ gì thì là chính điều đó”(What one thinks, one is). Cũng thế con người đau khổ vì nghĩ là mình đau khổ. Như vậy đau khổ không phải là một hiện thực mà là cái Tâm khi nghĩ về hiện thực đó.

Andrew Matthews (trong cuốn “Being happy” bản dịch Việt do NXB Trẻ ấn hành) cũng đồng quan điểm khi cho rằng: “Cuộc sống của ta thay đổi khi chính ta thay đổi cách nhìn, cách nghĩ”. Ông cho rằng cái Tâm của con người có năng lượng và năng lượng của bộ não con người khi suy nghĩ, quan niệm có khả năng thu hút hành động và làm thay đổi hành động của chính con người đó. Ông chủ trương phải thay đổi cách nhìn, cách nghĩ tích cực để tạo nên động lực (motivation).

Môn Cảm xạ học (radiesthesia) cũng cho thấy rằng khi con người suy nghĩ tiêu cực (lo buồn, thất vọng) thì cảm xạ đồ tỷ lệ biểu thị ở số âm. Như vậy, năng lực cải tạo của Tâm có tầm giá trị rất lớn.

Quan điểm của Krishnamurti rất gần với triết lý của Phật giáo khi cho rằng tư tưởng con người không giải quyết được những nỗi đau khổ của bản thân. Tư tưởng của con người thường gán cho hiện thực một nhãn hiệu và gọi tên đó là đau khổ. Khi đau khổ người ta thường ngã nghiêng.

Nghiêng về quá khứ để tiếc thương cái đã mất hoặc ngã về tương lai để muốn cái chưa được. Thành thử người ta bỏ quên (xem tiếp trang 38)

Chùm thơ Hai Lúa - Nguyễn Công Lý

(Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG TP. HCM)

Đạo Phật Khất Sĩ cảm tác

Một thân, một bát, một cà sa
Khất thực hoá duyên cõi ta bà
Phạm hạnh nhiếp tâm, cầu giải thoát
Nối truyền chánh pháp Đạo Thích Ca.

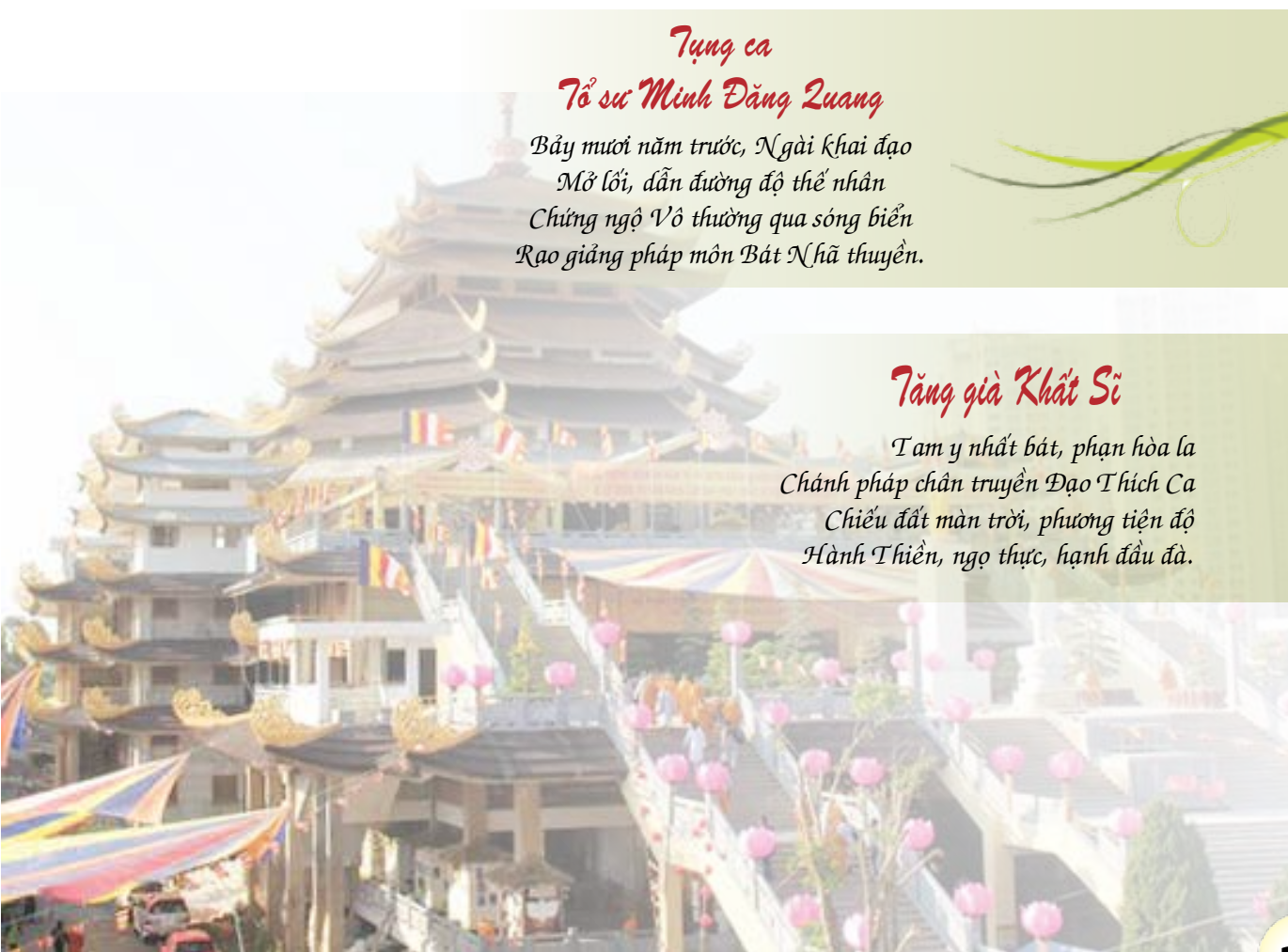
Tụng ca

Tổ sư Minh Đăng Quang

Bảy mươi năm trước, Ngài khai đạo
Mở lối, dẫn đường độ thế nhân
Chứng ngộ Vô thường qua sóng biển
Rạo giảng pháp môn Bát Nhã thuyền.

Tặng già Khất Sĩ

Tam y nhất bát, phạm hòa la
Chánh pháp chân truyền Đạo Thích Ca
Chiếu đất màn trời, phương tiện độ
Hành Thiện, ngộ thực, hạnh đầu đà.





*Xuân về hoa nở rộn ràng
Quần quanh nhang khói ngập tràn chuông ngân
Lời kinh câu kệ trong ngân
Nhìn xuân khoe sắc ta lần vô tham.*



*Hạ sang nắng tỏa ngập tràn
Trời xanh mây trắng y vàng thanh tao
Tham thiền, tâm tánh thanh cao
Từ bi hỷ xả ta vào vô sân.*

Kuân Hạ Thu Đông

Út Hà

*Thu về lá rụng đầy sân
Mới xanh giờ đã toan phần thương đau
Sắc danh ôm mãi ưu sầu
Nhìn thân lá rụng ta cầu vô si.*

*Đông vào đến cửa từ bi
Nhờ ân đức Phật xua đi não phiền
Tiết trời cứ mãi luân phiên
Nhờ ân đức Pháp thăng thiên Níp-bàn.*

Phong cách Đạo Đức trong kinh doanh của

CÂN SỰ NỮ THÙY HƯƠNG

Chơn Minh



Chúng ta sống trong thế kỷ XXI, thế kỷ nở rộ của nhiều tiến bộ khoa học, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng và công nghệ thông tin. Những doanh nhân, những người nhiệt tâm đã và đang tạo nên bộ mặt nền kinh tế nước nhà, dĩ nhiên trong một nền kinh tế thị trường sẽ có những thời điểm thành công hay thất bại trên thương trường đó là hệ quả của một nền kinh tế cạnh tranh. Lại có những doanh nhân thành đạt với tâm trong sạch, tỏ rõ thiện tâm, sự hoan hỷ khi được hỗ trợ cho tôn giáo hay giúp đỡ người nghèo, một tầng lớp chiếm đa số trong xã hội ta. Những nghĩa cử cao đẹp đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân vì:

1. Thực tế tuổi thơ đầy khó khăn mà bản thân doanh nhân đã trải qua hình thành nên sự đồng cảm với những người nghèo khó nhưng vẫn cố gắng vượt qua hoàn cảnh.

2. Hạnh nguyện của doanh nhân nhất là lòng tín tâm đối với đạo pháp, và mong muốn chia sẻ phúc lợi theo câu tục ngữ dân gian: "*Nhiều tay thì vổ nên kêu, Lá lành đùm lá rách*", hay "*Nhiều điều phải lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng*".

3. Tinh thần vì cộng đồng xã hội với tấm lòng yêu nước, thương nòi.

Trong số những doanh nhân Việt Nam hiện nay như Ông Lê Phước Vũ, Chủ tịch Tập đoàn tôn Hoa Sen; Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Chủ tịch CEO Thái Hà Books; Ông Nguyễn Tuấn Khải, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần sữa Quốc tế; Ông Trần Xuân

Kiên, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thế Giới Số Trần Anh; Bà Vũ Thị Thuận, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Traphaco; bà (Ý Lan) nghệ nhân tranh cát... và trong Tạp chí PGNT số 38 này chúng tôi mong muốn giới thiệu đến độc giả chân dung nữ doanh nhân Phật tử Lê Thị Thùy Hương (Pháp danh Bửu Hương), Giám Đốc DNTN Vĩnh Minh An, một nữ doanh nhân Phật tử Việt Nam điển hình trong kinh doanh hiện nay tại đất nước Triệu voi, quốc gia Lào.

Gặp chị vào một sáng nắng Xuân sau Tết Giáp Ngọ tại tư gia ở quận 2.TP. Hồ Chí Minh, chị đang tất bật chuẩn bị nhà mình để đón tiếp quý sư hữu duyên đến nghỉ ngơi trong dịp đại lễ của Phật giáo. Một cảm giác thân quen khi nghe đến tên chị - Lê Thị Thùy Hương. PD. Bửu Hương. Tôi tự hỏi "Có bà con không nhỉ"? Chị mỉm cười và nhìn lơ đãng qua khung cửa sổ, quang cảnh sông Sài Gòn hiện ra uốn lượn, lững lờ trôi vài con tàu và phà chở hàng qua lại, thần sắc chị trông thật thanh thản với đôi mắt nhưng đen hiền dịu, phảng phất đôi chút nét buồn riêng, hòa quyện với nụ cười tươi trên khuôn mặt đôn hậu. Do vì sinh kế nên chị và năm đứa con gái, một cháu đã thành gia thất không ở gần nhau ngoại trừ đứa con gái út cận kề giúp mẹ trong kinh doanh khoáng sản và vật liệu xây dựng tại quê nhà và tại Lào.

Là một doanh nhân chị tự nghĩ và quyết định kinh doanh trong thiện pháp với phương châm "Buôn có bạn, bán có phường" và theo lời Phật dạy "Lợi mình, lợi người", cùng nhau chia sẻ đồng hành



Phật tử Thùy Hương (người thứ tư từ trái qua) cùng các mạnh thường quân, các cộng tác viên và BBT Tạp chí trong ngày họp mặt đầu xuân.

trong mọi tình huống kinh doanh nên chị chiếm được nhiều ưu ái từ phía đối tác lẫn hợp tác, dù đôi khi vấp phải những khó khăn trước những cơn bão tài chánh, những trở ngại về nhân sự cùng sự ứng phó về những biến động trong nền kinh tế thị trường. Bản thân chị luôn lắng nghe phản hồi của khách hàng với sự ân cần, nhẫn nại cùng kiên trì trong việc tìm đầu ra cho sản phẩm đang kinh doanh. Đôi khi chị tự nhủ "thất bại à? Đối với bản thân mình là một chầm ngôn, để tiếp tục giúp doanh nghiệp đứng vững với niềm hy vọng về những thành công kế tiếp. Trong kinh doanh chị thường tâm sự: "Người doanh nhân cần học tập và sống hướng thiện và tìm mọi cách để phát triển doanh nghiệp theo đúng chánh pháp và luôn thực hành bố thí đến cộng đồng. Cười xòa qua câu hỏi hóm hỉnh chị cho biết trong số các chữ thư pháp của tục xin con chữ ngày đầu Xuân chị rất ấn tượng với chữ "NHẪN" vì con người luôn bị chi phối bởi Danh, Lợi, Tình và Tiền. Trong xã hội vật chất này nếu học và áp dụng được chữ "Nhẫn" trong cuộc sống thì ta sẽ thành công nhiều mà không phải hối tiếc. Nhẫn cho bản thân và cho cả doanh nghiệp vì "Nhẫn một lúc sóng yên biển lặng. Lùi một bước biển rộng trời cao! Nhẫn nhịn, nhẫn nhịn... sẽ có được thần khí và hòa khí". Lời dạy của Đức Phật là kim chỉ nam cho các doanh nhân trong cũng như ngoài đạo Phật nếu họ chịu khó nghiên cứu bằng tâm rộng mở. Bàn luận qua việc hành thiện chị tỏ thái độ đồng tình và đã biết đến ít nhiều tác dụng của Thiền Phật giáo trong việc giúp bản thân doanh nhân tự thoát ra khỏi những rắc rối và những căng thẳng trong kinh doanh đang chi phối tâm trí trong

cuộc sống thường nhật. Một khi tự giải phóng khỏi những căng thẳng thì do tác dụng của Thiền khiến cho tác phong của doanh nhân ung dung tự tại trong kinh doanh. Thật tuyệt vời! khi doanh nhân biết đến việc dùng Thiền định dẫn mình đến an lạc, chị nhấn mạnh thế! Chị cho biết trong một nền kinh tế có nhiều thăng trầm như hiện nay, ngoài việc kinh doanh thì doanh nhân nên dành thời gian cho mình để tọa thiền và nghiên cứu lời Phật dạy qua kinh sách, điển hình như "Kinh Pháp cú" biết cách áp dụng vào công việc kinh doanh mang lợi lạc cùng an lạc cho chính mình và cho cộng đồng. hay nói cách khác là chia sẻ Phật pháp đến với mọi người bằng hành động vi thiện của doanh nhân đó góp phần xoa dịu nỗi thống khổ của đồng loại.

Trong quá trình kinh doanh dù bận rộn chị và gia đình không quên những bất hạnh của người khác nhất là các cháu mồ côi trong chùa Diệu Pháp Đồng Nai, các cháu của Trung tâm cứu trợ trẻ em tàn tật Đà Nẵng nên thường xuyên trợ giúp tài chánh hay phẩm vật, hoặc chở gạo về phát chẩn cho đồng bào nghèo tại quê nhà ở Nha Trang; ở Lào thì thuận duyên đóng góp tịnh tài xây dựng trường tiểu học tại Paksé Lào, cúng dường xây trường Phật học cho tu sĩ Phật giáo Lào v.v...

Là Phật tử thuần thành sống đạo với ý niệm tự giác, mỗi ngày chị không quên khuyến các con sám hối những điều mình đã phạm ngày hôm trước và tiếp tục quy y Tam bảo, xin giới, đọc kinh và rải tâm từ đến chúng sanh tứ phương tám hướng, điều này phải chăng đã đem đến cho ngôi nhà và chung quanh chị một từ trường thanh sạch, tươi mát khi đến tiếp xúc với gia đình. Trò chuyện sang phần đạo pháp thì tỏ cho thấy sự tràn đầy về tôn kính tuệ giác của Đức Phật trong tâm của vị nữ doanh nhân này nhất là tâm học hỏi nhiều về thân, khẩu và ý giáo của Chư Tăng và quyết lòng sống theo chánh pháp suốt đời. Luôn chánh niệm và tỉnh thức trong việc làm và các quan hệ xã hội, biết nhẫn nhịn trau dồi và phát triển Tứ vô lượng tâm đến với mọi người chung quanh. Đối với Phật giáo gia đình quy ngưỡng Tam bảo luôn hỗ trợ tịnh tài hay tịnh vật cho các khóa tu Thiền tại Thiền viện Phước Sơn (Đồi Lá Giang - Đồng Nai) do các thiền sư quốc tế chủ trì nếu thuận duyên, cúng dường nhiều tượng Phật đến các chùa hữu duyên, góp phần xây dựng các ngôi chùa thuận duyên trong và ngoài nước hay hỗ trợ phát triển cho Tạp chí PGNT v.v... Ở Lào thì



Phật tử Thùy Hương (mặc đồ đỏ) đặt bát tại Lào.

mỗi sáng chị cũng hòa nhập với những người dân tham gia xốt bát cho quý sư khất thực ngang qua nhà hay nơi làm việc.

Trong đời thường bản thân chị vô cùng kính phục hạnh nguyện của quý Tăng, Ni và đã học hỏi nhiều qua những lời pháp nhủ, sự khoan dung độ lượng của quý tu sĩ đã khiến cho chị và hội chúng có cuộc sống an vui và làm việc hướng thiện biết nhiều đến Từ, Bi, Hỷ, Xả..... Chị chỉ mong có duyên lành tiếp cận được nhiều bậc thiện trí theo lời Đức Phật dạy trong Kinh Hạnh phúc (Mangalasutta) về 38 pháp hạnh phúc cao thượng để học hỏi cho tinh tấn thêm về Đạo pháp cùng phát triển tâm bồ thí đến cộng đồng xã hội, đồng thời hộ trì cho chư tăng trong tu tập. Theo chị "Phật giáo Việt Nam luôn hướng đến mọi sự an lạc và là ngôi nhà chánh pháp Như Lai cho chúng sanh. Chị luôn tha thiết với điều tâm đắc này. Chị tâm sự thêm: "Để hộ trì Phật pháp thật viên mãn thì người doanh nhân Phật tử phải luôn sống trong chánh niệm, tỉnh giác hiểu rõ việc mình đang làm và làm theo Chánh pháp để cộng đồng cùng hưởng lợi về thành quả của doanh nghiệp". Chị rất xúc động khi cùng các con mình tham gia vào các công việc Phật sự của Giáo Hội PGVN nói chung và tại các chùa hữu duyên trong cũng như ngoài nước, nơi làm ăn buôn bán hay những quốc đạo mà đã một lần đặt chân đến. Chị tâm sự và cho biết việc đóng góp của mình như hạt cát giữa biển khơi và phải kiên quyết làm mãi trong kiếp sống này và cho kiếp tái lai để học hạnh Từ ,Bi, Hỷ, Xả của Đức Phật mọi nơi mọi lúc

Chủ ý qua buổi trà đàm thăm tình đạo vị chị bộc bạch trong kỷ nguyên hội nhập và phát triển hiện nay cứ để Phật giáo Nguyên Thủy (PGNT) phát triển theo quy luật tự nhiên từ truyền thống đến

hiện đại vì Giáo pháp đã được Đức Thế tôn khéo thuyết giảng, hoàn toàn hiển nhiên là chỗ dựa tâm linh của tất cả chúng sanh dẫn đến giải thoát, giác ngộ. Tăng chúng PGNT đệ tử của đức Thế Tôn đã được khéo huấn luyện phải thể hiện mình là những bậc an toàn, những vị an ủi lớn lao, là những chỗ quy y, là những bậc tầm cầu lợi lạc cho người Phật tử. Có được như vậy PGNT sẽ phát triển bền vững. Riêng đối với Tạp chí PGNT chị cũng cho biết mỗi Phật tử đều là một viên gạch góp phần vào sự phát triển Tạp chí bằng những hành động cụ thể bao gồm đóng góp tinh tài, phương tiện máy móc, in ấn hay biên tập, nhưng vấn đề quan trọng là ta làm sao có thể "đem chuông đi đánh xứ người". Đó là nỗi trăn trở trong thiện pháp của bản thân Phật tử "Bửu Hương" về hoạt động của Tạp chí Phật giáo này.

Trong thời kỳ hội nhập và phát triển hiện nay Chị đề nghị mỗi số nên có thêm một trang bằng tiếng Anh nhằm giới thiệu lần lượt từng chùa PGNT Việt Nam về tổng thể các mặt như nội bộ, cảnh quang và sinh hoạt tôn giáo của chùa đó để các nước trong khu vực và thế giới biết đến PGNT Việt Nam rõ hơn, kể đó nên đầu tư thực hiện các phần mềm hỗ trợ cho giảng pháp của các nhà sư PGNT cùng các ca khúc chân chính của PG cần được phát huy rộng khắp. Tất cả được trình chiếu trên máy truyền hình và qua đây Phật tử sẽ thấm nhuần và biết nhiều về PGNT hơn. Riêng các mặt đối mới chị cho biết sẽ tài trợ thực hiện việc in ấn cũng như mua sắm trang thiết bị nghe nhìn cho một số chùa PGNT. Tại Lào chị có cộng đồng Việt Kiều, qua đây với tâm trong sạch chị mong muốn được cùng Ban Biên tập đưa Tạp chí PGNT phát hành ra thế giới. Chị mong muốn kiều bào nước ngoài hãy quan tâm đóng góp tài thí để phát triển Tạp chí PGNT. Tất cả sẽ là một sự đổi mới trong tư duy về cách làm trong năm mới này.

Nữ Doanh nhân Phật tử Bửu Hương cũng như nhiều nữ doanh nhân khác đã và đang hoạt động kinh doanh trong mọi ngành nghề trong cũng như ngoài nước, ngoài đạo hay theo đạo Phật, hãy luôn tự đặt câu hỏi cho chính mình rằng: "Nên hiểu và thể hiện Đạo đức trong kinh doanh theo cách nào tốt nhất? Làm sao luôn giữ phẩm hạnh của một người Phật tử" để cống hiến thật nhiều cho nền kinh tế đất nước đem lại phúc lợi xã hội cho người dân và an lạc cho chính mình và gia đình.

Câu chuyện trên thiết tưởng xứng là gương soi chung làm vinh danh hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong kinh doanh thời hội nhập và phát triển. ●

Khi phải đẹp xuất gia gieo duyên

Diệu Hòa

Con người hầu như ai cũng yêu quý cái đẹp, cái hay, cái tốt, ai cũng mong mình được bình an trong cuộc sống. Con người nhận ra thiện tâm đang ngủ say trong tiềm thức mình, khi khép mình vào nếp sống khoa học, nghiêm túc, và tiếp thu những trải nghiệm ý nghĩa.

*Cuộc đời là những thước phim
Hy, nộ, ái, ố oan khiến lòng vòng
Xả cho một kiếp phiêu bồng
Không còn vướng bận cảnh hồng trần ai.*

*Lên chùa nghe tiếng niệm mầu
Ngày nay là lúc con cầu đạo cao
Ta bà sinh tử về sau
Thời xin đoạn dứt bể dâu gọi là.*



Moe Yu San cười hạnh phúc trước buổi lễ xuất gia

Nhận ra sự thật tuyệt vời ấy, nhiều cô gái xinh đẹp, giỏi giang điển hình như A hậu Trương Thị May đã nguyện sống giản dị với trang phục kín đáo và mái tóc đen truyền thống, cùng nếp sống chay tịnh, giữa làng nghệ thuật giải trí đầy màu

sắc và hương vị.

Mới đây, ngôi sao điện ảnh kiêm người mẫu nổi tiếng Moe Yu San của Myanmar đã đánh dấu kỷ niệm năm cô tròn 22 tuổi bằng buổi lễ xuất gia gieo duyên tại Ni viện Suvarnabhumi Kay Mar Yar

Ma, Yangon trong ngày sinh nhật của cô. Moe Yu San sẽ sống đời của một tu nữ trong những ngày tại ni viện.

Truyền thống của đạo Phật Nguyên Thủy cho phép một người được xuất gia trong một thời gian ngắn hạn nào đó, gọi là "gieo duyên".

Mọi truyền thống của mọi dân tộc đều đáng để trân trọng và quan tâm, vì mọi truyền thống đều có nét ý nghĩa riêng.

Ý nghĩa ấy không gì hơn là mong muốn thanh niên được rèn luyện nếp sống khoa học, nghiêm túc và những phẩm chất tốt đẹp của đạo Phật, trong không gian thiền môn thanh tịnh, trong một thời gian ít nhất ba tháng, nếu thanh niên đó đủ duyên với Phật Pháp, thanh niên có thể tu tập lâu hơn và có thể trở thành tu sĩ chính thức suốt đời.

Những cô gái thông minh hiểu rằng, những giá trị cốt lõi của con người nằm ở nhân cách sẽ cho các bạn một cuộc sống hạnh phúc một cách bình an thời thanh xuân.

Cô giáo Chi Mai dạy tiếng Anh cho các bạn lớp 12 ôn thi Đại học, đã dạy học sinh của mình rằng: "Tuổi trẻ của các em cần nhất sự vô tư, bình an, gánh nặng cơm áo gạo tiền chỉ là yếu tố phụ".

Đọc những dòng tâm sự của các bạn trên trang mạng xã hội, có thể thấy không ít những mệt mỏi, căng thẳng trong công việc và cũng ngần ấy lo âu đau khổ trong chuyện tình cảm. Tuy nhiên, đây chỉ là những trạng thái nhất thời, vì các bạn thanh niên ấy đã nhìn thấy cảnh các bạn mình đang vui chơi thành thơi, vô tư, vui nhộn trong các câu lạc

bộ Phật tử nơi thiền viện, chùa chiền.

Bởi, về nương tựa nơi Phật là về với tâm tính chân thật nhất của mỗi người. Bản chất chân thật lâu nay của con người là gì? "Nhân chi sơ tính bản thiện". Con người hầu như ai cũng yêu quý cái đẹp, cái hay, cái tốt, ai cũng mong mình được bình an trong cuộc sống. Con người nhận ra thiện tâm đang ngủ say trong tiềm thức mình, khi khép mình vào nếp sống khoa học, nghiêm túc, và tiếp thu những trải nghiệm ý nghĩa.

Ở những CLB thanh niên Phật tử, qua những trò chơi tập thể, thanh niên học được sự đoàn kết, không quan trọng thành công hay thất bại, vì trong trò chơi ở chùa, chơi giỏi không được thưởng khen, chơi chưa giỏi cũng không bị chê và bắt bẻ gì.

Tứ vô lượng Tâm: TỪ – BI – HỖ – XÃ đã lan tỏa vào tiềm thức các bạn trẻ một cách tự nhiên như vậy đấy, từ đó, những thành bại của cuộc sống bên ngoài đối với tuổi trẻ dần dần trở nên nhẹ nhàng như trò chơi trong chùa.

Những khoảng thời gian an lạc như thế, ai cũng muốn kéo dài ra mãi. Vậy nên ý muốn xuất gia gieo duyên một thời gian đã hình thành.

Mở đầu nghi lễ xuất gia gieo duyên, các bạn trẻ được các quý Thầy lễ thể phát xuất gia. Mái tóc đối với mọi người bình thường như là một nét trang trí cho vẻ bên ngoài, đặc biệt là những cô gái trẻ vốn từng muốn mình luôn xinh đẹp, nay đối trước Phật đài Từ Bi :

*"Mái tóc vốn màu gổ quý
Nay dâng thành khối trầm hương
Nét đẹp đi về vịnh cửu
Vi diệu thay ý vô thường.
Đã thấy đời cơn huyền mộng
Chân tâm một quyết lên đường
Nghe hải triều lên mấy độ
Nguyện phát túc về siêu phàm."*

Tiếp đó, nghi lễ thọ mười giới Sa di:

1. Không sát sanh
2. Không trộm cắp
3. Không tà dâm
4. Không nói dối
5. Không uống rượu
6. Không ăn phi thời (sau Ngọ)
7. Không đàn ca múa hát
8. Không trang điểm, đeo vật trang sức, thoa vật thơm.
9. Không nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp
10. Không sử dụng và giữ tiền hoặc vàng bạc.

Chính tôi được nghe một cô gái trẻ đã từng xuất gia gieo duyên trong chùa của một sư thầy ni suốt 8 tháng. Suốt 8 tháng, cô gái trẻ không lên internet, không dùng điện thoại; dù hồi còn ở nhà, cô không thể xa rời 2 thứ này. Điều đó có quá khó khăn không? Nếu phủ nhận một chút khó khăn ban đầu vì phải thay đổi cuộc sống, thì hoàn toàn không thật.

Nhưng cuộc sống trong chùa không có một phút giây để bạn trẻ ngồi một chỗ cho nỗi buồn được ở lại lâu. Tháng đầu vào chùa, thầy cho phép bạn thức dậy lúc 5 giờ sáng để quét sân, sau đó nấu ăn sáng cúng thầy. Xong xuôi, bạn ngồi đọc Kinh, học các khóa lễ như thỉnh chuông, cúng cháo. Gần trưa, các Phật tử đến chùa hầu chuyện Thầy, không những thế còn ghé đến hỏi thăm và động viên bạn cùng những đồng quạ tẩm bánh.

Vậy là, những phương tiện để liên lạc gián tiếp qua internet và điện thoại không còn quá quan trọng với cô nữa, vì hàng ngày các Phật tử vẫn trò chuyện, động viên bạn; chiều tối mỗi ngày, thầy lên khóa lễ thỉnh chuông, cúng cháo vẫn cho cô cùng lên chùa học tập theo; các Phật tử đã rất xúc động, vì đang quét sân đôi khi tình cờ nhìn vào chính điện, thấy người bạn trẻ tay cầm giấy miêng nhắm theo, mắt dõi nhìn cách thầy thỉnh chuông, hay lúc ngồi sau thầy học thầy tụng niệm, hai ngón tay bạn khép chặt gõ gõ xuống đất theo nhịp mõ của thầy.

Những buổi tối êm đềm trôi qua, hai thầy trò lại ngồi ở bộ bàn ghế dưới bóng cây, để chia sẻ mọi thứ cả về Phật Pháp và cuộc sống. Thầy còn bố thí cho cô thị giả những bộ quần áo nâu của Thầy, để cô mặc trong chùa.

Những thời khóa niệm Phật sớm – chiều:

*"Đêm và ngày kế tiếp không ngơi,
Mới hay Tịnh độ hiện thời,
Rõ ràng tam muội sáng ngời tự tâm.
Ngoài sáu thời chuyên tâm tu tập,
Không chuyện trò đón tiếp vắng lại,
Nếu còn giao thiệp bề ngoài,
Chỉ e tịnh niệm phí hoài công phu.
Quy ước ấy ai dù không giữ,
Ngôi chủ đường xét xử phạt ngay,
Ba lần can gián cố chầy,
Thời mới ra khỏi nhà này không dung."*

Suốt tám tháng, niệm Phật đều đặn lúc 4 giờ sáng và 4 giờ chiều hàng ngày, không sử dụng internet, không điện thoại, đồng nghĩa với mọi sự việc ở xã hội bên ngoài hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến bạn. Bạn rất an lạc, hoàn toàn thanh thản, nên ở chùa dù ăn chay trường theo thầy, bạn vẫn



rất khỏe mạnh, hồng hào, vì bạn ngủ sâu.

Quả thật, mặt biển vốn tĩnh lặng chỉ gợn sóng dưới tác động của từ trường trên mặt trăng, tâm trạng con người chúng ta cũng vậy, chỉ xuất hiện khổ đau hạnh phúc khi tiếp xúc và lưu giữ những nhận thức về cuộc sống bên ngoài.

Vậy nên, các bậc Tổ đã dạy hoàn toàn đúng: *"Nếu còn giao thiệp bề ngoài/Chỉ e tịnh niệm phí hoài công phu."*

Tám tháng tu tập ở chùa kết thúc, đến nay bạn ấy vẫn tu tập tại một câu lạc bộ Phật tử được một năm rưỡi, vẫn hàng tuần lên chùa tụng kinh niệm Phật cùng các bạn. Quá trình gieo duyên Phật pháp của tuổi trẻ cũng vậy, không bao giờ kết thúc, mà chỉ chuyển đổi từ dạng thức xuất thế tục gia thành dạng thức tu tại gia. Càng tu như vậy, nhân duyên về với Thiện Tâm càng tròn đầy.

"Như Lai là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành", nếu mỗi chúng ta hàng ngày gieo duyên cho nhân lành của những tâm tính thiện lành kết thành quả ngọt trong cuộc sống, thể hiện qua nhân cách tốt đẹp mang lại cho ta tình cảm của mọi người và những thành tựu về học tập và sự nghiệp. *"Phật quanh ta ở nơi Sa bà".* ●

(tiếp theo trang 30)

cái đang là (What to be). Cái hiện thể. Chỉ khi nào người ta đứng nghiêng ngả nửa mà hòa nhập vào cái hiện thể khi đó tâm thức sẽ hoàn toàn tĩnh lặng và sự đau khổ sẽ được chuyển hóa. Thì ra người ta đau khổ do hiện thực chỉ một phần mà phần lớn do cái Tâm vọng động. Chỉ với sự tĩnh lặng của tâm thức thì đau khổ mới hóa giải.

Tóm lại con người đau khổ hoặc hạnh phúc hay an nhiên tự tại chỉ do một chữ "Tâm". Vì "Tướng tùy tâm sinh, tâm tùy tướng diệt", nét ung dung tự tại và thư thái của một người



tùy thuộc rất nhiều vào khả năng hàng phục tâm của người đó. Hãy buông xuống những lo toan đời thường, những phập phồng trong cuộc sống để quay về nhìn lại tâm mình. Hạnh phúc và bình an chẳng đâu xa mà ta nhọc công tìm kiếm.

Xin gửi tặng một chữ "TÂM" đến mọi người trong cũng như ngoài đạo Phật vì trong ta tâm có bình an thì mới mong san sẻ hạnh phúc và bình an đến mọi người.

*"Kìa nhánh mai vàng nở rộ hoa,
Thủy tiên hoa nở thoảng hương xa.
Gió xuân lay nhẹ nhành đào thắm.
Điểm tuyết tâm xuân ý mặn mà".* ●

Nhẫn nại là 10 pháp hành Balamật (hoặc 6 theo Phật giáo bắc tông) cho các vị Bồ Tát có ý nguyện trở thành Phật Toàn Giác, Phật Độc Giác hoặc Phật Thịnh Văn Giác. Những pháp hành đó là :

- 1- Bồ thí
- 2- Trì giới
- 3- Xuất gia
- 4- Trí tuệ
- 5- Tinh tấn
- 6- Nhẫn nại
- 7- Chân thật
- 8- Quyết tâm
- 9- Từ bi
- 10- Tâm xả.

Nhẫn nại là sự chấp nhận chịu đựng những hoàn cảnh khắc nghiệt, đớn đau, những đối tượng trái ý nghịch lòng mà vẫn không giận hờn, oán ghét và vẫn giữ được thiện tâm một cách tự nhiên bình thản. Phần đông chúng ta bên ngoài có vẻ nhẫn nhục, nhưng sự bức tức vẫn ngấm ngấm bên trong. Nếu trong tâm vẫn còn sự tức giận thì chưa được gọi là đức nhẫn nại, kiên nhẫn.

Một nhà sư Tây Tạng, sau mười mấy năm bị giam cầm, hành hạ trong ngục tù; khi được thả ra, một ký giả hỏi ông: "Trong những năm tháng đó, cái gì làm cho ông sợ hãi nhất?". Ông trả lời: "Tôi sợ nhất là đánh mất lòng từ bi đối với những người đang hành hạ tôi". Đây đúng là một vị Bồ Tát đáng đánh lễ, cúng dường.

Có 3 loại nhẫn nhục:

1. Thân nhẫn: Là sự chịu đựng nghịch cảnh khắc nghiệt: nắng, mưa, nóng lạnh, muỗi mòng, rắn rít. Hoặc bị người ác độc đánh đập, hành hạ, mắng nhiếc, chửi rủa thậm tệ mà vẫn chấp nhận chịu đựng, không hề có thái độ tức giận, oán ghét, vẫn giữ thiện tâm một cách tự nhiên, không bị dao động.

2. Khẩu nhẫn: Thân đã nhẫn nhục chịu đựng mà miệng cũng không thốt ra lời trả đũa ác độc, chua cay.

3. Ý nhẫn: Cả trong tâm cũng không oán hận, hay nổi ý trả thù.

Trong 3 loại nhẫn này, ý nhẫn là quan trọng nhất, là thước đo mức nhẫn nhục của người có hạnh Bồ Tát.

Tu Tập Pháp NHẪN NẠI

ĐD Thiện Minh

Nhẫn nại với ai?

- Với ngoại cảnh khắc nghiệt, với ngoại nhân làm mình trái ý phật lòng, với ông chồng vũ phu, với bà vợ ghen tuông, với đứa con ngỗ nghịch, với thượng cấp khó khăn, với đồng nghiệp chen ép v.v...

- Với nội thân đau đớn, khổ sở ê chề như những tù nhân chánh trị đang bị hành hạ thân xác và tinh thần trong ngục tù của những nước độc tài.

- Với chính mình vì không chịu đựng được nữa, không còn giữ được sự bình tĩnh, sự vô sân hay tử bi.

- Với thời gian, ôi thời gian! là kẻ thù muôn đời của con người

"Sao mi cứ miệt mài phi nước đại?"

Cho môi hồng, má thắm vội nhạt phai,

Biển đầy sóng, trăng tròn, trăng khuyết mãi

Sông núi kia cũng thay đổi hình hài".

(Thơ Quang Tuấn)

Nhẫn nại để làm gì?

- Để giữ thiện tâm và làm lợi ích cho mình và cho người.

- Để trao đổi hạnh TỪ, BI, HÍ, XÁ

- Để chấp nhận mọi hoàn cảnh mà không than thân, trách phận, không oán ghét hận thù.

- Để tha thứ cho chính mình và kẻ làm hại mình, cho cuộc đời không là một bãi chiến trường, mà là một cõi an bình, hạnh phúc.

- Để làm thay đổi lòng người, làm thay đổi một chế độ hà khắc, Nelson Mandela sau bao nhiêu năm nhẫn nhục trong ngục tù đã làm tan rã chế độ "Phân biệt chủng tộc". Bà Aung San Suu Kyi sau 20 năm kiên nhẫn trong sự mất tự do đã làm thay đổi chế độ độc tài quân phiệt Miến Điện.

- Sau cùng là để thực hiện hạnh nguyện Bồ Tát.

Nhẫn nại có khác Tâm Từ không?

Theo Vi Diệu Pháp (tâm lý học Phật giáo) kiên nhẫn là một tâm thiện có chi pháp là tâm sở vô sân làm căn bản, như vậy nó cùng bản chất với tâm từ, nhưng kiên nhẫn khác với tâm từ ở đối tượng;

- Đối tượng của TÂM TỪ là những người hay vật đáng được thương yêu và đến một mức độ cao thượng, tâm từ có thể bao trùm tất cả mọi chúng sanh, không phân biệt, không giới hạn, ngay

cả đối với kẻ thù của mình. Chẳng hạn, cha mẹ bình thường đối xử với con cái bằng tình thương, bằng tâm từ, nhưng khi con cái trở nên ngỗ nghịch, bướng bỉnh thì tâm từ lúc đó được biến đổi thành tâm kiên nhẫn để tha thứ và yêu thương. Vợ chồng cũng vậy, khi ông hay bà nổi cơn tam bành thì lúc đó tâm kiên nhẫn phải được đem ra áp dụng cho qua cơn sóng gió.

- Đối tượng của KIÊN NHẪN là những cảnh trái ý, nghịch lòng, như thời tiết khắc nghiệt, hay con người thô lỗ, ác độc, hoặc một đối tượng tốt đẹp với người khác, nhưng đối với mình thì đó là một đối tượng làm tâm sân hận phát sanh. Như Đức Phật là một đối tượng trái ý với những người theo đạo Bà La Môn hay Hồi Giáo.

Nhẫn nại đem lại quả báo gì?

Nhẫn nại có nhiều quả phước tốt đẹp.

- Tâm an nhiên tự tại, không nóng nảy tức giận.

- Không gây oan trái tạo nghiệp

- Được sự thương mến, kính phục của chư thiên và nhân loại.

Nelson Mandela và Aung San Suu Kyi đều được giải Nobel về hoà bình, Cô gái Hồi quốc Malala bị bọn Taliban bắn bể sọ và vai, vẫn tiếp tục tranh đấu cho quyền được đi học của người phụ nữ ở các nước hồi giáo hủ lậu, cô được giải thưởng Sakharow cho Nhân Quyền.

- Trong khi chết tâm sáng suốt, minh mẫn, không sợ hãi hôn mê.

- Sau khi chết được tái sanh nhàn cảnh

- Trong cõi người, sẽ là hạng có đủ tam nhân (vô tham, vô sân, vô si), có nước da mịn màng, thân hình xinh đẹp, nghĩa là nếu tu hành có thể đắc đạo, đắc thiền (xem sử tích hoàng hậu Mallika, kinh Mallika sutta Anguttara Nikaya).

- Trong cõi trời, tùy năng lực thiện nghiệp quá khứ sẽ sanh vào một trong cõi trời Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới (xem sử tích vua trời Sakka, kinh Asurindaka, Samyutta Nikaya)

LÀM SAO ĐỂ TU TẬP SỰ NHẪN NẠI

Bước thứ nhất: Thức nhận biết mình đang sân.

Đối với người có tu tập thiền, khi tâm sân vừa mới sinh khởi, người ấy đã ghi nhận, hay biết ngay và nhờ đó nó bị dập tắt ngay tức khắc, vì với chánh kiến người này hiểu biết rằng TÂM SÂN là một tâm



Bà la môn Akkosaka bhāradvāja mạt ly đức Phật. Bậc đại bị dạy rằng ai mắng chửi người không phần nộ thì chính mình nhận tất cả. Bà la môn tình ngộ quý ý.

bất thiện, nó sẽ tạo ác nghiệp và gây đau khổ cho chính người ấy. Nếu để nó phát tán trong tâm, nó có thể gây tai hại cho những người chung quanh; đốt cháy hạnh phúc gia đình trong giây lát; chia rẽ tình cốt nhục, làm anh em ruột thịt từ bỏ nhau; bạn bè trở thành thù địch; xa hơn nó có thể gây xung đột đẫm máu và chiến tranh dai dẳng v.v...

Thật ra, tâm sân rất dễ nhận, không cần phải có thiền. Đó là một trạng thái bức bối, khó chịu, không vừa lòng trước một cử chỉ, lời nói hay thái độ của một người nào đó.

Ta có cảm tưởng có một cái gì đó bất ổn trong thân tâm. Khi sân nổi lên, người ta cảm thấy mặt nóng lên, tim đập nhanh, tay chân run rẩy, ngực căng thẳng, hơi thở dồn dập không đều đứt khoảng, đầu nặng nhức, tâm mờ tối, mặt cau có, mày châu lại, răng nghiến chặt, bàn tay co lại. Có người bị hộc máu vì máu bị dồn lên đầu, huyết áp tăng vọt, bởi vậy mới có thành ngữ "Tức hộc máu" (như nhân vật Châu Du thời Tam Quốc bên Trung Hoa). Đó là chưa kể những trường hợp bị đứt mạch máu não hay nhồi máu cơ tim. Không có một cảm xúc nào gây nhiều tai hại vật chất và làm hao tổn năng lực tinh thần cho bằng sự sân hận. Khi sân có những phản ứng bên trong cơ thể mà mình không nhận ra như chất adrénaline được tiết nhiều ra ...

Bước thứ hai: Truy tìm nguyên nhân tại sao chúng ta sân?

Mọi sân hận đều bắt nguồn từ một ý tưởng sâu kín, là tự ngã bị xâm phạm, cái tôi bị sút mẻ, mất mát, tất cả đều quay quanh 3 tà kiến: tự ái,

ngã mạn, ái ngã sở (yêu thích cái gì của ta).

Ta sân vì nghĩ rằng người đó đã làm (đang làm hoặc sẽ làm) cho mình khổ sở mất mát; hay đã làm, (đang làm, sẽ làm) cho người mình thân thương khổ sở mất mát, hoặc làm cho người mình đang ghét được lợi lộc.

Ta sân có thể vì một ham muốn đòi hỏi không được thỏa mãn. Có người sân vì thói quen, hoặc bẩm tính sân hận: thói quen tập nhiễm từ nhỏ do ảnh hưởng của gia đình: một người cha hung bạo, một người mẹ hay cầu nhàu thường để lại dấu ấn nơi những người con. Bẩm sinh có thể bắt nguồn từ trong bụng mẹ hoặc từ một tiền kiếp hay sân (nếu trong bụng mẹ ta đã thường nghe tiếng la hét của cha, hay tiếng than khóc của mẹ).

Có người sân vì có một cá tính cầu toàn (perfectionniste), nhạy cảm (susceptible), hoang tưởng (paranoïaque, những người này thường diễn dịch sự kiện một cách sai lạc, luôn luôn nghĩ rằng người khác nói xấu, làm hại mình).

Người ta có thể sân vì ganh tị, ghen tuông, bủn xỉn tiếc của, hay ăn năn hối tiếc, lo âu sợ hãi. Người ta có thể sân vì gặp những đối tượng không phù hợp với sở thích, với quan điểm của mình. Như Đức Phật là một đối tượng làm cho những người Bà la Môn hay Hồi giáo sân hận.

Người ta sân vì thiếu học hỏi, hiểu biết về nhân duyên, nghiệp quả, về vô ngã, vô thường.... Người ta sân vì thiếu suy nghĩ sâu sắc, thiếu cảm thông độ lượng, không đặt mình trong hoàn cảnh của người khác.

Người ta có thể sân trước một cảnh bất công mà người khác phải gánh chịu, hay một nguyên tắc, một giá trị chung không được tôn trọng.

Sau cùng người ta có thể bứt rứt, bức bối vì mất ngủ, vì đau nhức, vì bệnh tật, như bệnh cường giáp trạng (hyperthyroïdie), bệnh viêm gan..

Phải nhận định cho đúng cái nguyên nhân chính yếu, nó vẫn nằm bên trong ta. Tất cả bên ngoài đều là những yếu tố phụ, những điều kiện xúc tác, hỗ trợ. Trong tất cả những nguyên nhân trên đây: cái bẩm tính sân hận là khó chữa trị nhất. Phải đem năng lực tu tập cả cuộc đời không biết có chữa trị được không! Tu là chuyển nghiệp là như vậy (còn tiếp).●

PĀRĀPARIYA

Kệ Ngôn Của Trưởng Lão

TT. Thiện Phúc (dịch)

Được biết trưởng lão Pārāpariya đã nói lên bài kệ như vậy:

*"Từ bỏ sáu xúc xử
Các căn khéo phòng hộ
Bútt tận gốc phiền não
Ta chứng đạt lậu tận".*

Trưởng lão đã tích trữ nhiều thiện duyên trong các kiếp quá khứ, đến thời giáo pháp của Đức Thế Tôn Piyadassī, trưởng lão tái sinh trong một gia đình thợ săn, sau khi trưởng thành nổi nghiệp cha làm nghề săn thú.

Một hôm, Đức Thế Tôn Piyadassī dùng Phật nhãn quán xét thế gian, tìm chúng sanh hữu duyên để tế độ, chàng thợ săn lọt vào lưới nhãn của Đức Thế Tôn, Ngài ngự đến khu rừng ấy và ngồi nhập đại định dưới cội cây đại thọ.

Chàng thợ săn đi tìm thú nhìn thấy Đức Thế Tôn đang an nhiên tịnh tọa, với màu da tươi sáng, lục căn thanh tịnh, gương mặt đầy từ hoà khả kính, khiến chàng khởi tâm tịnh tín, đi nhặt lấy những cành cây cùng nhiều hoa sen mang về dựng lên mái che cho Đức Thế Tôn, sau khi làm xong, chàng vô cùng hoan hỷ thoả thích, đứng chấp tay hầu Đức Thế Tôn suốt bảy ngày, ngoại trừ những lúc đi tìm hoa tươi về thay cho những cánh hoa đã héo và cứ như thế với tâm đầy phỉ lạc.

Vừa đủ bảy ngày, Đức Thế Tôn xả thiền diệt, Ngài khởi lên tác ý muốn chư tăng đến, tức thì 80.000 vị Thánh tăng với thần thông liền có mặt tại nơi ấy, vây quanh Đức Thế Tôn, chàng thấy chư

tăng xuất hiện kỳ diệu như thế vô cùng kinh ngạc, thán phục hoà lẫn với niềm hoan hỷ dâng trào. Bảy giờ chư thiên cũng vân tập tại nơi ấy với tư tưởng rằng chúng ta sẽ được nghe pháp thoại vi diệu từ nơi Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn sau khi dùng Phật nhãn quán xét hạnh nghiệp vị lai của chàng thợ săn, Ngài tuyên bố rằng:

- Với người nào có tâm cung kính cúng dường Như Lai trong suốt bảy ngày qua, người ấy sẽ được sanh lên thiên giới và đến thời kỳ giáo pháp của Đức Thế Tôn Gotama người ấy sẽ xuất gia và được thành tựu quả vị giải thoát.

Đức Thế Tôn sau khi tiên tri như thế, Ngài thuyết một thời pháp thoại, tạo lợi ích cho hội chúng ở nơi ấy, xong rồi Ngài cùng với chư tăng ngự trở về tịnh xá.

Do thiện nghiệp đó, khi mạng chung, người thợ săn được sanh lên thiên giới, trở thành vị thiên tử đại oai lực, có nhiều thiên nữ vây quanh hầu hạ. Sau khi luân chuyển giữa hai cõi nhân – thiên, đến thời giáo pháp của Đức Thế Tôn chúng ta, vị ấy được tái sinh trong một gia đình Bàlamôn tại thành Rājagaha (Vương Xá) và được đặt tên là Pārāpariya vì là con của dòng họ Parāpara, khi trưởng thành Bàlamôn Pārāpariya học nắm lòng tam phệ đà và dạy chú thuật cho rất nhiều thanh niên Bàlamôn.

Một hôm, Bàlamôn Pārāpariya nhìn thấy uy nghi đức độ của bậc Chánh Đẳng Giác khi Ngài ngự đến thành Rājagaha, vị Bàlamôn khởi niềm tin và xin được xuất gia nơi Thế Tôn. Sau khi xuất gia, tôn

giả Pārāpariya tinh cần tu tập theo lời dạy của Đức Phật, không bao lâu chứng đạt quả vị Alahán.

Như bài kệ được nói lên trong Apadāna rằng:

"Thuở ấy Đức Thế Tôn
Hồng danh Piyadassī
Bậc đạo sư thế gian
Đã tự mình giác ngộ
Ngài thích sống viễn ly
Thiền xảo trong thiền định
Là bậc Đại Ấn sĩ
Ngài ngự đến khu rừng
Trái chiếc y phần tảo
An tọa nhập thiền diệt
Bấy giờ, ta là người
Sống với nghề săn thú
Một hôm ta đang đi
Tìm thú tại khu rừng
Ta nhìn thấy Đức Phật
Bậc đã vượt bậc lưu
Bậc không còn lậu hoặc
Như cây chúa trở hoa
Như mặt trời mới mọc
Sau khi nhìn thấy Ngài
Ta đi đến ao sen
Chọn những đoá hoa đẹp
Cùng các nhánh cây rừng
Mang về dựng mái che
Cúng dường Đức Thế Tôn
Hồng danh Piyadassī
Là bậc Đại Ấn sĩ
Bậc có lòng bi mẫn
Đang an tọa thiền định
Ta thay hoa sen héo
Bằng những đoá sen tươi
Xong rồi ta chấp tay
Đứng hầu bậc Đại sĩ
Sau khi đủ bảy ngày
Thế Tôn xả thiền diệt
Ngài nhìn quanh các hướng
Bấy giờ vị thị giả
Tên Sudassana
Vị có đại thần lực
Hiểu được ý Thế Tôn
Hồng danh Piyadassī
Bậc Đạo sư muôn loài
Đang ngự nơi khu rừng
Cùng với người thợ săn
Bấy giờ các thiên nhân
Ở tại khu rừng này
Cũng hiểu được ý Ngài
Cùng nhau vân tập lại

Và khi chư tỳ khưu
Đã quang lâm đầy đủ
Bấy giờ bậc Chiến Thắng
Đã phán bài kệ rằng
Người nào cúng dường ta
Suốt trong bảy ngày qua
Và tạo dựng mái che
Ta tuyên bố người ấy
Các người hãy lắng nghe
Điều khó thấy, sâu kín
Phải khéo hiểu bằng Tuệ
Người ấy hưởng thiên sản
Trong suốt mười bốn kiếp
Tại trên cõi trời ấy
Phát sanh ngôi trùng các
Che lợp bằng hoa sen
Đến cho người ấy ở
Đây quả của thiện nghiệp
Đã cúng dường hoa sen
Như nước không thể dính
Trên lá sen thế nào
Phiền não cũng không đọng
Trên trí tuệ người ấy
Người này sẽ rời xa
Đối với năm triền cái
Khiến tâm hướng xuất ly
Rời từ bỏ xuất gia
Khi người ấy có Niệm
Có Tuệ nơi cây nào
Thì tại cội cây ấy
Thiên cung bằng hoa sen
Ở trên đầu người ấy
Đây là quả của nghiệp
Cúng dường hoa đến Phật
Xuất gia không bao lâu
Người ấy sẽ chứng đạt
Pháp vô thượng giải thoát
Kể từ hiện kiếp này
Lui 1.800 kiếp
Ta cúng dường Phật nào
Chính do thiện nghiệp ấy
Ta không biết khổ cảnh
Đến kiếp cuối cùng này
Ta thiếu đốt phiền não...
Lời Phật dạy làm xong".

Sau khi chứng quả Alahán, trưởng lão quán xét lại pháp hành, phát sanh sự hoan hỷ, đã nói lên bài kệ rằng:

"Từ bỏ sáu xúc xú
Các căn khéo phòng hộ
Búng tận gốc phiền não
Ta chứng đạt lậu tận".●

Nghệ thuật kiến trúc thời Asoka

Theo sử liệu văn bản Pali và Sanskrit thì Đại đế Asoka cho kiến tạo tám vạn bốn ngàn (84.000) ngôi tháp trong toàn quốc Bản đại tông (Mahavamsa) có ghi rằng, Đại đế Asoka bạch hỏi Tôn giả Moggaliputtatissa về số lượng của pháp môn.

Tôn giả cho biết, pháp môn gồm có 84.000. Đại đế phát khởi tín tâm cho kiến tạo 84.000 ngôi tháp cúng dường. Kinh phí 96 tỉ. Đồng thời phân phối Xá lợi tôn thờ tại những ngôi tháp ấy. Riêng tại thủ phủ Hoa thị (Pataliputra), Đại đế cho kiến tạo ngôi đại tự Asoka (Asokarama) mà nghệ thuật điêu khắc tinh xảo kỳ tuyệt. Một đại lễ lạc thành được tổ chức vô cùng trọng thể, phần khởi suốt bảy ngày.

Bộ Asokavadana thì ghi rằng, Đại đế Asoka cho mở hộp đựng Xá lợi mà Đức vua Ajatasattu (A xà thế) tôn trí trong một ngôi đại tháp nằm về hướng đông Tịnh xá Trúc Lâm (Veluvanavihara) và phân phối tôn thờ nơi 84.000 ngôi tháp toàn cõi diêm phù. Sự kiện này khả tín. Vì cho đến thế kỷ đương đại, và sau khi Phật giáo bị các tôn giáo thù nghịch tiêu diệt, bách hại vẫn còn tồn tại không ít những ngôi bảo tháp rải rác khắp đó đây trên toàn lãnh thổ Ấn. Các nhà chiêm bái Trung Hoa Pháp Hiển, Huyền Trang, Nghĩa Tịnh đều có ghi chép những sự kiện này, nhất là ngài Huyền Trang nhà đại chiêm bái Trung Hoa, trong cuộc hành hương, thỉnh kinh thế kỷ thứ XI có ghi rõ ràng chính xác những địa danh từ Takkasila Bắc Ấn chạy dài đến Malakuta cực Nam đều có những ngôi tháp do Đại đế Asoka kiến tạo vẫn còn hiện hữu.

Về vật liệu kiến thiết thì hầu hết các ngôi tháp đều xây bằng gạch nung hoặc bằng đá. Hình thức như bình bát úp. Chu vi quanh tháp đều có đường đi nhiều. Nền tháp vuông vức như hình bồ đoàn. Mỗi ngôi tháp đều có tường bao bọc xung quanh và trên vách đều có khắc hình tích chuyện bốn sanh hoặc mười tích chuyện đại bốn sanh tiêu biểu cho mười hạnh Ba la mật. Nghệ thuật điêu khắc triều đại Đại đế Asoka quả



Ngô Bửu Đạt

thật kỳ đặc, tuyệt mỹ. Có một hình thức điêu khắc mà trong câu chuyện không có nhân vật chính yếu mà chỉ có thể hiểu ngầm, chẳng hạn như:

Ảnh đàn sanh được điêu khắc với tôn tượng

đức Mahamada Hoàng hậu trong tư thế đứng với tay níu nhánh vô ưu, không có hình Thái tử sơ sanh.

Ảnh xuất gia được điêu khắc với hình tuần mã Kiền trặc và Sa nặc mà không có hình Bồ Tát.

Ảnh thành đạo được điêu khắc tượng trưng Bồ đề đại thọ, dưới gốc có Kinh cương tòa, không có ảnh Đức Phật.

Ảnh chuyển pháp luân được điêu khắc tượng trưng bằng Pháp luân xa, có hình những con nai quỳ mọp xung quanh. Tây Tạng thường dùng hình Pháp luân xa làm hoa văn trong các công trình kiến thiết đại hùng bảo điện, cũng như Trung Hoa rất chuộng hình lưỡng long tranh châu vậy.

Hình Phật niết bàn được điêu khắc biểu trưng bằng thiền sàng giữa tảng song long thọ, không có hình ảnh bảo thân.

Sở dĩ nghệ thuật điêu khắc triều đại Asoka có khuynh hướng đặc dị như vậy là vì dân tộc Aryan thời trung cổ chủ trương không sử dụng hình ảnh để tôn thờ. Mãi về sau, khi có hoàn cảnh tiếp cận với nền văn minh Ai cập (Greek) dân Aryan mới thực sự chuyển hướng.



TRỤ ĐÁ VÀ BIA KÝ



Vốn tịnh tín đối với chánh pháp và quan niệm khế hợp lý tình rằng, người nghiêm hành chánh pháp sẽ hưởng vô lượng phúc lạc, nhân dân tu tập chánh đạo sẽ khiến đất nước thịnh hưng, toàn dân cường phú. Chính nhờ sự liên đới hỗ tương giữa thể quyền và giáo quyền khiến đời sống vật chất ổn định, đời sống tinh thần thăng hoa, triều đình luôn quan tâm áp dụng văn hóa chỉ đạo, tiêu biểu cho ý nguyện toàn dân, không lệ thuộc ý kiến chủ quan của hoàng gia. Nền dân chúng Bharata sống hết sức thanh bình, ấm no và hạnh phúc.

Đại đế quyết tâm áp dụng chánh pháp vào đời sống nhân dân. Ngài tin rằng: tất cả thành công, thắng lợi và phúc lạc do chánh pháp mang đến là thắng duyên hội tụ bất biến. Từ thế hệ này sang thế hệ khác vì không có cuộc thắng trận nào vẻ vang bằng cuộc thắng trận của chánh pháp. Kinh nghiệm bản thân Đại đế trước và sau khi quy ngưỡng thực hành chánh pháp đã hoán chuyển tính độc tài, bất khoan thứ trở nên minh đạo, nhân từ tuyệt hảo. Nhờ kinh qua thành quả nghiêm trì chánh pháp đạt thành tích vĩ đại trong công trình giữ nước an dân, một khuôn thước minh đạo không riêng cho Bharata mà chung cho thành phần lãnh đạo quốc gia khắp thế giới.

Một kỳ công lưu tích lịch sử mà Đại đế Asoka đã cống hiến cho Phật pháp trong triều đại Moriya của Ngài thật vô cùng vĩ đại, vượt thời gian, không gian, một công trình vô ngôn, một kho tàng Phật sử chính thống, một nền văn hiến minh đạo khai phóng đã được các nhà khảo cổ nhất là ông Cunningham - một nhà khảo cổ Anh quốc - đã khai quật và tìm thấy tất cả trụ đá, bia ký mà Đại đế cho khắc ghi những sự kiện vô cùng quan trọng liên quan đời sống thị hiện giáng trần, thị ngộ liễu chứng, thị chuyển pháp luân, thị tịch niết bàn và những di tích lịch sử liên quan công trình vân du hóa đạo mà các cơ sở công ích như Kỳ viên tự (Jetavanavihara), Trúc lân tự (Veluvanavihara), Đông phương tự (Dubbarama) v.v... Tóm lại, nếu không có bàn tay, con tim và khối óc của một minh

quân hiền triết, đạo đức và nhân bản như Đại đế Asoka thì ngày nay Phật tử năm châu cũng chưa thấy được ánh sáng văn minh, khoa học.

Trong nền văn học Phật giáo và lễ dĩ nhiên gia tài của lễ sống là từ bi và sự nghiệp tâm linh là trí tuệ mà Đức Phật đã trao truyền tuy gián tiếp nhưng Đại đế Asoka vẫn đầy đủ tư cách và xứng đáng với danh nghĩa thừa tự. Những công trình lưu bố mang tính lịch sử trọng đại mà Đại đế Asoka nghiêm túc thực hiện. Trước tiên, Đại đế hạ quyết tâm trì hành thập pháp vương đạo gồm có:

1. Dana (Thí) - Nơi bốn cửa thành, Đại đế đều cho thiết lập phước xá bố thí thực phẩm cho người nghèo.

2. Sila (Giới) - Tự thúc liễm thân khẩu, không sát hại, không bóc lột, không tà dục hạnh, không làm sai nói quấy, không say sưa rượu men rượu nẫu.

3. Paricaga - hy sinh tự lợi cho công ích, sẵn sàng từ bỏ mọi tiện nghi cá nhân, danh tiếng kể cả sinh mạng cho nhân dân.

4. Ajjava - thành thật và liêm chính.

5. Maddava - uy nghiêm và từ ái.

6. Tapa - gương mẫu tức sống đơn giản, không xa hoa, trụ lạc.

7. Akodha - không nóng giận, không dễ sân hận chi phối, không hiềm khích tư thù.

8. Avihimsa - bất hại, không gây tổn thương, không có hại tư duy, luôn chủ trương hòa bình, chặn đứng chiến tranh. Và những bạo động phá hoại sự sống.

9. Khanti (kham nhẫn) tức can đảm chịu đựng mọi chướng duyên, nghịch cảnh kể cả những lời chỉ trích thô bạo, phạm thượng mà không mất bình tĩnh.

10. Avirodhana - an nhiên hành xử, tức không chống lại ý dân, tuyệt đối đặt quyền lợi nhân dân lên hàng đầu, không mâu thuẫn trong hành động và quyết định.

Soạn giả xin phép ghi lại bài kinh Kutadanda trường bộ III, Thế tôn giải thích các hình phạt không hữu hiệu, không lợi ích và không thành công bằng sự cải thiện kinh tế. Để cải thiện kinh tế, Thế tôn dạy:

1. Cung cấp các thứ hạt giống và phương tiện canh tác cho nhà nông.
2. Cung cấp vốn cho những người kinh doanh, đầu tư, trả lương thích đáng cho công nhân.
3. Đại bố thí cho nhân dân thay cho các lễ tế đàn. Khi mà dân chúng thu hoạch đủ lợi tức, sẽ vừa lòng, sẽ không sợ hãi, lo lắng và kết quả sẽ là xứ sở được thanh bình, dân chúng được phú cường thịnh vượng.

Nhờ nghiêm hành thập pháp vương đạo mà Đại đế đã xây dựng tiểu lục địa Bharata không còn hiện tượng tội ác trong xã hội. Đối với bản thân, Đại đế đem thân làm gương và làm chứng. Nhờ tiêu biểu minh đạo, Đại đế đã thể hiện tư cách Phật tử thuần thành hộ trì chánh pháp bằng công trình di lưu Phật sử và Phật pháp mà thời gian, không gian đã là dấu ấn. Sau đây là những cống hiến đặc trưng truyền kỳ:

Trong một bia ký, Đại đế có ghi sắc chỉ: Đại đế Thiên ái (tức Asoka) luôn thương yêu, không hãm hại mọi loài chúng sinh, thúc liễm tự thân, bình đẳng và hòa ái, đã quán chiếu xuyên suốt: chỉ cuộc thắng trận chánh pháp là vĩ đại nhất và thiên thu bất hoại mà bản thân Đại đế là người thừa tự. Sự thành tựu trong công trình chiến thắng này đã ảnh hưởng rộng xa đến các lân bang tiếp cận tiểu lục địa Bharata khoảng 600 do tuần như quốc vương Antiyoga thuộc cộng hòa Yonaka tức Đức vua Anti August đệ II nước cộng hòa Syria, vương quốc bốn vị vua; Đức vua Turayama, tức vua Patoleme nước Egypt, Đức vua Antikena, tức vua Antikone nước Macedonia, Đức vua Alikasundara, tức Alexander nước Epirs, Đức vua Magha, tức tiểu vương Magast trị vì tiểu quốc nằm về hướng Đông nước Egypt.

Về hướng Tây vương quốc Magadha (Ma kiệt đà), các sắc dân sau đây cũng nằm dưới quyền thống trị của Đại đế Asoka, đó là sắc dân Pandyas, Satyaputras, Keralaputra, Sri Lanka, Yavana, Kamboja, Nabhaka, Nabhapanti, và một số tiểu quốc cha truyền con nối, như nước Andhara, Parinda. Các vương quốc, tiểu vương quốc và các sắc dân nói trên đều y theo sắc chỉ phụng hành nghiêm túc. Ngay như một số các quốc gia tiếp cận mà sứ giả Đại đế chưa đến kết giao cũng hưởng ứng phụng hành chỉ dụ (còn tiếp).●

(tiếp theo trang 12)

cùng của một vị Bồ tát đã tu hành nhiều năm. Chúng ta chú ý danh từ Bồ tát dùng để chỉ Đức Phật trước khi thành đạo trong các bộ kinh Nikaya. Chỉ khi thành đạo, Đức Bồ tát mới trở



thành Đức Phật. Sự kiện sinh ra là sự kiện trước khi thành đạo, vì vậy, các nước Phật giáo Nguyên thủy không cho là có Phật đản, mà chỉ có Đức Bồ tát đản sinh.

Vì vậy, sử dụng từ Vesak vừa là đúng hợp được các truyền thống Bắc tông và Nam tông, vừa thể hiện sự đoàn kết, hội nhập Phật giáo Việt Nam vào Phật giáo thế giới.

Danh từ Vesak bao gồm cả 3 ngày lễ đản sinh, thành đạo và niết bàn. Như thế, nếu sử dụng thì liệu có chẳng ý nghĩa phủ nhận 2 ngày lễ thành đạo và niết bàn theo Phật giáo Bắc tông?

Quá trình sử dụng danh từ Vesak trong năm 2008 và hiện nay năm 2014, đã cho thấy không có sự phủ nhận đó. Tăng ni Phật tử Việt Nam đều hiểu Vesak chỉ là tam hợp theo truyền thống Nguyên thủy, trên hết là lễ Phật đản. Lễ vía Phật thành đạo theo truyền thống Bắc tông vẫn được tổ chức bình thường và có chùa tổ chức ngày càng lớn. Vì vậy, không ngại có sự phủ nhận.

Truyền thông hiện đại, nhất là truyền hình và internet, đã làm cho từ Vesak trở nên hết sức phổ biến trong xã hội. Phật giáo Việt Nam nên khai thác thuận lợi này, Việt hóa tuyệt đối từ Vesak, dùng chính thức từ Vesak thay cho từ Phật đản.

Tác động của việc này sẽ là ngày lễ được xác định là lớn nhất của Phật giáo Việt Nam sẽ ngày càng mang tính thế giới hơn, thúc đẩy Vesak trở thành một ngày lễ tôn giáo lớn nhất thật sự tại Việt Nam, thay vì chỉ dùng từ Vesak để chỉ những dịp đăng cai đại lễ của Liên hiệp quốc.●

Các vị thuốc tốt cho tiêu hóa

Bác sĩ Thu Vân

KHI BỊ ĐẦY BỤNG, KHÓ TIÊU, NGOÀI VIỆC NÊN TRÁNH NHỮNG THỨC ĂN KHÓ TIÊU NHƯ DẦU, MỠ ĐỘNG VẬT, VÀ NÊN ĂN CÁC LOẠI THỨC ĂN DỄ TIÊU, NẤU MỀM, CHÚNG TA CÓ THỂ DÙNG CÁC VỊ THUỐC CÓ TÁC DỤNG KÍCH THÍCH TIÊU HÓA LÀ NHỮNG QUẢ, CÂY, LÁ CÓ SẴN TRONG VƯỜN NHÀ, VỪA KHÔNG TỐN KÉM LẠI KHÔNG GÂY HẠI CHO CƠ THỂ.

các cây thuộc họ cam quýt. Chỉ thực là quả hái vào lúc còn non, nhỏ. Chỉ xác là quả hái vào lúc gần chín, chỉ xác thường to hơn chỉ thực và được bổ đôi để phơi cho chóng khô. Chỉ thực và chỉ xác đều có tác dụng tiêu hóa, trừ đờm, chữa trướng bụng, lợi tiểu,... Cách dùng: Chỉ xác 10g, đu đủ xanh khô (mộc qua) 30g, gừng khô 6g. Hai thứ đem sắc kỹ, uống mỗi ngày 1 - 2 lần.

Gừng: Gừng tươi được dùng làm thuốc chữa nôn mửa, bụng đầy trướng, để kích thích tiêu hóa, giải độc. Ngày dùng 4 - 8g sắc uống.

Rau mùi: Rau mùi là loại rau gia vị phổ biến. Theo Đông y, rau mùi có vị cay, tính ấm, có tác dụng kích thích tiêu hóa, chống đầy hơi. Cách dùng: Có thể dùng làm rau gia vị ăn kèm với các món ăn hoặc lấy rau mùi tươi rửa sạch, giã nát, thêm một chút nước, vắt lấy nước cốt uống mỗi lần 2 - 3 thìa, có tác dụng chữa ăn không tiêu, đầy bụng, khó chịu ậm ạch.



Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy số 38 (tháng 03)



Phật thủ



Chỉ xác lục y

Phật thủ: Theo y học cổ truyền Phật thủ có vị cay, đắng, chua, tính ấm, có tác dụng hành khí chỉ thống, hóa đờm, kiện vị, chỉ khái, có tác dụng chữa ho và là vị thuốc giúp tiêu hóa tốt. Cách dùng: Lấy 30g Phật thủ tươi, thái lát, sắc kỹ lấy nước uống trong ngày. Hoặc: Phật thủ 30g, quả cam tươi 30g, sắc uống 2 lần vào buổi sáng và chiều. Uống 3 - 5 ngày.

Quất: Quả quất được dùng làm nước giải khát, chữa khó tiêu và chữa ho. Cách dùng: Quả quất chín 1kg, rửa sạch, để ráo nước. Dùng kim châm sâu vào quả nhiều lỗ. Cho quất vào lọ cùng với 2kg đường kính, cứ một lớp quất lại một lớp đường, đậy kín, để trong vòng 7 ngày, thu được sirô quất màu vàng, mùi thơm. Khi dùng, lấy 1 - 2 thìa to sirô quất pha với 100ml nước đun sôi để nguội uống.

Trần bì: Là vỏ của quả quýt chín phơi khô, họ cam. Theo Đông y, trần bì có vị cay, đắng, tính ấm, có tác dụng hành khí, hòa vị, cầm nôn mửa. Thường dùng điều trị ăn không tiêu, đầy bụng, ợ hơi, tiêu chảy, tiêu đờm, giảm ho. Cách dùng: Xé vài miếng trần bì, rửa qua nước ấm cho sạch, bỏ vào cốc nước sôi, hãm khoảng 15 - 20 phút có thể dùng được. Chú ý chỉ uống nước lúc còn đang nóng, bỏ bã.

Chỉ thực - chỉ xác: Là quả phơi khô của

Các hoạt động Phật giáo là điểm nhấn trong tuần lễ văn hóa Ấn Độ tại TP. HCM

Thích Ngộ Dũng

Chiều 27/02/2014, tại khách sạn Sheraton, Tổng lãnh sự quán Ấn Độ tại TP. HCM đã tổ chức họp báo về tuần lễ văn hóa Ấn Độ tại TP. HCM

Tại buổi họp báo, bà H.E Mrs. Preeti Saran – Đại sứ Ấn Độ tại Việt Nam cho biết tuần lễ văn hóa Ấn Độ lần này có sự kết hợp của Đại sứ Quán Ấn Độ tại Hà Nội, Tổng Lãnh Sự Quán Ấn Độ tại TP. HCM và Bộ Văn hóa Ấn Độ với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND TP. HCM, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị TP. HCM nhằm mục đích thúc đẩy các mối liên kết văn hóa giữa hai nước.

Có mặt tại buổi họp báo, HT. Thích Thiện Tánh – Phó Trưởng ban Thường trực GHPGVN TP. HCM đã rất vui mừng khi đây là lần đầu tiên Tổng Lãnh Sự Quán Ấn Độ tại TP. HCM kết hợp với GHPGVN TP. HCM tổ chức các hoạt động giới thiệu văn hóa Phật giáo Ấn Độ cho rộng rãi Phật tử trong toàn thành phố. Phật giáo thành phố hoàn toàn ủng hộ và tạo mọi điều kiện để các hoạt động trong chương trình được diễn ra một cách tốt đẹp.

Ngoài TP. HCM, tuần lễ văn hóa Ấn Độ còn được tổ chức tại Hà Nội và Đà Nẵng. Tuần lễ văn hóa Ấn Độ tại TP. HCM diễn ra từ ngày 06-15/03/2014. Trong suốt 9 ngày diễn ra tuần lễ văn hóa Ấn Độ, nhiều hoạt động sôi nổi nhằm giới thiệu nền văn hóa lâu đời của Ấn Độ - một trung tâm của nền văn minh thế giới.



Phó Chủ tịch UBND TP Lê Mạnh Hà cùng các vị đại biểu cắt băng khai mạc lễ hội Phật giáo tại TP. HCM



Triển lãm Phật giáo Dharma Darshan

Trong các hoạt động đó, có hai hoạt động về Phật giáo bao gồm triển lãm Phật giáo và lễ hội Phật giáo. Triển lãm Phật giáo sẽ được khai mạc vào lúc 10 giờ sáng ngày 06/03/2014 tại Bảo tàng Mỹ thuật TP. HCM. Triển lãm trưng bày nhiều tác phẩm Phật giáo thể hiện cuộc đời đức Phật và những lời dạy cao quý của Ngài – một người con vĩ đại của dân tộc Ấn Độ. Triển lãm sẽ kéo dài từ ngày 6 đến 14/03/2014, mở cửa tham quan từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều hằng ngày, vào cổng miễn phí.

Chương trình lễ hội Phật giáo bao gồm các hoạt động tụng kinh, cử hành các nghi lễ của các nhà sư đến từ Ấn Độ. Bên cạnh đó còn có nghi lễ thực hiện đồ hình Mạn-đà-la bằng cát và điêu khắc Phật giáo tại chùa Phổ Quang. Lễ khai mạc chính thức được cử hành vào lúc 19 giờ ngày 07/03/2014 tại chùa Phổ Quang. Còn tại chùa Vĩnh Nghiêm, việc cử hành nghi lễ Phật giáo và tụng trì kinh chú sẽ được diễn ra vào lúc 9 giờ sáng ngày 08/03/2014.

Ngoài ra, còn có các hoạt động khác như các lớp giảng dạy và biểu diễn Yoga, múa dân gian Kalbelia, lễ hội ẩm thực và nghệ thuật vẽ trên da Mehendi, múa cổ điển Nrityarupa. ●



Tụng kinh Lama (Ấn Độ)



Múa tâm linh "Durgad Cham" (Ấn Độ)



Múa tâm linh "Wang Cham" (Ấn Độ)

TP. HCM: Khai mạc Lễ hội Phật giáo Ấn Độ tại chùa Phổ Quang

Giác Hạnh Hoa - Duy Khánh

Trong khuôn khổ của "Lễ hội Ấn Độ" ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhiều hoạt động đang được diễn ra như Triển Lãm Nghệ Thuật Phật giáo "Dharam Darshan" đã được khai mạc tại Viện Bảo tàng Mỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh, và tối 7/3/2014, tại chùa Phổ Quang, TP. Hồ Chí Minh. Lễ hội Phật giáo Ấn Độ, nhân dịp 65 năm Quốc khánh nước Cộng hòa Ấn Độ đã được khai mạc.

Tổng Lãnh sự quán Ấn Độ tại Việt Nam; cùng sự có mặt toàn thể cán bộ của Bộ Văn hóa Ấn Độ, Tổng Lãnh Sự Quán Ấn Độ tại thành phố Hồ Chí Minh; các tu sĩ Phật giáo đến từ Ấn Độ. Về phía Giáo hội PGVN Việt Nam có Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị Sự TW GHPGVN. HT. TS Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN kiêm Trưởng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam TP. HCM.

Về phía chính quyền có Ông Lê Mạnh Hà, Phó Chủ tịch, UBND TP. HCM; cùng với các sở ban ngành Thành phố Hồ Chí Minh; Chư Tôn Đức Trung ương GHPGVN; Ban Trị sự PG TP. HCM, Ban Văn hóa Thành hội PG TP. HCM; phóng viên báo đài và tất cả quý vị Phật tử.

Mở đầu bài phát biểu tại lễ khai mạc HT. TS Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN kiêm Trưởng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam TP. HCM đã nói: "Kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Jawaharlal Nehru đặt nền móng đầu tiên cho mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước Việt Nam và Ấn Độ cách đây hơn 50 năm về trước, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ luôn là mối quan hệ đặc biệt chân thành và thắm thiết, sâu sắc nghĩa tình...Tuần lễ văn hóa Ấn Độ lần này do Đại sứ quán Ấn Độ tại Hà Nội, Tổng Lãnh sự quán Ấn Độ tại TP. HCM cùng Bộ Văn hóa Ấn Độ hợp tác với Bộ VH-TT&DL Việt Nam, UBND TP. HCM, Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị TP. HCM đồng tổ chức tại ba TP lớn

Tới dự khai mạc lễ hội. Về phía Ấn Độ có sự hiện diện của ông Ravindra Singh Thứ trưởng Bộ Văn hóa Ấn Độ; Ông Deepak Mittal -

là Hà Nội, Đà Nẵng và TP. HCM, nhằm thúc đẩy mối liên kết văn hóa giữa hai nước...bên cạnh các hoạt động mang tính tôn giáo như: Triển lãm Phật giáo "Dharm Darshan" trưng bày các hiện vật Phật giáo thể hiện tư tưởng và cuộc đời của Đức Phật, lễ hội Phật giáo tổ chức tại chùa Phổ Quang với các nhà sư đến từ Ấn Độ biểu diễn các điệu múa thần thánh, thực hiện hình vẽ, điêu khắc biểu tượng Phật giáo... sẽ khắc sâu và tôn vinh giá trị văn hóa Ấn Độ trong lòng Việt Nam, thắt chặt hơn nữa tình hữu nghị ban giao lâu đời giữa hai dân tộc Việt - Ấn."

Sau phát biểu khai mạc của HT. Thích Trí Quảng là phát biểu của Ông Ravindra Singh Thứ trưởng Bộ Văn hóa Ấn Độ với hy vọng "...thông qua tuần lễ Văn hóa này sẽ mang lại sức mạnh trong mối quan hệ văn hóa giữa hai nước là nhịp cầu nối sự hiểu biết giữa các dân tộc và chúng tôi hy vọng rằng sau sự kiện này sẽ thắt chặt hơn nữa tình hữu nghị giữa 2 nước Ấn - Việt..."

Ông Lê Mạnh Hà, Phó Chủ tịch UBND, TP. HCM, đến tham dự lễ hội trên cương vị của người đại diện chính quyền nhìn nhận về lễ hội "Lễ hội Phật giáo trong khuôn khổ Lễ hội Ấn Độ là cơ hội để chúng ta cảm nhận và hiểu biết thêm về những nét hay nét đẹp trong phong tục, tập quán và văn hóa của đất nước Ấn Độ, tôi tin rằng Lễ hội Ấn Độ lần này sẽ giúp tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân Việt Nam và Ấn Độ, qua đó, thắt chặt tình hữu nghị và quan hệ hợp tác giữa hai nước....Tôi tin tưởng các hoạt động của lễ hội tại TP. HCM không chỉ góp phần truyền bá ý thức bảo tồn và phát triển các di sản văn hóa Phật giáo, mà còn là cơ hội để hai dân tộc Việt Nam, Ấn Độ cùng nhau chia sẻ những giá trị thiết thực, nhân văn của Phật giáo. Đặc biệt, việc tổ chức Lễ hội này sẽ giúp cho Phật tử hai nước nhớ về nguồn cội của Phật giáo, từ đó tạo dựng một cuộc sống hướng thiện, tốt lành và yên vui."

Sau bài phát biểu của Hòa thượng Thích Thiện Nhơn Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị Sự TW GHPGVN là lễ cắt băng khánh thành lễ hội đã được diễn ra trong không khí hiểu biết và tình hữu nghị.

Kết thúc phần khai mạc là phần múa do các Lạt Ma Ấn Độ và các vị Đại đức, cùng các thiếu nữ Việt Nam thể hiện.●



chức Quốc tế Đại lễ Vesak 2014

Hoàng Tuấn

Chiều ngày 19/03/2014 (19/02/Giáp Ngọ), tại Hội trường chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình đã diễn ra Hội nghị lần thứ 2 của Ủy ban Tổ chức Quốc tế Đại lễ Vesak LHQ 2014

Đến dự và chỉ đạo Hội nghị có HT. Thích Thanh Nhiễu, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS GHPGVN, Chủ tịch Ủy ban Tổ chức Quốc tế Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc 2014; HT. Thích Giác Toàn; HT. Thích Thiện Tâm; HT. Thích Gia Quang và Chư tôn đức Giáo phẩm GHPGVN. Đại diện chức sắc tôn giáo quốc tế có Hòa thượng, Giáo sư, Tiến sĩ Phra Brahmapudit, và các thành viên của Ủy ban Tổ chức Quốc tế Đại lễ Vesak LHQ.

Đây là lần thứ hai, Việt Nam là nước chủ nhà đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak LHQ. Do vậy, Ban tổ chức Vesak LHQ 2014 tại Việt Nam tập trung trí tuệ để giúp công tác chuẩn bị tổ chức được chu đáo và khẳng định sự thành công của Đại lễ Vesak LHQ 2014 tại Việt Nam.

Tại hội nghị Hòa thượng Tiến sĩ Dhammaratana, Phó Chủ tịch Ủy ban Tổ chức Quốc tế Đại lễ Vesak LHQ chủ trì Hội nghị đã đưa ra những phương án, ý kiến bổ sung chi tiết vào Đề án tổng thể tổ chức Đại lễ. Chư tôn đức và các đại biểu đã cùng nhau bàn bạc, nhằm đạt được sự đồng thuận, cùng phối hợp với BTC để Đại lễ được thành tựu viên mãn.

Cũng tại Hội nghị HT. Thích Gia Quang thay mặt GHPGVN đã trả lời những thắc mắc của đại biểu liên quan đến công tác chuẩn bị về truyền thông, đón tiếp các nguyên thủ quốc gia, gia đình hoàng gia và các thành viên cao cấp đến từ các quốc gia Sri Lanka, Bhutan, Campuchia, Thái Lan....

Hội nghị sẽ diễn ra trong 2 ngày từ ngày 19 đến 20/03/2014.●



ĐÀ NẴNG: KHAI MẠC CHÍNH THỨC LỄ HỘI QUÁN THẾ ÂM

Nguyễn Hà

Sáng ngày 19 tháng 2 năm Giáp Ngọ (19 tháng 3 năm 2014), lễ chính thức Lễ hội Quán Thế Âm - Ngũ Hành Sơn năm 2014 đã long trọng diễn ra tại chùa Quán Thế Âm (quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng).

HT. Thích Thanh Đàm - UVTT HĐCM GHPGVN; HT. Thích Thiện Nguyên - UVTT HĐTS GHPGVN, Quyền trưởng BTS GHPGVN TP Đà Nẵng; HT. Thích Chí Mẫn - UV HĐTS GHPGVN, Phó BTS kiêm Trưởng Ban Tăng sự GHPGVN TP Đà Nẵng; HT. Thích Huệ Thường - Phó BTS GHPGVN TP Đà Nẵng; HT. Thích Hộ Chánh - UV HĐTS GHPGVN, Phó BHDPT TƯ GHPGVN cùng đồng đạo Chư tôn đức BTS GHPGVN TP Đà Nẵng; Chư Hòa thượng, Thượng tọa phái đoàn Phật giáo Thái Lan, Chư Đại đức Tăng Ni trụ trì các chùa, tự viện trên địa bàn TP Đà Nẵng đã quang lâm chứng minh và tham dự lễ.

Đến tham dự lễ có sự hiện diện của ông Nguyễn Xuân Anh - UV dự khuyết Ban Chấp hành TƯ Đảng, Phó CT UBND TP Đà Nẵng; ông Nguyễn Mạnh Hùng - UV Ban Thường vụ Thành ủy, Chủ tịch UB MTTQVN TP Đà Nẵng; ông Ngô Khôi - Phó GD Sở Nội vụ, Trưởng Ban Tôn giáo TP Đà Nẵng; ông Nguyễn Hữu Chiến - Phó GD Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch TP Đà Nẵng; ông Nguyễn Thanh Hải - Phó GD Công an TP Đà Nẵng cùng đại diện các ban ngành, các cấp chính quyền TP Đà Nẵng và quận Ngũ Hành Sơn. Hàng ngàn đồng bào Phật tử các giới, Huynh trưởng và đoàn sinh GDPT cũng đã có mặt từ sáng sớm để tham dự lễ chính thức.

Sau phần nghi lễ niệm Phật, chào Quốc Kỳ, Đạo kỳ; ĐĐ. Thích Thông Đạo - UV HĐTS GHPGVN, Phó Ban kiêm Chánh Thư ký BTS GHPGVN TP Đà Nẵng điều phối chương trình đã nêu lên ý nghĩa của ngày khánh đản và hạnh nguyện của Bồ Tát Quán Thế Âm. Tiếp theo là diễn văn khai mạc, HT. Thích Thiện Nguyên đã tán dương công đức của toàn thể Tăng Ni Phật tử TP Đà Nẵng. Ông Lê Hoàng Đức, Chủ tịch UBND Q. Ngũ Hành Sơn, Trưởng BTC Lễ hội cũng đã có bài phát biểu ôn lại quá trình hình thành và phát triển Lễ hội.

Tiếp sau đó Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni và quý vị quan khách đã dâng hương và tiến hành nghi lễ truyền thống PG kỷ niệm ngày Khánh đản của Bồ Tát Quán Thế Âm. ●

TỔ CHỨC LỄ UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN CẦU SIÊU CHO CÁC LIỆT SĨ, ĐỒNG BÀO TỬ NẠN

Dương Nường



Trong 2 ngày (14-15/3), tại Chùa Khánh Lâm (Kon Plông), Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh đã tổ chức Lễ uống nước nhớ nguồn bạt độ cầu siêu chư anh linh anh hùng liệt sĩ, đồng bào tử nạn và rút đồng đúc đại hồng chung. Về dự Lễ có đồng chí Lê Thị Kim Đơn - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Nguyễn Đức Tuy - Phó Chủ tịch UBND tỉnh; lãnh đạo các sở, ban ngành của tỉnh và hàng ngàn Phật tử trong và ngoài tỉnh.

Măng Đen - Kon Plông gắn liền với di tích lịch sử Măng Đen, Măng Bút, nơi đây đã từng diễn ra nhiều trận đánh ác liệt với chiến thắng vẻ vang của quân và dân ta, trong đó có nhiều anh hùng liệt sĩ đã hy sinh xương máu bảo vệ độc lập tự do cho Tổ quốc. Tại Lễ uống nước nhớ nguồn, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh đã tổ chức thắp đèn hoa đăng, lễ cầu siêu cho anh linh anh hùng liệt sĩ và đồng bào bị tử nạn do chiến tranh tại đây.

Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh cũng đã tổ chức Lễ rút đồng đúc Đại Hồng Chung tại Chùa Khánh Lâm. Đại Hồng Chung nặng 1,5 tấn đồng, trị giá 700 triệu đồng do Trường Đại học Marketing (thành phố Hồ Chí Minh tài trợ). ●



Phật giáo Nam tông tưởng niệm Đức Tổ sư Minh Đăng Quang

Tin & ảnh: **Quảng Hậu - Vũ Giang**



Đáp lời thỉnh mời của BTC Đại lễ tưởng niệm 60 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng, sáng ngày 26-2, hơn 1.000 chư Tăng Hệ phái Nam tông Kinh và Nam tông Khmer quang lâm Pháp viện Minh Đăng Quang (Q.2, TP. HCM) để tưởng niệm ngài trong tinh thần Linh Sơn pháp lữ.

Buổi lễ vinh hạnh cung đón ngài Panditha A.Wajirajothi Maha Thera - Phó Tăng thống Phật giáo Sri Lanka và phái đoàn của Phật giáo Sri Lanka.

Về phía chư tôn Giáo phẩm Phật giáo Nam tông Kinh và Nam tông Khmer có HT.Danh Nhưởng, Phó Pháp chủ kiêm Giám luật HĐCM; Viện trưởng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer; HT. Dương Nhơn, Phó Pháp chủ HĐCM, Phó Chủ tịch HĐTS; HT.Viên Minh, thành viên HĐCM; HT.Thích Thiện Tâm, Phó Chủ tịch HĐTS; HT.Thạch Sok Xane, Phó Chủ tịch HĐTS; cùng chư tôn đức lãnh đạo Phật giáo Nam tông, chư tôn đức Tăng, tu nữ đã quang lâm dự lễ tưởng niệm.

Đón tiếp phái đoàn về phía Hệ phái Khất sĩ có HT. Thích Giác Nhưởng, Phó Pháp chủ kiêm Giám

luật HĐCM; HT. Thích Giác Tường, UV Thường trực HĐCM; HT. Thích Giác Toàn, Phó Chủ tịch HĐTS; cùng chư tôn đức Giáo phẩm chứng minh Hệ phái Khất sĩ cũng như BTC Đại lễ.

Thay mặt BTC, HT. Thích Giác Toàn, Trưởng BTC đã phát biểu chào mừng, khái quát lại cuộc đời và đạo nghiệp của Tổ sư sáng lập Hệ phái Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam.

Đồng thời, Hòa thượng Trưởng BTC bộc bạch, trong ý nghĩa đoàn kết, hòa hợp, chư tôn đức Phật giáo Nam tông đã quang lâm chứng minh và tham dự lễ tưởng niệm lần này - càng thể hiện sự gắn kết giữa các truyền thống Phật giáo trong ngôi nhà chung của Giáo hội, tạo động lực khuyến tấn các thế hệ Tăng Ni của Hệ phái tích cực trong việc phụng sự đạo pháp để đền đáp ân đức Tổ sư.

HT. Thích Thiện Tâm, thay mặt Phật giáo Nam tông Kinh và HT. Thạch Sok Xane, đại diện Phật giáo Nam tông Khmer có lời tưởng niệm đối với Tổ sư Minh Đăng Quang. Dịp này, đại diện Phật giáo Nam tông cũng đã có những lễ hoa và phần quà gửi đến BTC Đại lễ.

Sau thời khóa tụng kinh cầu nguyện quốc thái dân an và tưởng niệm Đức Tổ sư theo nghi lễ Nam tông, BTC đã cung thỉnh chư tôn đức quang lâm trai đường để cúng dường trai Tăng.●



Lễ tưởng niệm Tổ sư Minh Đăng Quang của GHPGVN

Tin & ảnh: **H.Diệu - Yên Hà - Vũ Giang**

Khoảng 2.000 Tăng Ni, Phật tử đã quang lâm tổ đình Pháp viện Minh Đăng Quang (505, Xa Lộ Hà Nội, P. An Phú, Q. 2, TP. HCM) dâng nén tâm hương tưởng niệm 60 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng vào sáng ngày 27-2 (nhằm ngày 26-1-Giáp Ngọ).

Ban Tổ chức Đại lễ Tưởng niệm 60 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng đã vinh dự đón tiếp ngài Panditha A.Wajirajothi Maha Thera, Phó Tăng thống Phật giáo Sri Lanka và phái đoàn của Phật giáo Sri Lanka. Quang lâm chứng minh và tham dự đại lễ tưởng niệm có sự hiện diện của chư tôn giáo phẩm: HT.Thích Đức Nghiệp, Phó Pháp chủ HĐCM; HT.Thích Giác Nhuận, Phó Pháp chủ kiêm Giám Luật HĐCM, chứng minh Hệ phái Khất sĩ; HT.Thích Hiền Tu, HT.Thích Thanh Dũng, đồng Phó Thư ký HĐCM; cùng chư tôn giáo phẩm HĐCM; HT.Thích Thanh Nhiễu, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS; HT.Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký HĐTS; cùng chư tôn giáo phẩm Ban Thường trực HĐTS; chư tôn giáo phẩm các ban, viện T.Ư; các phái đoàn chư tôn đức đến từ 30 BTS GHPGVN tỉnh, thành trong cả nước; chư tôn đức giáo phẩm ở hải ngoại, quý Ni trưởng Phân ban Ni giới T.Ư, Tăng Ni, Phật tử các tự viện TP. HCM, đông đảo Phật tử Hệ phái Khất sĩ Việt Nam.

Trong không khí trang nghiêm, long trọng, thắm tình linh sơn pháp lữ, tại buổi lễ tưởng niệm, HT.Thích Giác Toàn, Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng Ban Tổ chức Đại lễ tưởng niệm 60 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng đã ôn lại hành trạng của Tổ sư và sơ lược quá trình hình thành, phát triển của Hệ phái Khất sĩ.

Tại buổi lễ tưởng niệm, thay mặt HĐCM, HĐTS GHPGVN, HT.Thích Đức Nghiệp đã dâng lời tưởng niệm qua những vần kệ đầy xúc động. Theo

đó, Hòa thượng đã ôn lại cuộc đời và công hạnh của Tổ sư Minh Đăng Quang. Dù Tổ sư vắng bóng đã 6 thập kỷ trôi qua, từ hơn 100 Tăng Ni, ngày nay Hệ phái Khất sĩ đã phát triển lên hơn 3.000 Tăng Ni. Hệ phái Khất sĩ là Tăng đoàn hòa hợp, tứ chúng đồng tu thanh tịnh. Tăng Ni, Phật tử Hệ phái Khất sĩ sinh hoạt tu học, cộng tu hòa hợp, phát triển cùng với các hệ phái Phật giáo Việt Nam. Cơ sở Pháp viện Minh Đăng Quang là chốn Tổ của Hệ phái Khất sĩ nói riêng và là ngôi nhà chung của Tăng Ni, Phật tử GHPGVN. GHPGVN mong rằng tinh thần này sẽ được nhân rộng, Tăng Ni, Phật tử luôn ghi khắc ân đức của Tổ sư Minh Đăng Quang, người có công khai sáng Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam và không ngừng phát triển, đồng hành cùng dân tộc.

Thời khắc thiêng liêng của lễ tưởng niệm, chư tôn giáo phẩm HĐCM, HĐTS GHPGVN đối trước Giác linh đài của Tổ sư thành kính dâng hương tưởng niệm, toàn thể hội trường thành kính thấp nén tâm hương dâng lên cúng dường hướng về Tổ sư Minh Đăng Quang trong tiếng chuông trầm hùng, khói trầm hương quyện tỏa. HT. Thích Huệ Minh, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Nghi lễ T.Ư xướng lễ tưởng niệm.

Buổi lễ tưởng niệm kết thúc sau những lời tri ân, cảm tạ của HT.Thích Giác Toàn, thay mặt Ban Tổ chức gửi đến toàn thể chư tôn giáo phẩm HĐCM, HĐTS, BTS GHPGVN tỉnh, thành; Tăng Ni, Phật tử đã đến tham dự Đại lễ tưởng niệm 60 năm Tổ sư vắng bóng.

Ban Tổ chức cũng tri ân, đón nhận những lẵng hoa tưởng niệm của HĐCM, HĐTS, BTS GHPGVN tỉnh, thành, Tăng Ni, Phật tử... gửi đến, dâng lên tưởng niệm Tổ sư. ●



Việt Nam tham dự hội thảo về hoằng pháp tại Thái Lan

Vũ Giang - Thế Như

Từ ngày 7 đến 10-3, tại Trường Đại học Mahachulalongkorn (Thái Lan) đã diễn ra hội thảo khoa học về ngành hoằng pháp với sự tham dự của 15 quốc gia.

Đoàn đại biểu của Phật giáo Việt Nam tham dự hội thảo do HT. Thích Thiện Tâm, Phó Chủ tịch HĐTS làm trưởng đoàn; TT. Thích Minh Thành, UVTT HĐTS làm phó đoàn kiêm thư ký.

Đây là hội thảo khoa học về trải nghiệm hoằng pháp, chuyên sâu về mảng trải nghiệm hoằng pháp quốc tế của chư Tăng đang sống và làm việc ở các nước trên thế giới.

Hội thảo được sự đóng góp của nhiều đoàn đại biểu từ các nước như Lào, Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản, Myanmar, Sri Lanka, Singapore, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Thụy Điển...

Tại hội thảo, HT. Thích Thiện Tâm đã có bài phát biểu nêu lên ý nghĩa của hội thảo và nhấn mạnh tình cảm gắn bó giữa GHPGVN với Giáo hội Phật giáo Vương quốc Thái Lan và Phật giáo các nước.

Thông qua buổi hội thảo, Hòa thượng cũng đề cập đến sự kiện lần thứ hai Việt Nam đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak LHQ, thể hiện sự đóng góp tích cực và có trách nhiệm của Phật giáo Việt Nam đối với những hoạt động có ý nghĩa của Phật giáo Thế giới. Bài phát biểu của Hòa thượng được cử tọa nhiệt liệt hoan nghênh và được chủ tọa hội thảo đánh giá cao.

Bên cạnh chương trình hội thảo, đoàn Phật giáo Việt Nam cũng tham dự đại lễ trà tỳ nhục thân của Trưởng lão Hòa thượng Somdet Phrabuddhacariya (1928 - 2013), quyền Tăng thống của Phật giáo Thái Lan, là trụ trì chùa Wat Sakesa Rajavaramahavihara theo nghi thức của Phật giáo Việt Nam.●

Hà Nội: GHPGVN đón tiếp ngài Đại sứ Bangladesh



Cầm Văn

Tới thăm và làm việc có Ngài Supradip Chakma - Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Bangladesh tại Việt Nam. Tiếp đoàn có HT. Thích Thanh Nhiễu – Phó chủ tịch TT HĐTS GHPGVN; TT. Thích Đức Thiện – Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng I T.Ư GHPGVN.

Nhân dịp này HT. Thanh Nhiễu cảm ơn chuyến đi của Ngài Đại sứ Bangladesh đã tới thăm hỏi và gửi lời chúc tới toàn thể chư tôn đức lãnh đạo tại trụ sở T.Ư GHPGVN. Hòa thượng cũng đã thông báo với Đại sứ Bangladesh về việc GHPGVN đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak, đồng thời Hòa thượng gửi lời mời Ngài Đại sứ đến tham dự Đại lễ Vesak 2014 của Việt Nam được tổ chức tại Bái Đính – Ninh Bình.

Đại lễ Vesak LHQ 2014 sẽ do Giáo hội Phật giáo Việt Nam đăng cai chủ trì, với sự phối hợp tổ chức của Ủy ban Tổ chức Quốc tế (ICDV), sự giúp đỡ và bảo trợ của Chính phủ Việt Nam.

Hòa thượng mong muốn trong thời gian tới mối quan hệ giao lưu giữa Phật giáo Việt Nam và Bangladesh ngày càng thắt chặt, gắn bó và phát triển trong tình hữu nghị.

Tại buổi gặp mặt Ngài Supradip Chakma - Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Bangladesh tại Việt Nam rất vui mừng được chư tôn đức GHPGVN tiếp đón và mong muốn được tìm hiểu về các hoạt động của GHPGVN. Đặc biệt, ngài đã bày tỏ niềm vinh dự và chúc mừng khi GHPGVN đăng cai việc tổ chức Đại lễ Vesak 2014 tại Việt Nam. Việc đăng cai Đại lễ Vesak LHQ 2014 năm nay vô cùng quan trọng và đầy ý nghĩa. Khẳng định Việt Nam là quốc gia luôn tôn trọng quyền tự do tôn giáo, đạo Phật với lý tưởng hòa bình và thân ái.●



Tin, ảnh: **Cầm Vân**

Ngày 12/02/Giáp Ngọ (12/03/2014), phái đoàn Chư tôn đức TT HĐTS GHPGVN đã báo cáo về công tác chuẩn bị tổ chức Vesak LHQ 2014.

Đoàn Giáo hội do HT.Thích Thanh Nhiễu – Phó Chủ tịch TT HĐTS GHPGVN đồng Chủ tịch Ủy ban Tổ chức Quốc tế (ICDV), Chủ tịch Ủy ban Tổ chức Đại lễ, TT.Thích Đức Thiện – Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng I.T.Ư; TT.Thích Thanh Phong – Trưởng ban Kinh tế Tài chính T.Ư; ĐĐ.Thích Đồng Ngộ – Phó Trưởng ban Thường trực Ban Kinh tế Tài chính T.Ư.

Tiếp đoàn có Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc; ông Phạm Dũng - Thứ trưởng Bộ Nội vụ Trưởng BTG Chính phủ; ông Nguyễn Quang Thắng – Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và các vị trong Văn phòng Chính phủ.

HT.Thích Thanh Nhiễu đã báo cáo với Phó Thủ tướng về tổng quan chương trình Đại lễ Vesak LHQ của Việt Nam tổ chức. Năm 2008, Chính phủ đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak LHQ, GHPGVN được Nhà nước hỗ trợ tổ chức thành công Đại lễ tại thủ đô Hà Nội.

Năm 2014, sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý, GHPGVN được đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak LHQ 2014 tại Trung tâm Bái Đính, tỉnh Ninh Bình với sự phối hợp tổ chức của Ủy ban Tổ chức Quốc tế (ICDV) và sự giúp đỡ của Chính phủ bằng nguồn kinh phí xã hội hóa. Vesak 2014 sẽ diễn ra từ ngày 8-10/5 với sự tham dự của 10.000 người đến từ 95 quốc gia vùng lãnh thổ trên thế giới với hơn 1000 đại biểu chính thức.

Tại buổi làm việc Phó Thủ tướng Chính phủ

đã nghe TT.Thích Đức Thiện – đại diện GHPGVN báo cáo về công tác chuẩn bị Đại lễ Vesak 2014.

Với chủ đề chính của Vesak 2014 “Phật giáo góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc” đây là vấn đề mang tầm vóc quốc tế. Ý nghĩa và mục đích việc đăng cai tổ chức Vesak LHQ 2014 đã khẳng định sự trưởng thành và vai trò quan trọng của GHPGVN sau hơn 30 năm trong thời kỳ hội nhập Phật giáo quốc tế, thông qua đó khẳng định với bạn bè thế giới về quyền tự do và đời sống tôn giáo của người Việt.

Đây là sự kiện đối ngoại quan trọng của GHPGVN, đồng thời qua đó thể hiện trách nhiệm của Nhà nước của Chính phủ Việt Nam đối với LHQ, mong muốn bạn bè thế giới hiểu hơn về đất nước và con người Việt Nam. Với ý nghĩa như vậy, Giáo hội sẽ quyết tâm tổ chức thành công Đại lễ Vesak 2014.

Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh, Đại lễ Phật đản Vesak LHQ 2014 năm nay được tổ chức tại Việt Nam có tầm quan trọng rất lớn đối với Phật giáo nước nhà, và Nhà nước rất quan tâm. Phó Thủ tướng đề nghị GHPGVN phối hợp với BTG Chính phủ và Tổ công tác liên ngành Chính phủ tích cực trong công tác chuẩn bị, có kịch bản chi tiết cho các nội dung, chương trình và các hoạt động của Đại lễ.

Phó Thủ tướng mong muốn GHPGVN cố gắng hoàn thành công tác, thời gian không còn nhiều, vì thế mọi công việc phải thật khẩn trương, đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn đối với những đoàn khách quốc tế cũng như các tăng, ni, Phật tử trong cả nước về tham dự.●

Thư mời : Viết Tham luận Hội thảo Khoa học Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng Dân tộc

Được
sự cho phép của Ban Tôn
giáo Chính phủ và Ban Thường trực Hội
đồng Trị sự TW GHPGVN cùng các ban ngành
liên quan. Hội thảo Khoa học Phật giáo Nam tông
Khmer đồng hành cùng Dân tộc sẽ được tổ chức
vào ngày thứ 4, 11/06/ 2014 tại TP. Rạch
Giá, tỉnh Kiên Giang.

1. MỤC ĐÍCH VÀ CHỦ ĐỀ CỦA HỘI THẢO:

Phật giáo Nam tông Khmer là một trong 09 tổ chức, hệ phái tham gia thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Từ khi du nhập vào Việt Nam, trải qua bao cuộc thịnh suy của dân tộc, Phật giáo Việt Nam nói chung, Phật giáo Nam tông Khmer nói riêng luôn đồng hành cùng dân tộc, tích cực tham gia, đóng góp cho sự tồn tại, hưng thịnh và phát triển của đất nước.

Để làm sáng tỏ sự đóng góp to lớn đó và giáo dục tinh thần từ bi vị tha, cứu độ chúng sanh của đức Phật cho thế hệ mai sau, góp phần hưởng ứng tích cực chương trình thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc; nhằm định hướng trong tình hình mới để đồng hành cùng dân tộc, góp phần tạo thêm sức mạnh trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo phương châm "Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa Xã hội"; nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày bốn vị sư Khmer anh dũng hy sinh vì sự nghiệp trường tồn của đạo pháp, giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, Viện Nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam phối hợp với Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tổ chức Hội thảo Khoa học với chủ đề Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc.

Ban Tổ chức trân trọng kính mời chư Tôn đức Tăng Ni, các nhà nghiên cứu và nhân sĩ trí thức viết tham luận về các nhóm chủ đề sau đây:

Nhóm chủ đề thứ nhất: Nguồn gốc, lịch sử và truyền thừa của Phật giáo Nam tông Khmer.

- Quá trình hình thành của Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam.
- Những sự kiện của Phật giáo Nam tông Khmer trong lịch sử.
- Quá trình truyền thừa của Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam.
- Tinh thần sự kiện ngày 10/06/1974 bốn vị sư Khmer đã anh dũng hy sinh.
- Sự tham gia của Phật giáo Nam tông Khmer trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

Nhóm nội dung thứ hai: Những vấn đề Triết học và Phật học trong Kinh điển Phật giáo Nam tông Khmer.

- Vũ trụ và con người.
- Hạnh phúc và tự do.
- Văn hóa và đạo đức.
- Giới Định Tuệ (triết lý nhân sinh) và đạo đức.
- Giáo dục và mỹ học.

Nhóm nội dung thứ ba: Phật giáo Nam tông Khmer hội nhập và phát triển:

- Phật giáo Nam tông Khmer và văn hóa vùng Nam bộ.
- Phật giáo Nam tông Khmer với Phật giáo Việt Nam.
- Phật giáo Nam tông Khmer trên con đường hội nhập và phát triển hiện nay.
- Giáo dục Phật giáo Nam tông Khmer trên bước đường hội nhập và phát triển.
- Phật giáo Nam tông Khmer đối với việc bảo vệ môi trường.
- Phật giáo Nam tông Khmer với việc xây dựng xã hội bền vững.

2. THỜI GIAN TỔ CHỨC HỘI THẢO:

- Thứ tư, ngày 11/6/2014 (cả ngày).
- Tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3. THỜI GIAN NỘP BÀI VÀ IN KỶ YẾU HỘI THẢO:

- + Từ ngày 28/02/2014 đến 15/3/2014: Các học giả, nhà nghiên cứu, chuyên gia đăng ký đề tài, viết Tóm tắt tham luận gửi đến Ban Tổ chức và Ban Thư ký Hội thảo.
- + Từ 16/4/2014 đến 16/5/2014: Ban Thư ký nhận toàn văn bài Tham luận cho Hội thảo.
- + Từ 17/5/2014 đến 30/5/2014: Ban Tổ chức tập hợp bài tham luận, biên tập nội dung và in Kỷ yếu Hội thảo.

4. QUY CÁCH VĂN BẢN:

Sử dụng mã chữ Unicode, font: Times New Roman, cỡ chữ 13, cách dòng đơn, chừa lề tự động, cách đoạn 6pt, dài không quá 5.000 chữ. Tài liệu trích dẫn đặt ở cuối trang (dùng chế độ "Footnotes" tự động).

5. ĐỊA CHỈ NHẬN BÀI:

- Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 27 Trần Xuân Soạn, Hà Nội.
Email: letamdac72@yahoo.com.vn ; quehuongtg@gmail.com
 - Chùa Candarañsi, 164/235 Trần Quốc Thảo, phường 7, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
Email: chauhoaitai@gmail.com
- Rất mong nhận được sự tham gia đóng góp của Quý vị.
Trân trọng.

TM. BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

**VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO**

(đã ký, đóng dấu)

TS. Nguyễn Quốc Tuấn

**VIỆN TRƯỞNG
HỌC VIỆN PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER**

(đã ký, đóng dấu)

HT.TS. DANH NHƯỞNG



TP. HCM: Chùa Phothiswong đón nhận quyết định bổ nhiệm Trụ trì

Nguyễn Lạc - Đăng Huy

Sáng ngày 23/3/2014, tại chùa Phothiswong – Q. Tân Bình đã long trọng và trang nghiêm đón nhận quyết định bổ nhiệm trụ trì của BTS Phật giáo TP. HCM cho Đại đức Nguyễn Trí.

Quang lâm chứng minh tham dự có: HT.Thích Như Tín – Phó BTS PG TP.HCM, HT. Hữu Hình – Chứng minh BTS tỉnh Bạc Liêu – Chủ tịch Hội Sư sãi đoàn kết yêu nước tỉnh Bạc Liêu, TT. Danh Lung – UV TT HĐTS GHPGVN – Phó VP 2 TW, TT.Thích Đạt Đức – Trưởng BTS PG Q. Tân Bình, cùng chư tôn đức BTS PG TP. HCM, PG Q.Tân Bình, hệ phái Nam Tông, các tự viện, tịnh xá, tịnh thất trong Thành phố và các tỉnh miền Đông Nam bộ.

Đại diện các cấp chính quyền Thành phố, quận, phường sở tại đồng tham dự.

Chùa Phothiswong được xây dựng năm 1963, là một số ít ngôi chùa thuộc hệ phái Nam tông Khmer tọa lạc tại quận Tân Bình, TP. HCM, từng được sự hướng dẫn tu học của HT. Lý Âm, HT. Lâm Ym và HT. Giới Nghiêm.

Sau khi GHPGVN được thành lập, chùa giao cho HT. Lâm Ym làm trụ trì và hướng dẫn cho đồng bào Phật tử Khmer sinh sống trên địa bàn TP.HCM nói chung và quận Tân Bình nói riêng cũng như đồng bào Phật tử tu học.

Với những đóng góp Phật sự đã đạt được, cũng như sự tin tưởng của BTS Phật giáo Thành phố và Phật giáo Q.Tân Bình, BTS Phật giáo TP. HCM đã quyết định chuẩn y bổ nhiệm trụ trì chùa Phothiswong cho Đại Đức Nguyễn Trí đảm nhiệm.

Tại buổi lễ, Chư tôn đức Hệ phái Nam Tông đã có nghi thức tấn phong bổ nhiệm Trụ trì theo nghi thức biệt truyền của Hệ phái cho Đại đức Nguyễn Trí. Nghi thức nhằm tạo phước lành cho Đại đức tân trụ trì, cũng như cầu phước báu cho đại chúng tham dự tại buổi lễ.●



Tặng xe đạp cho học sinh nghèo và thực phẩm cho đồng bào khó khăn

theo trungtamhotong.org

Chiều ngày 14/2/Giáp Ngọ (14/3/2014) nhóm từ thiện do đạo hữu Đào Thiệu và cô Tú Anh (Huyện Thanh) đại diện bạn bè, người hảo tâm đã đến chùa Định Quang trao tặng 100 phần quà cho bà con nghèo, người mù, người tàn tật ở địa phương. Mỗi phần quà gồm gạo, mì ăn liền có trị giá khoảng 200.000 đ.

Chiều ngày 15/2/Giáp Ngọ (15/3/2014), theo sắp xếp của Ban Tổ chức Lễ hội Huyện Không, nhóm lại trao tặng 100 chiếc xe đạp cho các học sinh nghèo tại các phường lân cận và ở thành phố Huế. Mỗi chiếc xe trị giá 1.400.000 đ.

Và sáng ngày 17/2/Giáp Ngọ (17/3/2014) Thượng tọa Pháp Tông đã dẫn đầu đoàn từ thiện ra Quảng Trị tặng 85 chiếc xe đạp cho các học sinh nghèo ở huyện Cam Lộ và trao 100 phần quà cho 100 hộ đồng bào khó khăn về sinh kế. Mỗi phần quà gồm gạo, nước mắm, gia vị các loại có trị giá là 200.000 đ. Ngoài ra, chùa Huyện Không còn san sẻ, góp thêm vào mỗi suất quà của bà con một ít thức ăn, thực phẩm đóng gói mà chư Tăng trong chùa nhận được ở lễ Đặt Bát vào ngày Lễ hội Huyện Không vừa diễn ra.●



Sóc Trăng: Phật giáo Nam tông Khmer tổ chức kỳ thi tốt nghiệp Pali Roong và Thomma Vini Ek

Tin, ảnh: **Chanh Đa**

Trong hai ngày 09 và 10/3, tại chùa Sro Lôn (xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên) Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Sóc Trăng phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mỹ Xuyên tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp Pali Roong và Thomma Vini Ek (giáo lý) năm học 2013 - 2014. Đây là kỳ thi để đánh giá kết quả giảng dạy và học tập của các tăng sinh ở các chùa Nam tông Khmer trong tỉnh; đồng thời kỳ thi cũng là cơ sở để tuyển chọn các tăng sinh đạt kết quả cao vào học Trường Bồ tát Văn hóa Trung cấp Pāli Nam bộ trong năm học mới.

Kỳ thi năm nay có 60 thí sinh, trong đó, hệ Pāli Roong có 55 thí sinh và Thomma Vini Ek có 5 thí sinh đến từ các chùa Phđau Pênh, Sêrey Ta Mơn, chùa Băng Phniết (huyện Trần Đề); chùa Sro Lôn (huyện Mỹ Xuyên) và Peang Som Ráth (huyện Châu Thành); Đơm Om Pil (thị xã Vĩnh Châu). Các tăng sinh sẽ trải qua 7 môn thi, thời gian làm bài 60 phút/môn.

Ở hệ Pāli Roong gồm các môn: dịch Pāli, ngữ pháp Pāli, chính tả Khmer, vini (giới luật), tiểu sử Phật Thích Ca - tiểu sử Bác Hồ, toán và tiếng Việt. Còn hệ Thomma vini ek thi các môn: Apphithom (kinh tạng), giới luật, ngữ pháp Khmer, chính tả Khmer, tiểu sử Phật Thích Ca - tiểu sử Bác Hồ, Toán và Tiếng Việt. Kết quả, có 60 thí sinh thi đậu, đạt 100%. Trong đó, hệ Pāli Roong có 55 thí sinh thi đỗ và hệ Thomma Vini Ek 5 thí sinh thi đỗ.

Theo Hòa thượng Tăng Nô, Hội phó Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước tỉnh, kỳ thi năm nay diễn ra rất nghiêm túc, kết quả của kỳ thi đã đánh giá được chất lượng giảng dạy trong các chùa Khmer ngày càng được nâng cao. Cũng theo Hòa thượng Tăng Nô thì các tăng sinh có hộ khẩu ở Sóc Trăng sau khi đỗ tốt nghiệp hệ Pāli Roong sẽ xét tuyển vào Trường Bồ tát Văn hóa Trung cấp Pāli Nam bộ; còn với những tăng sinh có hộ khẩu ngoài tỉnh muốn gửi hồ sơ xét tuyển vào Trường Bồ tát Văn hóa Trung cấp Pāli Nam bộ thì phải có giấy giới thiệu từ Hội Đoàn kết sư sãi tỉnh.●



Khai mạc Khóa thiền Vipassana mùa xuân 2014 tại Thiền viện Phước Sơn

Tin: **Hoa Sen Gió**, ảnh: **VTP - TIM**

Vào lúc 18 giờ 10 phút, ngày 01/03/2014 tại trường Thiền - thiền viện Phước Sơn (số 368 ấp Tân Cang, Phước Tân, Biên Hòa) đã trọng thể diễn ra lễ khai mạc Khóa thiền Vipassana mùa xuân 2014.

Được biết, khóa thiền đã được sự chấp thuận của Ban Tôn giáo Chính phủ, theo công văn số 1171/ TGCP-HTQT. Thiền viện Phước Sơn tổ chức khóa thiền Vipassana Mùa Xuân từ ngày 01/03/2014 đến ngày 01/05/2014 do thiền sư Zatila quốc tịch Myanmar hướng dẫn.

Hơn 300 thiền sinh tham dự khóa thiền được Thiền viện bố trí chỗ trú ngụ và thức ăn hàng ngày cho thiền sinh xuất gia và tại gia cư sĩ.●

Danh Sách Ủng Hộ Tạp Chí PGNT Số 38

01	Thích Ca Phật Đài	100 quyển
02	Gđ BS Phạm Lê An	20 quyển
03	Gđ Trần Lê Khanh	10 quyển
04	Gđ Vũ Anh Tuấn	20 quyển
05	Pt Nguyễn Phương Quỳnh	10 quyển
06	Pt Lý Ngọc Mai	10 quyển
07	Gđ Diệu Đức	10 quyển
08	Gđ Đức Trí Đức Dũng	05 quyển
09	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	40 quyển
10	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
11	Huỳnh Thị Mẫn	10 quyển
12	Gđ Lê Hiền Khánh	100 quyển
13	Gđ TN Quang Lộc - Hà Thế Hưng	70 quyển
14	Đạo tràng Giác Bảo Hoa	23 quyển
15	PT Thiền viện Bồ Đề - Vũng Tàu	33 quyển
16	Cô Mai	10 quyển
17	Cô Mười Trang	10 quyển
18	PT TV Thiện Minh - Vĩnh Long	05 quyển
19	Gđ Huỳnh Thị Nhân	33 quyển
20	TN Quang Khanh, TN Quang Ngọc, sư Pháp Thạnh	11 quyển
21	Chùa Thanh Long - Bình Dương	05 quyển
22	Chú Hội cô Lài	30 quyển
23	Gđ Trí Thọ	25 quyển
24	Gđ Thiện Trí - Như Hạnh	07 quyển
25	Gđ Đỗ Đăng	10 quyển
26	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
27	Chùa Đại Lộc - Ấn Độ	05 quyển
28	Gđ Trần Thị Nga (PD Quang Nga)	70 quyển
29	Gđ Ngọc Việt - Kim Hồng	25 quyển
30	Gđ Đăng Phước	05 quyển
31	Gđ Tâm Hương	10 quyển

32	Đoàn Thị Hiền	07 quyển
33	Nguyễn Thị Thảo (PD Mỹ Hồng)	10 quyển
34	Gđ Quách Thị Ngọc Hà	10 quyển
35	Gđ Liễu Vân	05 quyển
36	Gđ Nguyễn Thị Kim Hoa	10 quyển
37	Nguyễn Văn Thanh Trúc (PD Chân Nhân)	07 quyển
38	Phạm Thị Túy Vân	05 quyển
39	Vũ Thị Ngân	05 quyển
40	TT Pháp Cao	33 quyển
41	Gđ Pháp Đạo - Hoa Minh	13 quyển
42	Vương Thị Kim Liên	05 quyển
43	Gđ Phạm Thị Sinh - Nguyễn Thất Ánh	05 quyển
44	Nguyễn Đắc Diệu Ân	07 quyển
45	Lê Hữu Lực, Gđ Diệu Kim, Gđ Chiêu Minh	05 quyển
46	Gđ Dương Thị Mộng Thủy	16 quyển
47	Dương Thị Xanh, Gđ Lâm Hữu	07 quyển
48	Gđ TN Siêu Pháp, Đặng Hữu, Lâm Thị Mai, Nhóm Sudbhadda	13 quyển
49	Nguyễn Tuấn Khang, Đoàn Thị Thảo	07 quyển
50	Phạm Ngũ Dinh, Gđ Ngọc Khiêm, Gđ Hoàng Thị Chín	10 quyển
51	Gđ Thiện Nhơn	07 quyển
52	Gđ Nguyễn Xuân Thắng	07 quyển
53	Gđ Vũ Thị Tú Anh, Gđ Phan Văn Đề, Gđ Diệu Hiền	10 quyển
54	Gđ Phan Văn Năng, TN Giác Tuệ, Gđ Đoàn Thị Tuyết Hằng	10 quyển
55	Trịnh Ngọc Quang, TN Quang Cúc Gđ Phan Thị Ngọc Yến	10 quyển
56	Gđ Nguyễn Minh Đức	07 quyển
57	Cô Hai Mỹ Tho	07 quyển
58	Phật tử chùa Bửu Quang	79 quyển

giá: 30.000 đồng